

Hội nghị tư vấn về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam

Về quan hệ giảng dạy - nghiên cứu và học tập

Hà Dương Tường (*)



Theo các báo chí trong nước, *Hội nghị tư vấn về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam* do bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Việt kiều trung ương tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 3 ngày 17-19/2/1994, đã quy tụ hơn 50 hiệu trưởng, giáo sư, cán bộ quản lý đại học trong nước và hơn 40 giáo sư, chuyên gia Việt kiều từ 10 nước Âu, Mỹ, Á, Úc.

Tham luận của nhiều giáo sư, chuyên gia Việt kiều tại hội nghị đã gợi nhiều ý kiến về các vấn đề quan trọng như vấn đề hệ thống giáo dục và văn bằng, vấn đề quản lý và tài chính cho

đại học, mạng lưới đại học và sự đáp ứng các đòi hỏi của nền kinh tế, nghiên cứu và giảng dạy, đại học tư, kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, hợp tác quốc tế. Một số khác bàn về các vấn đề chức năng và tinh thần đại học, vấn đề tuyển sinh, hệ thống trường sư phạm v.v... Tập Kỷ yếu hội nghị, khi hoàn thành, sẽ cung cấp thêm những thông tin về các cuộc thảo luận trong hội nghị, phản ứng của những người tham dự đối với những đề nghị được nêu ra và sự tiếp nhận của các cấp hữu trách đối với các đề nghị đó. Điều này dĩ nhiên phụ thuộc vào tính khả thi kinh tế - kỹ thuật của các biện pháp được đưa ra. Nhưng, không hẳn chỉ có thế...

Bài dưới đây, tập trung chung quanh mối quan hệ *giảng dạy - nghiên cứu - học tập ở đại học*, và dựa trên những tham luận và báo cáo của các cấp trách nhiệm tại bộ giáo dục và đào tạo, bộ tài chính, các trường đại học ..., cùng vài thông tin khác, sẽ nói thêm về một vài điểm người viết có cảm tưởng như không hoặc chưa được nêu ra rõ ràng lắm hầu có thể được giải quyết trong quá trình cải tổ.

Giảng dạy và nghiên cứu

Đã có nhiều nhà khoa học có thẩm quyền nêu lên những lý do sâu sắc về sự không thể tách rời đại học và nghiên cứu khoa học để khỏi cản trở lại dài dòng về mối quan hệ mật thiết này.

(xem tiếp trang 8)

(*) Giáo sư đại học Compiègne

mục lục



Thời sự, những vấn đề

1. Về quan hệ giảng dạy - nghiên cứu và học tập

Hà Dương Tường

4. Tin Việt Nam

11. Sự chấm dứt huyền thoại đại đồng

Nguyễn Thu

Hồ sơ đặc biệt

14. Hồ sơ Nguyễn Hộ

18. Thư ngỏ số 2 của Hoàng Minh Chính

Văn hoá, nghệ thuật

2. Giới thiệu sách mới (Hàn Thuỷ) và thông báo sinh hoạt

20. Thơ: Lê Thị Ngọc Thuý, Hoàng Hưng, Trần Mạnh Hảo,

Huy Cận, Diễm Châu

21. Sống tự do và tự do sáng tác

Trần Đạo

23. Cổ Điện (tiếp theo)

Hoàng Xuân Hân

26. Đọc sách

Nguyễn Hữu Thành

27. Đỗ Kh. kẻ giải hoặc

Đặng Tiến

30. Chiếc cốc sắt (truyện ngắn)

Phan Thanh Hoài

voyage 1994 Việt Nam

L'Union des Jeunes Vietnamiens de France (UJVF) est une association loi 1901 (à but non lucratif), qui a pour objectif de promouvoir le rapprochement culturel des jeunes vietnamiens en France avec leur pays d'origine. Elle organise chaque année, depuis 1986, un voyage au Viet Nam durant le mois d'Août. Cette expédition, loin des circuits standards, est ouverte à tous les jeunes de 18 à 30 ans et permet à ses participants de découvrir, tant les paysages que la vie au quotidien des jeunes du Viet Nam.

Liste indicative des lieux : Delta du Mékong, Ho Chi Minh Ville, Nha Trang, Da Nang, Hue, Hanoi, Baie d'Ha Long et Cao Bang.

Participation aux frais : 13200 à 14000 Frs

(ceci comprend : billet d'avion et transport Intérieur, pension complète et hébergement, toutes les excursions avec guide et accompagnateurs durant tout le voyage).

Non compris : assurance, visa et inscription à l'UJVF.



Contact UJVF : Jérôme chez Usbek-Ricard 60, rue Vieille du Temple 75003 Paris Tél. 42 71 73 02

centre culturel franco-vietnamien

24, RUE DES ÉCOLES, PARIS 5, ☎ 43 29 60 89
ouvert tous les jours [sauf le lundi]

calendrier d'avril-mai 1994 :

EXPOSITION de PEINTURES :

Lucila Viso : METAMEMOIRES (vernissage : 7 avril)

Georgein : RETOUR DE CHINE (vernissage : 29 avril)

EXPOSITION de PHOTOGRAPHIES :

Martial Beauville (jusqu'au 24 avril)

Nair Gouasmi : APERÇUS VIETNAMIENS
(à partir du 29 avril)

CONFÉRENCES :

9 avril, à 20h30 : VIETNAM, POINT DE DEPART, film de
Robert KRAMER. Débat avec l'auteur

7 mai, à 20h30 : INTRODUCTION À L'ART
VIETNAMIEN, par Nguyễn Phúc Long,
archéologue et historien d'art

THÉ DANSANT : 3 avril, 8 mai à partir de 15 h.

VOYAGE : 2 JOURS EN HOLLANDE

30 avril et 1er mai : Amsterdam et ses canaux, le musée
Van Gogh, le parc Keukenhof (tulipes).

đọc sách

Khu vườn mùa mưa tiểu thuyết mới của Thế Uyên

Nhà xuất bản Xuân Thu, California 1993

Khu vườn mùa mưa là một truyện dài viết theo ngôi thứ nhất, theo thời gian tuyến tính rất cổ điển. Cổ điển, như thể thơ lục bát hay như nguyên tắc ba thống nhất trong kịch, khó, nhưng có cái mạnh của nó mà muốn khai thác phải lão luyện. Lão luyện đến mức giản dị như trong văn Thế Uyên thường làm cho người đọc bị lôi cuốn vào tình ý, sự kiện, mà quên văn. Rồi thỉnh thoảng sống sờ :

« Bác ơi...

« Giọng con bé dịu dàng đặt lên ý thức đang mơ màng của tôi, như làn nóng ấm của nắng đang khép nhẹ từng đợt mỏng liên tiếp trên da tôi. Có tiếng lá miá khe khẽ tiến tới, rồi xa... »

Không phải cố ý chọn, chỉ gỡ đọc thử vài trang đã gặp ngay một đoạn như thế.

Người kể chuyện là một nhà báo, một người cha, một người tình già, thỉnh thoảng làm chính trị. Chuyện là chuyện của một gia đình Việt Quốc, có liên hệ cao trong đảng ; chuyện của giới am hiểu tình hình, gần chính quyền và gần đối lập ; khung cảnh trước và sau những cuộc đảo chánh tại miền Nam, trước nhiều hơn sau. Lịch sử, xã hội, tâm lý, sinh lý, quan hệ người với người được đan kết tế nhị, được mô tả nhiều khi táo bạo và luôn luôn hấp dẫn. Một vài chuyện người điếm sách này hơi khó tin, chẳng hạn sao nhân vật nữ chính quá ngây thơ. Nhưng không sao, " sự thực " của một tác phẩm văn học nhiều khi có thể chưa bao giờ xảy ra, mà vẫn thực hơn là sự thực. Vậy còn chủ đề của *Khu vườn mùa mưa* ? Có lẽ tác giả nhường quyền chọn lựa cho bạn đọc.

Hàn Thuỷ

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập: Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

sách mới sách mới sách mới sách mới

MẶT THẬT, của Thành Tín (Bùi Tín), Nhà xuất bản SAIGON PRESS (BOX 4995, IRVINE, CA 92716, USA), 392 trang, giá 16 USD. Tiếp theo cuốn hồi ký chính trị **Hoa Xuyên Tuyết** của cùng tác giả. Tại Pháp, bạn đọc có thể mua với giá 120 FF (kể cả cước phí) bằng cách gửi séc đề tên **Bùi Tín** về hộp thư của **Diễn Đàn**, BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE.

TIẾNG VIỆT, sơ thảo ngữ pháp chức năng, của Cao Xuân Hạo, quyển I, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1991, 254 trang. Hiện nay, còn có thể mua quyển I với giá 120 FF (kể cả cước phí) : séc và thư đặt mua gửi về ASSOCIATION DES AMIS DE HUE, 25 Rue de Crimée, 75019 PARIS.

NỬA ĐÒI NHÌN LẠI, truyện của Tiêu Dao Bảo Cự, tựa của Đặng Tiến, bìa của Hà Sĩ Phu, nhà xuất bản Thế Kỷ (POBox 2054-H39, Westminster ca 92684, USA), 1994, 344 trang. Tại Pháp, có thể mua với giá 120 FF (kể cả cước phí), bằng cách gửi séc và thư đặt mua về ASSOCIATION VIETNAM FRATERNITÉ, 24 Square des Cottages, 91200 ATHIS-MONT.

kiệt kiệt comédie franco-vietnamienne

M. Jourdain au Tonkin, comédie franco-vietnamienne de Trần Minh Ngọc et Vincent Collin

du 5 au 17 avril : Théâtre International de Langue Française, Parc de la Villette, M° Porte de Pantin, ☎ 40 03 93 95

du 26 au 30 avril : Théâtre des Arts, Place des Arts, CERGY RER ligne A, ☎ 30 30 33 33

điện ảnh điện ảnh cinéma vietnamien

Le Vietnam à l'écran, du 27 avril au 10 mai 1994

Cinéma UTOPIA, SAINT OUEEN L'AUMÔNE

→ 10 phim Việt Nam và quốc tế về Việt Nam : *Barrage contre le Pacifique*, *Le Ciel la Terre*, *17e parallèle*, *Cánh đồng hoang*, *Chị Dậu*, *Gánh xiếc rong*, *Mùi đu đủ xanh*, *Point de départ*. Đặc biệt, chiếu lần đầu tiên tại Paris : **Hãy tha thứ cho em** (Lưu Trọng Ninh), thứ tư 4.5.94, 20g30.

→ Table Ronde *Cinéma et Vietnam* : Vendredi 29 avril, 20h30, animée par N. T. Binh, en présence de Việt Linh, Robert Kramer, Marceline Loridan, Nguyễn Ngọc Giao, Raymond Depardon

văn nghệ văn nghệ văn nghệ văn nghệ

Văn nghệ & Dạ vũ Mùa Xuân thứ bảy 23.04

Salle des Fêtes de MASSY, ESPACE LIBERTÉ

1, ave du Gén. de Gaulle, 91300 MASSY (RER MASSY PALAISEAU)

19g30 : gặp mặt và trò chuyện

20g30 : **Hồn Vọng Phu**, liên khúc của Lê Thương
(Ban hợp xướng *Ngàn Thông*)

22g30 : Dạ vũ (ban nhạc sống *The Time*)

Có phòng Rock-Disco riêng cho giới trẻ

Vào cửa : 120 F (người lớn), 100 F (sinh viên, học sinh).

Tin buồn

Chúng tôi được tin bà Đặng Văn Long, nữ danh Simone Rangdé, đã từ trần ngày 11.3.1994 tại Montreuil (Seine Saint-Denis), thọ 72 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 19.3 tại nghĩa trang Père Lachaise.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng ông Đặng Văn Long và tang quyến.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

Địa chỉ

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu.....FF

đề tên DIENDAN, gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF).

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (*uberweisung*)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc ở Hoa Kỳ có thể ký séc 50 USD (một năm báo) đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị gửi báo tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

tìm đọc

DIỄN ĐÀN FORUM số 12

bản tin tiếng Pháp, phát hành đầu tháng 5.94

mua kèm : 1 năm Diễn Đàn (11 số) và bản tin Forum (5 số) : 300 F (thay vì 325 F)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :	1/8 trang :	180 F
	1/4 trang :	300 F
	1/2 trang :	550 F
	1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Việt Nam - ASEAN : ngoại giao đồn dập

Như Diễn Đàn đã đưa tin trong số trước, hai thủ tướng Singapore và Thái Lan đã tới thăm Việt Nam trong tháng 3 vừa qua. Chuyến đi của tổng thống Phipipin cũng đã được loan báo vào cuối tháng (28 - 30). Giữa những cuộc đón khách ấy, tổng bí thư Đỗ Mười đã đi thăm Malaixia 4 ngày từ thứ năm 24.3, vừa kịp trở về đón tổng thống Ramos.

Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong tới Hà Nội ngày thứ tư 2.3, và sau hai ngày làm việc đã vào thăm thành phố Hồ Chí Minh cho tới chủ nhật 6.3. Cùng đi với ông có bộ trưởng ngoại giao Shunmugam Jayakumar, bộ trưởng thương mại và kỹ nghệ Yeo Cheow Tong, cùng nhiều viên chức cao cấp chính phủ và 24 doanh nhân. Singapore dự tính đầu tư xây dựng một khu công nghiệp ở tỉnh Đồng Nai và một khách sạn lớn ở Hà Nội, và có thể tham gia đào tạo cán bộ kỹ thuật hải cảng và phi cảng cho Việt Nam. Tuy nhiên, một dự án đầu tư của công ty Koh Brothers vào việc phát triển đảo Phú Quốc chưa được phía Việt Nam chấp nhận. Trả lời báo chí sau cuộc hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc gia nhập ASEAN của Việt Nam, sau những tuyên bố của tổng thư ký Hiệp hội này (xem Diễn Đàn số trước), ông Goh tuyên bố ông không có cảm tưởng Việt Nam đã sẵn sàng, và vấn đề này sẽ không được đưa ra bàn cãi trong hội nghị ngoại trưởng các nước ASEAN vào tháng 7 năm nay. Singapore là bạn hàng số một của Việt Nam, với trị giá trao đổi thương mại song phương lên đến 1,36 tỉ đôla năm 1993, và là nước thứ 8 trong những nước ngoài có đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư 385 triệu đôla trong 51 dự án.

Thủ tướng Thái Lan Chuan Leekpai và một đoàn 32 quan chức cao cấp cùng hơn 60 doanh nhân Thái đã tới Hà Nội ngày 16.3, đúng hai tuần sau ông Goh Chok Tong. Doanh số trao đổi thương mại giữa hai nước đã nhảy từ 14 triệu đôla năm 1988 lên 200 triệu năm 1993, còn quá thấp so với trao đổi giữa Việt Nam và nhiều nước châu Á khác như Singapore, Malaixia. Ngoài ra, sự tranh chấp về đánh cá ở vùng biển phía nam hai nước vẫn là chướng ngại lớn trong quan hệ Việt - Thái. Theo những nguồn tin Thái, trong năm 1993, gần 800 ngư nhân Thái vi phạm lãnh hải Việt Nam đã bị bắt giữ, và phải trả tiền phạt hàng ngàn đôla trước khi được tha về. Từ đầu năm nay, 197 ngư nhân Thái trên 19 chiếc tàu đánh cá cũng đã bị hải quân Việt Nam bắt giữ. Ngược lại, hàng năm Thái cũng chặn bắt hàng chục ngư nhân Việt Nam. Ngay hôm ông Chuan Leekpai đến Hà Nội, sau khi hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt, hai bên đã thoả thuận thành lập một " tiểu ban đặc biệt " để giải quyết vấn đề này. Sau Hà Nội, thủ tướng Leekpai đã đi thăm Huế và thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, nhiều doanh nhân Thái đã vào làm ăn ở Việt Nam đang rất trông chờ chuyến đi của thủ tướng sẽ góp phần cải thiện quan hệ giữa hai nước để đầu tư thêm.

Trong khi hai cuộc viếng thăm của các thủ tướng Singapore và Thái Lan đã tập trung nhiều vào những quan hệ kinh tế song phương, một trong những chủ đề quan trọng của chuyến đi của tổng thống Philippin Fidel Ramos sẽ là sự hợp tác khoa học trên vùng quần đảo Trường Sa, nơi đang diễn ra tranh chấp về chủ quyền giữa các nước Việt Nam, Philipin, Trung Quốc, Đài Loan, Malaixia và Brunei. Một tuần trước chuyến đi của tổng thống Ramos, Philipin và Việt Nam đã công bố hai bên dự định ký kết một thoả ước hợp tác nghiên cứu về môi trường và khí hậu trong vùng đảo. Khi số báo này lên khuôn, các nước liên quan khác chưa có phản ứng nào về dự án nói trên. Ngoài ra, các vị nguyên thủ Philipin và Việt Nam cũng sẽ ký kết những thoả ước về du lịch, hợp tác văn hoá và kinh tế. Cho tới nay, trao đổi thương mại giữa hai nước còn khá ít, với doanh số 48 triệu đôla trong năm 1993. Philipin vừa rút tên Việt Nam trên danh sách những nước xã hội chủ nghĩa, một điều khoản luật thương mại Philipin buộc các doanh nhân phải đợi phép của chính phủ trước khi buôn bán với các nước có tên trên danh sách này. Philipin cũng tích cực ủng hộ việc sớm kết nạp Việt Nam vào ASEAN, cùng với Malaixia.

Malaixia cũng là nước thứ tư đối tượng của các cuộc hoạt động ngoại giao đồn dập giữa Việt Nam với ASEAN trong tháng. Đáp lời mời của thủ tướng Mahathir Mohamad, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam Đỗ Mười đã tới Kuala Lumpur ngày 24.3 cùng với một đoàn 33 người gồm nhiều quan chức cao cấp trong chính phủ và một số doanh nhân. Được mời phát biểu tại phiên họp cuối cùng của kỳ họp thứ 10 của Hội đồng hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (Pacific Economic Cooperation Council – gồm 20 nước), ông nhấn mạnh " Các nước châu Á - Thái Bình Dương có thể thấy Việt Nam sẽ là một đối tác tích cực trong việc giữ gìn hoà bình và ổn định trong khu vực ". Theo ngoại trưởng Malaixia Abdullah Badawi, trong cuộc hội đàm với thủ tướng Mahamad, ông Đỗ Mười đã tỏ ý mong được Malaixia hợp tác trong các chương trình tư hữu hoá các doanh nghiệp nhà nước, chương trình phát triển nông thôn, và về các lĩnh vực công nghiệp như sản xuất xe hơi, dầu mỏ và xây dựng hạ tầng cơ sở. Malaixia là nước thứ 7 trong số những nước có đầu tư vào Việt Nam, với 25 dự án và tổng vốn 457 triệu đôla. Doanh số trao đổi thương mại giữa hai nước trong năm qua lên đến 200 triệu đôla.

Sự có mặt của tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam tại Kuala Lumpur không ngăn cản một toà án Malaixia ngày 25.3 đã kết án 36 ngư phủ Việt Nam từ 3 tới 4 tháng tù và tổng cộng 1,82 triệu đôla tiền phạt vì đánh cá bất hợp pháp trong vùng biển Malaixia.

(tổng hợp các tin thông tấn từ 2 đến 25.3.1994)

Kiểm soát giao thông vùng trời

Một quan chức Trung tâm kiểm soát giao thông trên trời của Thái Lan cho biết, Thái đã thoả thuận trao lại cho Việt Nam quyền kiểm soát giao thông trên vùng trời của mình, kể từ tháng 12.1994 tới. Từ tháng 4.1975, Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) đã trao quyền này cho Thái Lan, Hồng Kông và Singapore chia nhau phần của Việt Nam. Singapore cũng đã chấp nhận nguyên tắc trả lại cho Việt

Nam công tác này. Tuy nhiên, trên thực tế, vì lý do cấm vận của Mỹ, cho tới nay Việt Nam chưa có đủ những phương tiện kỹ thuật cần thiết để bảo đảm công tác. Sắp tới, ICAO sẽ quyết định những biện pháp cụ thể trả lại chủ quyền cho Việt Nam trong việc kiểm soát này. (AFP 3.3.1994)

Đài Loan tiếp tục đầu tư vào Việt Nam

Tập đoàn Hualon của Đài Loan công bố ngày 23.3.1994 dự án đầu tư 247 triệu đôla để xây dựng một công ty dệt lớn, gồm 8 nhà máy xe chỉ và nhuộm ở ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đã được Ủy ban Việt Nam hợp tác và đầu tư cấp giấy phép.

Mười ngày trước đó, một tuyên bố của ông Chou Yen, giám đốc chấp hành Quỹ hợp tác kinh tế phát triển với nước ngoài (OECD) của Đài Loan, đã gieo nghi ngờ về sự tiếp tục đầu tư vào Việt Nam của các doanh nghiệp Đài Loan. Theo ông Chou Yen, giá đất lên như điều ở Việt Nam khiến cho các dự án đầu tư trở thành phi kinh tế và chính phủ Đài Loan sẽ phải xét lại chính sách khuyến khích các doanh nhân đầu tư vào Việt Nam. Bộ trưởng kinh tế Đài Loan Chiang Pin-Kung đã phải chính thức lên tiếng phủ nhận tuyên bố này, và cho biết chính phủ của ông không thay đổi chính sách kinh tế đối với Việt Nam. Ông Chiang cũng xác định vẫn giữ kế hoạch tới Hà Nội ngày 26.3 để làm việc với thống đốc ngân hàng và một số cấp trách nhiệm về kinh tế khác của Việt Nam. Theo ông Chiang, chính sách đất đai mới của Việt Nam, cho phép tước đất của nông dân để đưa vào sử dụng trong công nghiệp với số tiền bồi thường được ấn định ở mức 50 lần trị giá thu nhập hàng năm trên mảnh đất là “*quá rộng rãi*”, khi mức này ở Đài Loan chỉ là 2,5 lần. Tuy nhiên, ông tin rằng chính phủ Việt Nam sẽ sớm tìm được một giải pháp và các nhà đầu tư không cần phải rút lại các dự án của mình.

Đài Loan là nước ngoài đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư lên đến 1,5 tỉ đôla từ 1987 đến 1993. Ngoài Hualon, một tập đoàn công nghiệp dệt khác của Đài Loan, công ty Pouchen Corp. cũng vừa quyết định đầu tư 700 triệu đôla vào một dự án khu công nghiệp và thương mại ở quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tháng 2.1994, các công ty Đài Loan Chinese Petroleum Corp., China Investment and Development Co. và công ty Pháp Total đã ký một hợp đồng liên doanh với Việt Nam nghiên cứu khả năng xây dựng một nhà máy lọc dầu trị giá 1,2 tỉ đôla ở gần thành phố Hồ Chí Minh. (AFP 2.2, 10, 16 và 23.3.1994)

Nhật - Việt Nam

Thủ tướng Nhật Morihiro Hosokawa tuyên bố với các nhà báo ngày 14.2.1993 rằng ông muốn tới thăm Việt Nam “*khoảng một cuối tuần*”, song chưa định được vào thời gian nào. Cuối tháng 1, Nhật đã ký kết cho Việt Nam vay 470 triệu đôla với tỉ suất ưu đãi (1 % trong 30 năm) cho các dự án phát triển, tính vào tài khoản năm 1993. Ngày 21.3.1994, chính phủ Nhật tại quyết định viện trợ kinh tế 3 tỉ yen (khoảng 28 triệu đôla) cho Việt Nam, trong năm 1994. Các công ty Nhật đang tăng cường đầu tư vào Việt Nam, với những dự án như nhà máy cán thép ở Vũng Tàu (100 triệu

đôla, liên doanh giữa Kyoei Steel, Mitsui and Co., Itochu và Công ty Thép Việt Nam), nhà máy xi măng Thanh Hoá (340 triệu đôla, với Mitsubishi Materials Corp. và Nihon Cement Co. Ltd.), nhà máy phân hoá học thành phố Hồ Chí Minh (10 triệu đôla, với Nissho Iwai Corp.), một khách sạn 300 phòng ở Hà Nội (25 triệu đôla, với EXE Design Co. Ltd) v.v... (tổng hợp tin AFP tháng 2 và 3.1994)

Việt Nam - Trung Quốc

Theo Thông tấn xã Việt Nam ngày 28.2, Việt Nam và Trung Quốc đã gặp nhau ở Hà Nội cuối tháng 2, để thảo luận về lịch trình làm việc của nhóm chuyên viên hỗn hợp về biên giới đất liền giữa hai nước. Đoàn Việt Nam do ông Trần Công Trục, phó chủ nhiệm ủy ban biên giới của chính phủ dẫn đầu, đoàn Trung Quốc do đại sứ lưu động Yu Ming Sheng dẫn đầu. Hai bên đã thoả thuận sẽ gặp nhau lần tới ở Bắc Kinh. Các cuộc thương lượng này được chính phủ hai nước quyết định tháng 10.1993, trong một thoả ước về “*những nguyên tắc cơ bản*” để giải quyết các cuộc tranh chấp.

Một tuần sau, hãng thông tấn Nhật Jiji Press cho biết, theo một tài liệu quân sự mật của Mỹ, Trung Quốc đã tăng cường hệ thống quân sự trên quần đảo Hoàng Sa. Trung Quốc đã dùng vũ lực chiếm đoạt quần đảo này năm 1974. Ngày 8.3, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. (AFP 28.2 và 8.3.1994)

Info - Intox ? (1)

Theo đại tá Cao Long Hy, vụ trưởng vụ bảo mật quân đội, trong một bài viết cho báo Quân đội nhân dân ngày 25.3.1994, hơn 60 tài liệu mật trong kho lưu trữ tư liệu của quân đội đã bị “*những người nước ngoài*” lấy cắp trong mấy tháng qua. Trong số những tài liệu này, có những “*tài liệu nội bộ*” về lịch sử và đánh giá hoạt động của nhiều quân chủng từ khi thành lập. Theo đại tá Hy, những tài liệu này đã được đưa ra nước ngoài trong năm 1993, và đã được những cơ quan truyền thông nước ngoài chống đối Việt Nam “*sửa đổi, xuyên tạc, viết lại*” để chỉ trích chính sách đổi mới (của đảng cộng sản Việt Nam), xuyên tạc vai trò của quân đội và phá hoại quan hệ giữa Việt Nam với các nước trong vùng. Đại tá Hy không cho biết quốc tịch của những “*người nước ngoài*” được nói tới trong bài báo, cũng không cho biết thêm chi tiết gì về những “*nhóm phản động trong nước*” câu kết với họ.

(1) Thông tin thực hay nhiều ? (AFP 25.3.1994)

Điện và điện thoại

Báo chí Việt Nam đã đăng tải tuyên bố của bộ trưởng năng lượng Thái Phụng Nê ngày 22.3, rằng việc xây dựng đường dây siêu thế 500 kV sẽ hoàn thành vào ngày 30.3 và đưa vào sử dụng cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5, sau một thời gian vận hành thử. Lễ khánh thành đường dây đã được ấn định vào ngày 5.4 tới. Khởi công từ tháng 4.1992, việc hoàn thành đường dây như vậy chỉ chậm ba tháng so với dự tính, song phí tổn đã lên gấp đôi dự kiến, và những vấn đề bảo vệ, vận hành đường dây dĩ nhiên chưa được đánh giá hết. Đường dây sẽ đưa điện từ nhà máy thủy điện Hoà Bình (Sông Đà)

vào tới thành phố Hồ Chí Minh, trên một chiều dài 1487 km qua các vùng núi miền Trung. Sau 10 năm xây dựng, công trình Thủy điện Hoà Bình cũng mới hoàn tất cuối tháng 2 vừa qua, với việc đưa vào vận hành tuyết bin thứ 8 và cuối cùng. Toàn bộ nhà máy có công suất 1 920 Megawatt và sản lượng hàng năm 6,1 tỉ kwh, trong đó 2,5 tỉ dành cho các tỉnh miền Nam do đường dây siêu thế chuyên chở.

Theo một tuyên bố ngày 23.3 của người phát ngôn bộ Bưu điện và viễn thông tại Hà Nội, Việt Nam sẽ đặt thêm 200 000 đường dây điện thoại trong năm nay, trong đó 40 000 đường ở Hà Nội, 60 000 ở thành phố Hồ Chí Minh và 100 000 còn lại trong các tỉnh khác. Phí tổn của cả dự án lên tới hơn 3 tỉ đồng (300 triệu đôla), trong đó nhà nước chỉ đầu tư 3,4 triệu đôla, còn lại Bưu điện phải vay nước ngoài. Năm ngoái, Bưu điện đã đầu tư 270 triệu đôla để đặt 86 000 đường dây điện thoại đưa tổng số đường lên 260 000. Chỉ tiêu của nhà nước là 750 000 đường vào năm 1995.

Cùng ngày, tại Paris công ty quốc doanh Pháp France Telecom cho biết vừa ký kết với chính phủ Việt Nam một hợp đồng 600 triệu đôla để đặt 500 000 đường điện thoại trong ba năm 1995, 1996 và 1997. (AFP 2, 22 và 23.3.1994)

Ngân sách : 80% không đúng mục tiêu

Trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ, phó thủ tướng Phan Văn Khải vừa qua cho biết có đến 80 % chi tiêu trong ngân sách nhà nước không được sử dụng đúng mục tiêu (trong năm 1993, tổng chi ngân sách nhà nước khoảng 36.000 tỷ đồng, hơn 3,3 tỷ đô la).

Theo ông Khải, “ *sự tùy tiện trong sử dụng ngân sách còn rất phổ biến. Tiền ra khỏi kho bạc là coi như xong. Bộ tài chính không nắm được là chi cho cái gì, có đúng mục tiêu không, có đúng giá không ? Có địa phương dùng tiền đầu tư trồng rừng để mua xe hơi, xây trụ sở. Thậm chí có nơi xin tiền mua thóc cứu đói cho dân, nhưng lại chi xài sang việc khác. Năm 1993, các địa phương thu thuế vượt 4 000 tỷ đồng nhưng đã giữ lại chi tiêu tới 1 970 tỷ. Chưa ai biết chắc chắn con số này đã được chi đi đâu ?*”. Đến nay, nhà nước Việt Nam vẫn chưa có luật ngân sách để đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đúng. (Tuổi Trẻ chủ nhật 16.1.94)

Công chức : 25% đến 40% không đạt tiêu chuẩn nghiệp vụ

Một hội nghị về tổ chức nhà nước họp vừa qua tại Hà Nội đã thống kê 1,1 triệu người trong biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước (riêng biên chế ngành giáo dục chiếm 56 %). Năm 1993, nhà nước đã tinh giản biên chế gần 50 nghìn người (trong khi vẫn phải tăng 10 nghìn người cho giáo dục). Tính cả ba năm 1991-93, tỷ lệ giảm biên chế là 11,5 %.

Theo bộ trưởng Phan Ngọc Tường, trưởng ban tổ chức - cán bộ của chính phủ, trong số 1,1 triệu công chức hiện nay, chỉ có từ 25 % đến 40 % đạt tiêu chuẩn công tác. Riêng ngành tư pháp, theo số liệu của bộ, có đến 29 % thẩm phán cấp tỉnh và 57 % thẩm phán cấp huyện không đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ.

Trong năm 1994, chính phủ sẽ tiến hành đề án “ đào tạo

và tái đào tạo công chức nhà nước ” và ban hành một “ pháp lệnh công chức ”. (Lao Động 6.3 và Tuổi Trẻ 19.3.94)

Doanh nghiệp nhà nước : đi về đâu ?

Trong một bản báo cáo trình bày tại hội thảo quốc tế về “ *đổi mới doanh nghiệp nhà nước* ” tổ chức ở Hà Nội vừa qua, bộ tài chính thú nhận rằng quá trình tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước đang diễn ra một cách tự phát, “ *nhà nước chưa nắm được những số liệu cụ thể, chưa thực sự chỉ đạo và kiểm soát quá trình* ”. Còn về cổ phần hóa là quá trình duy nhất nhà nước thực sự kiểm soát thì bị chậm trễ : trong 19 doanh nghiệp quốc doanh được chọn làm thí điểm chỉ mới có hai doanh nghiệp thực hiện xong.

Từ năm 1989 đến nay, số doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ 15.000 đơn vị xuống dưới phân nửa, song vẫn còn 25 % doanh nghiệp làm ăn lỗ lã, công nợ vẫn lên đến hàng chục ngàn tỷ đồng. Vừa rồi, chính phủ đã ra chỉ thị không cho phép thành lập thêm doanh nghiệp nhà nước trong những ngành đã có nhiều năng lực kinh doanh, kể cả tư nhân.

Đồng thời, chính phủ đã ban hành quyết định cho thành lập thí điểm những tập đoàn kinh doanh, gồm ít nhất bảy doanh nghiệp với một số vốn pháp định tối thiểu là 1 000 tỷ đồng. Hội đồng quản trị của tập đoàn (và tổng giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng), do thủ tướng bổ nhiệm, sẽ có trách nhiệm thực hiện quyền sử dụng vốn của nhà nước. (Tuổi Trẻ 8.3 và 17.3.94)

Khu chế xuất : một ngõ cụt ?

Ba năm sau khi tiến hành chủ trương xây dựng khu chế xuất, bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân, chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, lại cho rằng Việt Nam không nên chạy theo “ *mốt* ” thành lập những khu chế xuất. Theo một bản báo cáo của uỷ ban, mô hình khu chế xuất cổ điển (biệt lập trong một khu có tường rào bao bọc) không còn phù hợp. Ngược lại, mô hình “ *khu công nghiệp tập trung* ” (trong đó có khu chế xuất, khu thương mại tự do, xí nghiệp kỹ thuật cao...) mới là thích hợp với Việt Nam và là “ *xu hướng hiện nay của thế giới* ”.

Từ năm 1991 đến nay, uỷ ban đã cấp phép hoạt động cho năm khu chế xuất (hai khu Tân Thuận và Linh Trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, và một khu ở mỗi tỉnh Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ) với tổng số vốn đầu tư 285 triệu đô la. Hiện nay, Tân Thuận chỉ mới có một nhà máy hoạt động và năm nhà máy đang xây, còn bốn khu chế xuất kia vẫn chưa có cơ sở hạ tầng. Cho rằng cần có thời gian để “ *rút kinh nghiệm* ”, ông Đậu Ngọc Xuân đề nghị không mở thêm những khu chế xuất mới. (Lao Động và Tuổi Trẻ 10.3.94)

TIN NGẮN

✓ Theo số liệu của Ban Việt kiều trung ương, trong dịp Tết Giáp Tuất vừa qua, có đến 180 000 Việt kiều về nước ăn Tết (tăng gấp đôi so với Tết 1993).

✓ Trong năm 1993, quỹ bảo hiểm y tế Thành phố Hồ Chí Minh quản lý 242.700 thẻ bảo hiểm, thu 12,5 tỷ đồng và chi 9 tỷ đồng.

✓ Năm 1993, các tổ chức phi chính phủ (ONG) đã viện trợ cho Việt Nam khoảng 50 triệu đô la (tăng 25 % so với năm 1992). Số ONG hoạt động tại Việt Nam đã tăng từ 145 lên 185 tổ chức.

✓ Thực hiện chủ trương lương mới, chính phủ vừa ấn định lương tối thiểu ở mức 120.000 đồng một tháng.

✓ Từ trung tuần tháng hai, tuyến đường bay Thành phố Hồ Chí Minh - Rạch Giá - Phú Quốc đã được khôi phục lại với ba chuyến bay hàng tuần của Hãng không Việt Nam.

✓ Đường cao tốc nối liền sân bay Nội Bài với cầu Thăng Long đã được khánh thành trong tháng ba. Dài 14,5 km, rộng 23 m với 6 làn xe chạy, con đường cao tốc này được xây dựng với kinh phí đầu tư 1,5 triệu đô la mỗi kilômét. Theo báo Lao Động ngày 22.3, chỉ 10 ngày sau khi khánh thành, đường đã bị phá hoại nhiều đoạn, gây ra ba tai nạn nghiêm trọng.

✓ Trong khuôn khổ của đề án khôi phục đoạn đường Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ trên quốc lộ số 1, chính phủ Đan Mạch vừa cho biết sẽ viện trợ không hoàn lại 10 triệu đô la để Việt Nam đầu tư tăng cường hai bến phà Mỹ Thuận và Cần Thơ.

✓ Thông qua Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), chính phủ Pháp đã cấp một triệu đô la cho việc nghiên cứu xây dựng một chiếc cầu bắc qua sông Mekong nối liền Thái Lan với Lào và con đường đi đến các cảng Đà Nẵng và Vinh của Việt Nam.

✓ Từ giữa tháng ba, công ty Hồng Kông OOCL và công ty Việt-Pháp Germatrans đã mở tuyến vận tải đường biển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thẳng các hải cảng Mỹ Seattle, Long Beach, New York. Thời gian vận chuyển hàng hóa được rút ngắn xuống còn 18 ngày đến bờ phía Tây và 26 ngày đến phía Đông (thay vì từ hai đến ba tháng trước đây khi phải thông qua Xingapo hay Đài Loan).

✓ Hai công ty Alcatel (Pháp) và Fujitsu (Nhật) sẽ xây dựng một mạng lưới cáp quang dưới biển nối liền Việt Nam, Thái Lan và Hồng Kông. Trị giá 150 triệu đô la, đề án này sẽ do mỗi bên đóng góp 50 triệu. Công ty Úc Telstra và công ty Mỹ MCI Communications cũng đã thông báo sẽ tham gia công trình này. Dự trù đường dây sẽ được đưa vào vận hành trong năm 1995.

✓ Hai chính phủ Na Uy và Việt Nam sẽ hợp tác xây dựng công trình thủy điện Rào Quán (công suất thiết kế 80-90 MW) ở tỉnh Quảng Trị, với tổng kinh phí dự tính là 67 triệu đô la. Phần đóng góp của Na Uy, khoảng 35-40 triệu đô la, gồm 45 % viện trợ và 55 % tín dụng nhẹ lãi.

✓ Tập đoàn Nam Triều Tiên Daewoo và Xí nghiệp liên hợp cơ khí của bộ quốc phòng Việt Nam đã thành lập một liên doanh lắp ráp và sản xuất xe hơi lấy tên Vidamco với tổng vốn đầu tư 32 triệu đô la (trong đó Daewoo góp 65%). Đặt tại Văn Điển (Hà Nội), nhà máy sẽ bắt đầu lắp ráp những xe du lịch đầu tiên vào cuối năm nay.

✓ Tập đoàn điện tử Đức Siemens sẽ đầu tư 8,7 triệu đô la vào Việt Nam để sản xuất cáp sợi quang học và các phụ kiện có liên quan. Nhà máy – một liên doanh với công ty bưu chính viễn thông Việt Nam, trong đó Siemens góp 51 % – sẽ

được xây dựng gần Thành phố Hồ Chí Minh và sẽ bắt đầu hoạt động năm 1995 (công suất thiết kế là 70 000 km cáp sợi quang học mỗi năm).

✓ Một dịch tả xuất hiện cuối tháng 1.1994 tại các làng Ba Nang, Dakrong trên vùng núi chung quanh Huế đã làm 14 người thiệt mạng và hơn 100 trường hợp bị nhiễm bệnh.

✓ Theo một tuyên bố ngày 17.3 của người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, Toà thánh Vatican đã từ bỏ ý định cử tổng giám mục Nguyễn Văn Thuận làm tổng giám mục địa phận thành phố Hồ Chí Minh, chấm dứt cuộc tranh chấp kéo dài nhiều năm nay với chính phủ Việt Nam.

✓ Bộ nội vụ Việt Nam vừa quyết định thành lập một văn phòng chuyên trách về việc chống ma túy. Trong năm 1993, công an đã tịch thu 1 383 kí thuốc phiện và 10 kí bạch phiến trong 261 vụ bắt ráp. Ba người buôn lậu ma túy đã bị kết án tử hình, 2 người khác bị tù chung thân. Trong tháng 2 vừa qua, chính phủ đã tổ chức đốt công khai 126,4 kilô thuốc phiện bắt được trong tỉnh Lai Châu.

✓ Ủy ban nhân dân Hà Nội đã đệ trình chính phủ một dự án xây cất một khách sạn hoàn môn dựa theo kiến trúc của các khách sạn hoàn môn của Pháp (Paris) và Đức (Berlin), nhân dịp kỉ niệm 50 năm lễ độc lập 2.9.

✓ Ông Nguyễn Huy Sáu, giảng viên tại Viện cơ khí Sidi-Bel-Abbès trong chương trình hợp tác lao động Việt Nam - Angiêri là người Việt Nam đầu tiên bị bọn khủng bố tại Angiêri ám sát ngày 1.3.1994. Hơn 300 chuyên viên Việt Nam (234 giáo sư khoa học - kỹ thuật và 70 bác sĩ, y tá) hiện công tác tại Angiêri trong chương trình hợp tác giữa 2 nước.

✓ Tiếp theo các ông Jacques Chirac, Gérard Longuet, hai bộ trưởng Pháp Simone Veil (xã hội) và Jacques Toubon (văn hoá) sẽ đến thăm Việt Nam cuối tháng 3.1994.

✓ Công ty Féal International là công ty Pháp đầu tiên đã được giấy phép đầu tư vào thành phố Hải Phòng, với một dự án xây dựng một khách sạn 4 sao, hợp doanh với một công ty Singapore và một công ty Việt Nam. Féal góp 50 % vốn trong dự án.

✓ Công ty quốc doanh Hãng không Việt Nam vừa thuê-mua hai máy bay Airbus A 320, trong dự phóng tăng trưởng 40 % trong năm 1995, và việc mở các đường bay quốc tế đi Paris, Tokyo và Los Angelès. Các công ty Mỹ Delta Airlines, Continental và Northwest cũng có những dự án mở đường bay đi Việt Nam. Hãng không Việt Nam và Delta Airlines đã ký kết một thoả ước hợp tác ngày 26.2 tại Hà Nội.

✓ Confextimex, một công ty quốc doanh may mặc, là công ty Việt Nam đầu tiên đã ký kết một hợp đồng bán hàng sang Mỹ sau khi tổng thống Clinton bãi bỏ cấm vận. Hợp đồng trị giá 7,5 triệu đôla.

✓ Phim **Bạn tôi**, của đạo diễn Trịnh Lê Vân đã được giải phim tài liệu củaliên hoan phim Fribourg (Thụy Sĩ) tháng 2 vừa qua.

✓ Lấy có “ *khó khăn kỹ thuật* ”, chính phủ Việt Nam đã quyết định vào giờ chót huỷ bỏ một xêmina về nghiệp vụ báo chí dự trù được tổ chức từ ngày 7.3 tại Hà Nội, với sự tham dự của nhiều nhà báo nổi tiếng trên thế giới

Đại học (tiếp theo trang 1)

Giới nghiên cứu tìm đâu ra máu mới nếu không là từ khối sinh viên vừa hoặc sắp ra trường đại học ? Và làm sao đưa tới lớp sinh viên đó những kiến thức hiện đại, những thói quen, phong cách đặt vấn đề dưới nhiều góc cạnh khác nhau (chưa nói tới yêu cầu “ *bồi dưỡng cho sinh viên năng lực tư duy sáng tạo, năng lực đặt và giải quyết vấn đề* ”, như bộ trưởng Trần Hồng Quân đề ra trong bài mở đầu hội nghị) nếu người thầy chính mình chưa bao giờ tham gia nghiên cứu (ở một phòng thí nghiệm hay trong quá trình sáng tạo ra những sản phẩm công nghiệp mới...) ? Những câu hỏi với những lời đáp đã thành hiển nhiên, đã được thể hiện trong các văn kiện của nhà nước. Chẳng hạn, quyết định ngày 11.9.1992 của chủ tịch hội đồng bộ trưởng (nay là thủ tướng) về việc “ *tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* ”, nêu rõ ngay trong điều 1 : “ *Gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo. Coi các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một thể thống nhất...* ”.

Thế nhưng, danh sách các báo đưa về những cấp trách nhiệm nhà nước tham dự *Hội nghị tư vấn về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam...* nổi bật sự vắng mặt của bộ trưởng bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, hay một vị đại diện, hay của hai trung tâm khoa học quốc gia (khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và nhân văn) ! Tìm trong danh sách những tham luận của đại biểu trong nước, cũng không !

“ Quên ” mời, hay có mời mà “ quên ” đến ?

Hay đúng hơn, đằng sau sự vắng mặt khó giải thích nói trên là những tranh giành quyền lực, chỗ đứng của các phe phái khác nhau trong chính quyền – bộ nọ với bộ kia, trung ương với địa phương, địa phương này với địa phương khác, v.v... –, khó có thể công khai hoá tại một hội nghị có quá đông “ người ngoài ” ? Dẫu sao, những sự tranh chấp thường bắt nguồn từ một số lý do chính đáng hay ít ra thông cảm được, và sự giải quyết tranh chấp đòi hỏi tối thiểu phải nêu ra rành mạch các lý do ấy.

Bản báo cáo về “ **hiện trạng đại học Việt Nam** ” mà Diễn Đàn số 26 đã đăng tải cho biết “ *Đại học quốc gia Hà Nội đã được quyết định thành lập nhưng (...) không bao gồm các viện nghiên cứu quốc gia.* ”, và lý giải tình hình đó bằng một câu ngắn “ *các đơn vị nghiên cứu cũng chưa muốn sáp nhập với các viện đại học* ” (câu cuối này nằm trong một đoạn đã được cắt bỏ trong bản phát tại hội nghị). Đã có nhiều tiếng nói từ trong hay ngoài nước nói lên sự bất hợp lý của hệ thống các viện nghiên cứu độc lập với đại học hiện nay, nhất là trên bình diện kinh tế : vượt quá xa khả năng của nhà nước. Chưa kể, cũng như con số hơn 100 trường đại học, trong tình hình đất nước hiện nay, con số hơn 300 viện nghiên cứu không chứng minh gì khác ngoài sự xé lẻ lực lượng, qui mô tụn mụn, nhỏ nhoi và tính hình thức của đa số các viện ấy. Và, hẳn là những cấp trách nhiệm của bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, của các trung tâm và các viện nghiên cứu quốc gia thừa biết thực tiễn ấy và yêu cầu cải tổ cơ cấu, mạng lưới nghiên cứu để có thể nâng cao hiệu quả nghiên cứu, đẩy

manh được một số nội dung nghiên cứu cần thiết. Trong tinh thần “ *coi các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một thể thống nhất...* ” và trong khả năng kinh tế nước ta, khó có con đường nào khác là tiến hành cải tổ đó song song với cải tổ giáo dục đại học, đưa phần lớn các viện nghiên cứu hiện nay vào các trường đại học và cao đẳng (đào tạo kỹ sư, chuyên viên một số ngành nghề), xác định chức năng hợp nhất giảng dạy - nghiên cứu của cán bộ. Và, cũng như việc hợp nhất, tổ chức lại các trường đại học, việc tổ chức lại, phân bổ các viện nghiên cứu vào các trường đại học, và nhất là việc xác định chức năng hợp nhất giảng dạy - nghiên cứu của cán bộ giảng dạy đại học dĩ nhiên gặp những khó khăn, trở ngại không nhỏ. Trong đó, trở ngại có thể không phải là “ lớn ” nhất, song thực tế không dễ giải quyết, một lần nữa lại liên quan đến sự phản kháng của những con người, những thế lực cụ thể, không phải vì những lý do nguyên tắc nào, mà vì những quyền lợi thiết thân, những vị trí quen thuộc bị đe dọa trong khi tương lai chẳng biết ra sao. Tương đối dễ hiểu là nhiều người công tác nghiên cứu ở các viện không muốn bị ràng buộc nhiều lắm bởi những trách nhiệm giảng dạy..., và thấy nhiều điều bất tiện trong việc sáp nhập viện của họ vào một trường đại học. Song, có hẳn phản ứng bình thường đó là không thể vượt qua được, và là lý do chính để tránh né vấn đề ? và để rồi bộ giáo dục nản lòng trước sự không mặn mà ấy, tiến đến nhận định có thể thảo luận về cải tổ đại học mà không cần có mặt những nhà nghiên cứu ? Có dịp nói chuyện với một vài nhà nghiên cứu, người ta có thể thấy phản ứng của họ không hoàn toàn tiêu cực, mà thường là “ chúng tôi sẵn sàng, nếu... (một số phương tiện, điều kiện làm việc được bảo đảm, quy chế rõ ràng) ”. Điều đáng tiếc là người ta không được đọc trong những tham luận ở hội nghị (hay trên một diễn đàn công khai khác) những lý lẽ được viện dẫn đằng sau chữ “ *nếu* ” ấy, với những đối đáp bình tĩnh, để cùng đưa ra những biện pháp thỏa đáng, cho phép tiến hành cuộc cải tổ cần thiết. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy/sinh viên hiện nay, theo báo cáo trước hội nghị của thứ trưởng bộ tài chính Tào Hữu Phùng, là 1 trên 5, quá cao so với nhu cầu (1 trên 15 đã là khá), và cả so với thế giới, lại quá bất cập so về trình độ. Khối lương nhà nước dành cho đại học và nghiên cứu quá ít để đủ sức đáp ứng những yêu cầu tối thiểu (lương của người cán bộ giảng dạy - nghiên cứu ở đại học phải ở trong mức khá cao trong xã hội, đủ để họ không phải bận tâm chạy theo cuộc sống hàng ngày), việc chuyển đổi công tác của khá nhiều “ cán bộ giảng dạy ” hiện nay, không sớm thì muộn sẽ phải đặt ra. Những biện pháp có thể nghĩ tới không thiếu. Đưa một số về dạy trung học (đang cần thầy có trình độ !); một số vào các công việc hành chính, thư viện, các khâu kỹ thuật phục vụ giảng dạy, nhà trường v.v..., tất nhiên là sau một lớp bồi dưỡng cần thiết về các ngành nghề đó; một số khác sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực rất lớn của nền kinh tế thị trường đang mở ra. Song song, việc đưa số khá đông cán bộ nghiên cứu về, theo quy chế mới, sẽ góp phần tạo ra “ *chất lượng mới, bồi số lượng mới* ” trong giới giáo chức đại học, điều kiện không thể thiếu để đào tạo ra “ *nguồn nhân lực có trình độ cao của quốc gia, một trong những yếu tố có tính quyết định bảo đảm sự thành công của*

chiến lược công nghiệp hoá và hiện đại hoá ” như bộ trưởng Trần Hồng Quân đã nêu trong bài phát biểu trước hội nghị.

Song tất nhiên chuyển đổi này không thể chỉ được thực hiện qua một biện pháp “ sáp nhập ” thuần hành chính, khi bản thân đại học không đồng thời tiến hành những bước thay đổi cơ bản. Trong bài nói đã dẫn, bộ trưởng Trần Hồng Quân đưa ra 7 “ vấn đề then chốt có tính chiến lược ” để hội nghị thảo luận. Vấn đề số 4, “ *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý giáo dục đại học* ”, được nêu ra kèm với những biện pháp (phương hướng ?) như : – Có chế độ đào tạo lại, bồi dưỡng thường xuyên cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý đang làm việc...; – Cải thiện đời sống và điều kiện làm việc, tạo thêm việc làm để có thêm thu nhập ngoài lương... Cách đặt vấn đề không làm cho người đọc an tâm. Việc không nêu lên nguyên tắc lương đủ sống (với mục tiêu ngắn hạn bảo đảm nguyên tắc đó) gieo cảm tưởng tình hình lương cán bộ đại học như hiện nay sẽ kéo dài không biết đến bao giờ. Những từ “ đào tạo lại, bồi dưỡng ” không góp phần nhấn mạnh đầy đủ là bộ sẽ tạo những điều kiện để cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu, dù là nghiên cứu lý thuyết hay ứng dụng, thực ra là cách duy nhất để “ nâng cao chất lượng ” cán bộ dạy đại học, chứ không phải là chỉ đi học rồi lập lại một trăm giáo trình khác nhau, dù “ mới ” đến đâu. Quy chế cán bộ giảng dạy - nghiên cứu chưa được khẳng định, người cán bộ nghiên cứu “ sáp nhập ” vào một cơ sở đại học cũng không biết mình sẽ hoạt động ra sao. Nếu vẫn như cũ thì quả là “ sáp nhập ” chẳng để làm gì !

Chưa kể, những dè dặt của những cán bộ nghiên cứu, trong chừng mực nào đã được sử dụng bởi những cán bộ có chức quyền về quản lý (ở cả hai bên) như một vũ khí cản ngăn những thay đổi. Số đảng viên có đông hơn trong số những cán bộ nghiên cứu và cán bộ giảng dạy mà trình độ bất cập là lý do thầm kín của những e ngại đổi thay ? Các đảng bộ nhà trường, đảng bộ viện nghiên cứu vẫn có một vai trò “ lãnh đạo ” trên các nhà khoa học, với quyền phủ quyết không nhỏ về những nội dung giảng dạy, nghiên cứu..., song lại “ chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của giáo dục, chưa kịp thời đề ra các chủ trương, biện pháp có hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục ” như tài liệu “ *Một số định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam từ nay đến đầu thế kỷ 21* ” (phát tại hội nghị) thừa nhận.

Tinh thần đại học

Điều đó không ngăn cản vai trò “ lãnh đạo ” của đảng thường xuyên được khẳng định trên các văn bản về công tác trí thức. Tài liệu “ định hướng chiến lược ” nói trên không ngại nhắc lại chủ trương “ *Tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với sự nghiệp giáo dục* ” trong số 12 “ chủ trương cụ thể ” về “ đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục ”.

Có phải một trong những biểu hiện cụ thể của chủ trương ấy là sự kiểm duyệt bài tham luận của giáo sư Lê Thành Khôi tại hội nghị (Diễn Đàn số 28 đã đăng lại bài này) ? Bàn về tinh thần tự trị đại học, theo đó các “ *giáo sư được tự do nghiên cứu và phát biểu* ”, bài tham luận viết “ *Không phải Không Tử đã nói, hay Mác đã nói, hay Hồ Chí Minh đã nói,*

mà tôi coi lời nói đó là sự thật, nếu không có đủ chứng cứ đích xác. Bất người khác phải theo ý kiến của mình mà không cho bàn cãi là đi trái với tinh thần khoa học. ” Hai câu này bị cắt bỏ trong bài tham luận được in lại, phát trong hội nghị !

Dễ hiểu là trong khi khá nhiều thì giờ và năng lực được các cấp hữu trách dành cho việc tìm kiếm những “ phương pháp đánh giá hiện đại ” về chất lượng học tập, những “ công nghệ kiểm tra mới ” như công nghệ trắc nghiệm (tests), những “ phương tiện giảng dạy hiện đại ” (máy chiếu, máy vi tính, video v.v...), *tinh thần đại học* đã vắng mặt trong những tiêu đề được đưa ra để hội nghị thảo luận. Với tinh thần tự do thảo luận, tự do sáng tạo, óc phê phán và tinh thần tự học, cầu tiến được đẩy mạnh, đại học các nước Âu, Mỹ đã là cái nôi và động lực của những tiến bộ khoa học vượt bậc của loài người trong những thế kỷ qua... khi chưa có các loại máy chiếu, máy vi tính, video v.v... (và góp phần cơ bản vào sự sáng tạo ra các loại máy móc kia !). Nhiều nhà khoa học đã trả giá bằng cả cuộc đời của mình để bảo vệ những *giá trị đại học* ấy. Những giá trị ngày nay đã thành phổ biến. Tình trạng khủng hoảng nặng nề của đại học Việt Nam hiện nay, với sự “ hụt hẫng ” lực lượng giáo chức trẻ thể hiện qua những con số mà Diễn Đàn (số 24) đã có dịp nói tới, không xa lạ với những chính sách miệt thị, đàn áp trí thức trong nhiều thập kỷ qua. Những chính sách kiểu đó thường là hệ quả của những chế độ độc quyền (tuy không phải luôn luôn là hệ quả thiết yếu, có những ông vua ít hay nhiều sáng suốt !). Dĩ nhiên, không ai chờ đợi một hội nghị tư vấn về đại học trong tình hình hiện nay đặt lại vấn đề lãnh đạo của đảng cộng sản. Song có những phương cách lãnh đạo khác nhau, và chẳng có gì cấm cản những người tổ chức hội nghị nêu lên vấn đề *làm sao* thúc đẩy tinh thần tự học, đầu óc phê phán của sinh viên, trí sáng tạo của đội ngũ thầy giáo... Sự thảo luận về một đạo luật giáo dục trong đó những nguyên tắc tự chủ của đại học được nêu ra rõ ràng, có thể là một cách hữu hiệu để lay động những quán tính không nhất thiết là có lợi cho đảng. Mở rộng hoạt động của thư viện đại học cho sinh viên (và nhiều lớp người khác trong xã hội), xây dựng lại kho sách và kho tư liệu, cả sách tiếng Việt và sách ngoại ngữ, là một cách rất thực tế đáp ứng yêu cầu tự học của sinh viên. Đưa ra những biện pháp khuyến khích biên soạn và dịch sách về *mọi vấn đề học thuật*, cũng là một dấu hiệu “ đổi mới ”, tạo “ *tiền đề cho sự sử dụng chất xám và trí thức* ” mà chính bộ trưởng giáo dục cũng thừa nhận rằng còn nhiều “ *hạn chế* ”...

Tôn trọng tự do tìm tòi, tranh luận, phát biểu, phê phán trong nghiên cứu - giảng dạy và học tập, là một tiền đề không thể thiếu để xây dựng một nền đại học đích thực. Cũng có nhiều phương cách để thể hiện mối quan tâm tới yêu cầu đó. Điều đáng tiếc là các cấp trách nhiệm đại học đã chọn lựa sự tránh né những vấn đề “ gay gắt ”, sự kiểm duyệt... và sự tiếp tục ép các sinh viên phải nhai lại các bài học ý thức hệ đã quá lỗi thời. Trong “ *Quy định về khối lượng kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu cho giai đoạn I của chương trình đại học* ” do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành cuối năm 1993, trên tổng số 90 “ đơn vị học trình ” của hai năm đầu đại học, sinh viên các nhóm ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật phải học 23 đơn vị về “ khoa học xã hội và nhân văn ”, trong đó 10 đơn vị được xác định rõ ràng về “ *kinh tế chính trị và triết học Mác*

- *Lênin* ” (khỏi nói, những môn khoa học xã hội và nhân văn khác cũng được dạy theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin !). Chỉ còn thời giờ cho 40 đơn vị học trình về các môn khoa học. Theo bảng danh sách “ **các chủ trương đổi mới đại học đã và đang thực hiện** ”, khung chương trình của *giai đoạn I* này được định ra nhằm “ *phối hợp hài hoà phần kiến thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục đại cương với kiến thức và kỹ năng cần thiết về đào tạo nghề nghiệp theo diện rộng* ”!

Trong những điều kiện đó, người ta có thể tự hỏi, chủ trương “ *tập trung xây dựng hệ thống sách giáo khoa cho đại học (...) để trong vòng vài ba năm tới mọi môn học ở đại học đều có ít nhất một - hai sách giáo khoa* ” có phải là một lời khước từ (chưa nói tới sự khuyến khích !) đối với đòi hỏi tự do biên soạn và xuất bản sách đại học, một cố gắng quen thuộc để kiểm soát nội dung tư tưởng của sách vở ? Mặt khác, sự nhấn mạnh đến sách giáo khoa ở bậc đại học cũng có điều gì không ổn lắm. Mặc dầu danh từ sinh viên đại học đã được thừa nhận, đi vào ngôn ngữ thông thường từ mấy năm nay, thay cho từ học sinh đại học dùng ở miền Bắc trước kia, hình như người sinh viên vẫn chưa được coi là trưởng thành cho lắm ? (Tôi không dám bàn thêm về một sự vắng mặt nữa trên các diễn đàn về vấn đề giáo dục : sinh viên, *nhân vật trung tâm của đại học* ấy còn trẻ quá. Sự các cụ quả là “ ai lại bàn việc với đám nhãi ranh ! ”. Vả chăng, với cơ chế đại diện sinh viên hiện nay, dưới hai tầng lãnh đạo của đảng và đoàn...). Xin trở lại chuyện thư viện. Không chỉ sách giáo khoa, thư viện đại học còn cần hơn nữa sách nghiên cứu, và kể cả ở một đại học khoa học hay cao đẳng kỹ thuật, cần cả các loại sách bàn về những vấn đề triết học (không giới hạn trong phạm vi triết học Mác - Lênin !), lịch sử khoa học, xã hội... Biện pháp đơn giản là bộ cung cấp đủ ngân sách xây dựng các thư viện đại học, và để cho tập thể các giáo sư và trách nhiệm thư viện ở mỗi trường tự do chọn tên sách cần mua cho thư viện trường mình. Dĩ nhiên, một chính sách nghiêm chỉnh về thư viện (đương nhiên, không quên các phòng thí nghiệm) là khá tốn kém, song, có phải giáo dục đã được coi là *quốc sách hàng đầu* ?

*

Trong một bài viết trên báo Le Monde ngày 22.2.1994, nhà tư vấn quốc tế Etienne Badimont cho rằng Thái Lan sẽ không trở thành một con rồng mới về kinh tế, vì sự thiếu

chuẩn bị về giáo dục (trung học và đại học, nhất là đại học kỹ thuật) để có thể cung cấp cho nền kinh tế những chuyên viên kỹ thuật, những kỹ sư và nhà nghiên cứu cần thiết để có thể tự mình tiêu hoá và biết sử dụng những công nghệ mới. Nhưng, ở cả hai lĩnh vực giáo dục trung học và đại học, khoảng cách giữa Thái Lan và Việt Nam còn quá xa. Chỉ tính riêng số sinh viên đại học, Thái Lan có khoảng 165 sinh viên trên một vạn dân, Việt Nam xấp xỉ 20. Những lĩnh vực quản lý, kinh tế của Thái Lan không bị hệ tư tưởng “ Mác - Lênin ” trói buộc nặng như ở Việt Nam...

Để vượt qua các khoảng cách ấy, sự cải tổ cơ cấu, hệ thống, mạng lưới và **nội dung** đại học Việt Nam v.v... là một yêu cầu cực kỳ cấp bách, đòi hỏi sự tham gia tích cực của mọi người. (Với những phương tiện tài chính tương ứng, song đó lại là một đề tài khác). Hội nghị tư vấn, dù vài hạn chế đã nêu trên, là một sáng kiến tốt để đào xới một số vấn đề, gợi một số khả năng, biện pháp hữu hiệu cho cuộc cải tổ. Nhưng, có thể nào hình thành một nền đại học thực sự khi không vượt qua được những rào cản về tư tưởng mà nhiều người vẫn muốn xây quanh khuôn viên trường học ?

Công việc phải làm còn khá nhiều !

Hà Dương Tường

Dính chính :

Diễn Đàn số 27 đưa tin theo báo Tuổi Trẻ là Ngân hàng thế giới (WB) có dự án cho Việt Nam vay 70 triệu đôla, nhằm cơ cấu lại *đại học* Việt Nam. Thực ra, đây là một dự án giúp ngành *tiểu học* Việt Nam. !

(quảng cáo)

SOUTHERN CALIFORNIA UNIVERSITY

for Professional Studies

Chương trình đặc biệt cho người Việt khắp thế giới

học lấy văn bằng M.B.A. / Tiến sĩ luật khoa Hoa Kỳ

Chương trình đại học từ xa là một giải pháp cho những người có kiến thức, đã có văn bằng ở Việt Nam, hay ở các nơi khác hoặc đã từng giữ những chức vụ quản lý, lãnh đạo trước đây hay hiện tại đang hành nghề thương mại, kinh doanh... đã có kinh nghiệm làm việc, mà trước đây chưa có dịp học lấy văn bằng, nay cần một văn bằng đại học Hoa Kỳ để thăng tiến. Hãy ghi tên học tại Đại học Southern California, chương trình học từ xa. Học viên tự học ở nhà (vẫn tiếp tục làm việc của mình) với sự hướng dẫn của các giáo sư danh tiếng của nhà trường, mỗi năm học tập trung tại trường hay giáo sư của trường đến tận thành phố quý vị cư ngụ để giảng dạy. Học phí nhẹ đặc biệt cho người Việt Nam được hưởng 30 % scholarship. Trung bình chỉ cần 1-2 năm là hoàn tất chương trình A.A., B.A., M.A., M.B.A., D.B.A. and Ph.D or J.D. (Associate, Master, Doctorate degrees in Business, Laws, Psychology and others).

Managers, business people and professionals can study at home (through books, videotapes, cassettes) and 2-3 weeks at classes every year. Generous scholarship for Vietnamese. Most program can be finished within one year and rely on self-pacing and flexible times schedules.

For Free brochure, applications or further information, please contact by fax, attention to : International Program (714 854 4680) or by mail to :

SCU, International Program, Vietnamese Section,
BOX 5171 University, Irvine CA 92716

(Fully approved by State of California since 1976 and accredited by Pacific Association of Schools and Colleges)

Tìm đọc

Hộp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hộp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove

CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện, 15 Place

Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Sự Chấm Dứt Của Huyền Thoại Xã Hội Đại Đồng

NGUYỄN THU

2 . Giấc mơ Xã hội Đại đồng của người nông dân và huyền thoại xây dựng xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tại Trung Quốc và Việt Nam

Chủ nghĩa thực dân phá sản sau khi các nước tư bản đế quốc kinh qua hai trận đại chiến nhằm giải quyết chu kỳ tổng khủng hoảng kinh tế đã trở nên suy yếu : một số quốc gia trong đó phải kể đến Trung Quốc và Việt Nam, sau hàng thế kỷ bị xâm xé hoặc sống dưới chế độ thuộc địa, đã lợi dụng cơ hội vùng lên giành lại chủ quyền và xác lập một chế độ xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Huyền thoại “ xã hội đại đồng ” của người nông dân Á Đông đã hình thành — như ước mơ giải phóng thân phận khỏi thảm cảnh đói khổ — trong suốt thời đại phong kiến, lại một lần nữa có cơ hội bùng lên trong bối cảnh mới với biết bao cuộc thử nghiệm xã hội tàn khốc và đã man chưa từng thấy trong lịch sử cận đại...từ các cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản đến các bước “ nhẩy vọt ” nhằm đuổi kịp Tây Âu trong vài thập kỷ, qua sự che giấu thất bại bằng cách đàn áp trí thức mằm mống của bạo loạn, kết cuộc với cách mạng văn hoá hao tổn sinh mạng hàng chục triệu người dân vô tội nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa Mao và các lãnh tụ chớp bu... để rồi sau cùng phe Đặng Tiểu Bình (và các người bất chước tại Việt Nam) trở lại một chương trình cải lương kinh tế kiểu tam dân, sao chép y sì những tư tưởng khởi xướng trước đây hàng nửa thế kỷ bởi các trí thức tư sản tiến bộ như Tôn Dật Tiên, Nguyễn Thái Học !

Chúng ta cần bình tâm nhìn lại những đặc thù lịch sử của quá trình hình thành huyền thoại xây dựng xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa tại hai quốc gia nông nghiệp lạc hậu này để có một lập trường dứt khoát trước thái độ “ diếc không sợ súng ” và tham quyền cố vị của các đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam khi họ còn cố vớt vát tình thế trước sự tan rã của các đảng cộng sản Đông Âu bằng ngọn cờ “ xã hội chủ nghĩa mang màu sắc dân tộc ” !

a) Từ thuở hình thành tại các vùng châu thổ phì nhiêu dọc theo các triền sông lớn tại lục địa châu Á như Dương Tử, Hoàng Hà, Hồng Hà, Mã...một nền văn minh lúa nước thì vấn đề trị thủy được lưu truyền trong ngoại sử qua các huyền thoại đại loại kiểu Cồn (sau trở thành vua Thuấn) được con cáo chín đuôi (sau trở thành vợ vua) giúp sức xây đập, đào kênh ngăn lụt, Thần núi Tản là Sơn Tinh được vua Hùng chọn làm rể để dẹp tan các đạo thủy binh thường luồng, ba ba và lũ lụt do tình địch Thủy Tinh gây ra v.v... Ngoại sử cũng truyền lại rằng thiên hạ thời Nghiêu Thuấn thái bình thịnh trị, các kho lúa của thần dân luôn đầy ắp mà trộm cắp không hề bén mảng tới, cửa ngõ nhà dân đêm thường bỏ

ngỏ... và cứ như thế qua bao nghìn năm sau mỗi cuộc bể dâu thăng trầm của một triều đại phong kiến suy tàn người nông dân lam lũ và đói khổ tại Trung Quốc cũng như Việt Nam lại hy vọng một vị minh quân ra đời, đưa họ về với hiện thực của giấc mơ “ đại đồng Nghiêu Thuấn ”.

Mao Trạch Đông cũng như Hồ Chí Minh là những nhà chính trị am hiểu tâm lý người nông dân Á Đông đến tận chân tơ kẽ tóc do đó đã tự vẽ nên hình ảnh của những vị minh chúa sau cùng thực hiện thiên mệnh đại đồng muôn thuở với học thuyết Marx được cải lương kiểu “ sách đỏ cầm nang ” thời tam quốc hoặc nặng mùi tổng nho như khẩu hiệu “ trung với đảng hiếu với dân ”... và với cơ sở lý luận là một huyền thoại vu vơ, được gán cho Lênin, chỉ ra rằng “ với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đàn anh tiên tiến một số nước chậm tiến có thể xây dựng xã hội chủ nghĩa từ một xã hội có nền sản xuất phong kiến mà không cần kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa ”.

Thực ra các sử gia duy vật đã xác nhận hình thái xã hội đại đồng kiểu Nghiêu Thuấn thuộc giai đoạn xã hội cộng sản nguyên thủy, một giai đoạn văn minh tiền sử mà chúng ta đã rõ (xem (3)) trong đó thành quả lao động của mỗi cá nhân chỉ đủ cho bản thân sinh tồn do đó chưa thể tồn tại một hình thức cưỡng đoạt lao động thặng dư nào như ở giai đoạn nông nô sau đó. Sử liệu về giai đoạn cộng sản nguyên thủy này hầu như chỉ là các truyền thuyết, mãi về sau nhân dịp kỷ niệm năm lương thực thế giới vào cuối thập niên 80 này các sử gia Nhật Bản mới công bố một số tư liệu độc đáo về một bộ tộc sống trên triền núi cao của đất nước Phù Tang có tập tục để người con cả công cha mẹ già yếu lên bỏ đói nơi các đỉnh núi quanh năm tuyết phủ mây mù với huyền thoại là đưa họ về nơi thiên đường cực lạc, ngoài ra đã từ lâu các nhà nhân chủng học đã khám phá ra một số bộ tộc trong rừng sâu phi châu có ngày hội “ câu sấu ” cha mẹ già bằng cách đưa họ bám trên các ngọn cây sau đó rung cây để họ tự đào thải nơi miệng sấu trong trường hợp họ quá già yếu và không còn đủ sức lao động nuôi nổi chính bản thân.

Nếu thời đại Hùng Vương của chúng ta tương ứng với giai đoạn cộng sản nguyên thủy thì thật là thú vị khi các sử gia duy vật quốc nội tự lần theo dấu vết truyền thuyết để có thể xác minh sự tồn tại của thế giới “ con rồng cháu tiên ” qua các phong tục đại loại kiểu tục lệ “ cà răng ” của người Radê trên Tây Nguyên hoặc tục lấy đá tự đập gãy răng tại một số địa phương miền núi..., một sự biểu lộ giảm thiểu tự nguyện sức tiêu dùng khi không còn khả năng lao động ?

b) Cuộc cách mạng tân dân chủ Tân Hợi (1911) do nhà cách mạng tư sản Tôn Dật Tiên lãnh đạo đã không đủ sức vực dậy một Trung Quốc nông nghiệp lạc hậu - phong kiến suy tàn, tiếp theo đó là một cuộc nội chiến kéo dài giữa hai phe quốc cộng trên một đất nước bị xâm xé và sỉ nhục bởi các nước phương Tây cho đến khi chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời vào năm 1949 tại Trung Quốc sau khi cộng quân của Mao đã chiến thắng và xua đuổi tàn quân của Tưởng ra đảo Đài Loan.

Nguyễn Thu là bút hiệu của một Việt kiều đã cùng gia đình hồi hương cách đây 14 năm, vào cuối năm 1979. Chúng tôi đăng toàn văn bài viết (xem phần đầu từ số trước) vì đây là một chứng từ thống thiết.. dù cho nó có nhiều điểm cần hiệu đính hay thảo luận thêm.

Nhìn lại diễn biến của cuộc nội chiến quốc cộng kéo dài nhiều thập kỷ này chúng ta không hề thấy bóng dáng một cuộc cách mạng vô sản kiểu giai cấp công nhân thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình như đã dự báo bởi Marx, trái lại đó đây phảng phất một quá trình mưu bá đồ vương quen thuộc trong lịch sử phong kiến Trung Hoa : các hảo hán sau khi cát cứ và bạo loạn ở khắp nơi quy tụ lại dưới ngọn cờ đào kiểu “ *thế thiên hành đạo* ” của phe Mao, cuộc vận lý trường chinh về cố thủ tại Thiểm Tây như Lưu Bang xưa kia, sau cùng là các cuộc tổng phản công bao vây tiêu diệt địch, chiếm thiên hạ. Thực ra Mao đã bắt chước cả lý thuyết duy vật lịch sử và rất tự hào khi tự hu cấu ra một huyền thoại kiểu truyền thuyết nông dân để lý giải cuộc cách mạng cướp chính quyền của đảng cộng sản Trung Hoa : liên minh công nông — đích thực là nông dân — đã lấy nông thôn làm căn cứ địa để bao vây thành thị và làm ngạt thở giai cấp tư bản sống trong đó trước khi tiêu diệt họ.

Chúng ta suy ra hệ luận khô khan sau khi nhìn lại lý thuyết cách mạng vô sản nói trên của Mao từ qui luật mâu thuẫn “ lực lượng-quan hệ sản xuất ” của Marx :

“ *Giai cấp nông dân Trung Hoa ngàn đời lam lũ trên đồng ruộng với con trâu cái cày làm công cụ sản xuất hoá ra lại là lực lượng sản xuất tiến bộ nhất của Trung Quốc hiện đại và do yêu cầu lịch sử đã thực hiện một cuộc cách mạng xã hội để xác lập một quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ sản xuất tiên tiến của giai cấp mình ?* ”.

Trường hợp ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam về cơ bản cũng giống như tại Trung Quốc, hiểu theo nghĩa sự ra đời này xảy ra khi nền quân chủ tập quyền lâu đời tại hai đất nước này đã suy tàn với một nhà nước phong kiến bảo thủ chống lại mọi cải cách do ngọn gió phương Tây thổi tới, với một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu và một giai cấp nông dân nghèo đói luôn luôn ước mơ một xã hội đại đồng no đủ : nói một cách khác qua hơn một nghìn năm tồn tại như một quốc gia độc lập, Việt Nam về mặt hình thái kinh tế - xã hội luôn luôn đóng vai một hình ảnh thu nhỏ của Trung Hoa. Tuy nhiên quá trình thay đổi các triều đại phong kiến suy tàn trong lịch sử Việt Nam từ Đinh, Lý, Trần, Lê... cho đến nhà Nguyễn sau này đều có đặc thù gắn liền sự nghiệp bình thiên hạ với một cuộc tổng khởi nghĩa giành lại độc lập từ tay ngoại bang. Bản sắc không gì quý hơn độc lập của đất nước này đã được hun đúc qua biết bao lần khởi nghĩa toàn dân dưới ngọn cờ giải phóng của một vị anh hùng dân tộc và giai cấp nông dân Việt Nam đã huyền thoại hoá truyền thống yêu nước này trong sử sách, phả hệ các gia đình vọng tộc cũng như tại các chốn linh thiêng như miếu, đình, chùa, lăng, tẩm... rải rác trong khắp các làng mạc cả nước.

Cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 với sự ra đời của mặt trận Việt Minh và ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như cuộc kháng chiến chống lại sự can thiệp quân sự của Mỹ do Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam lãnh đạo vào những năm 60 đều nằm trong truyền thống lịch sử chống xâm lược lâu đời của dân tộc Việt Nam. Không ai phủ nhận vai trò lãnh đạo và tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam và ông Hồ Chí Minh cũng như đóng góp xương máu to lớn của giai cấp nông dân vào sự thành công của hai cuộc kháng chiến nói trên, tuy nhiên việc giải tán tức khắc các mặt trận đại đoàn kết cũng như việc nuốt lời cam kết hoà hợp hoà giải dân tộc và chia sẻ quyền hành với các thành phần trí thức và

tư sản ghi trong cương lĩnh kháng chiến để rồi vội vã xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc năm 1954 và trên toàn quốc năm 1975 phải chăng là một quái thai lịch sử ra đời do sự kết hôn giữa chủ nghĩa bành trướng của Đệ tam Quốc tế cộng sản với giấc mơ đại đồng muôn thuở của giai cấp nông dân Việt Nam dưới sự vay mượn vụng về về ý thức hệ nơi người láng giềng lớn phương bắc ?

Thế hệ các nhà lãnh đạo trẻ của đảng cộng sản Việt Nam chắc sẽ phải trả giá đắt cho bài học lịch sử cay đắng nói trên vì trong khi mà nhân loại đang chuẩn bị bước vào “ *kỷ nguyên hậu cộng sản* ” thì các lãnh tụ già nua của họ tiếp tục phủ nhận sự thất bại có tính toàn cầu của chủ nghĩa Mác-Lênin và lại một lần nữa ăn phải bả lịch sử phương bắc khi phát lại ngọn cờ “ *chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của...* ” bằng cách bẻ y si lý thuyết khắp khiêng nói trên của Đặng Tiểu Bình (như Trường Chinh đã từng làm ra với các lý thuyết cải cách ruộng đất và văn hoá của Mao !) và điền chữ “ *Việt Nam* ” (thay vì chữ “ *Trung Quốc* ”) vào chỗ chấm chấm “ *...* ”.

c) Vấn đề chuyên chính vô sản.

Trung Quốc và Việt Nam, tuy do nhiều nguyên nhân địa lý - chính trị khác nhau, đã trước sau xây dựng rất sớm so với châu Âu một chế độ quân chủ tập quyền và bảo vệ nó trong hàng nghìn năm lịch sử bằng một nền chuyên chính phong kiến cực kỳ tinh vi và tàn bạo. Ngoại sử ghi rằng Tần Thủy Hoàng vị hoàng đế đầu tiên của nhà nước Trung Hoa thống nhất đã chui vào một con ngựa trước mặt quần thần và nói : “ *Trông kìa một con hươu* ”, và toàn thể triều đình đều cúi rạp và tung hô : “ *Tâu hoàng thượng chính là một con hươu* ”. Cũng chính vị hoàng đế thông minh và tàn bạo này đã tìm thấy trong học thuyết vô vi của Lão Tử một nguyên lý cho nền chuyên chính ngu dân của mình hầu mong kìm hãm xã hội Trung Hoa ở giai đoạn nông nô và đã chống lại những tư tưởng pháp trị của Khổng Tử và các nho gia tiến bộ đương thời bằng cách đốt hết sách vở các nhà và chôn sống học trò. Cái chu kỳ bạo loạn gây ra bởi các nho sĩ thức thời kèm theo các cuộc đàn áp tru di tam tộc đầm máu đã đeo đuổi dai dẳng xã hội Trung Hoa trong suốt các bước thăng trầm của hàng nghìn năm phong kiến cho đến tận cuộc thảm sát hàng ngàn sinh viên trí thức của “ *thái thượng hoàng* ” Đặng Tiểu Bình trước Thiên An Môn năm 1986 !

Phải trở về cội nguồn như vậy chúng ta mới phân biệt được rõ ràng tính “ *dân tộc* ” trong các nền chuyên chính vô sản của các nước xã hội chủ nghĩa, từ tính cách thô bạo và tàn nhẫn của nền chuyên chính Liên Xô và các nước Đông Âu đến tính cách tinh tế, đã man tuy không kém phần đầm máu của các nền chuyên chính của Trung Quốc và Việt Nam. Phản ứng của quần chúng đối với các tội ác do các nền chuyên chính này gây ra cũng tùy thuộc vào những huyền thoại đã khắc sâu trong lịch sử : trong khi ở Liên Xô sau cả nửa thế kỷ người ta còn chưa thể quên đi những căm thù khi thân nhân là nạn nhân của các cuộc cải cách xã hội chủ nghĩa dưới thời Stalin và văn học, nghệ thuật, điện ảnh luôn luôn trăn trở trong các đề tài u buồn này..., thì ở Trung Quốc người ta không muốn nói đến trong đời thường những năm tháng đen của cách mạng văn hoá trong đó hàng chục triệu người đã bị hồng vệ binh thủ tiêu... hay tại Việt Nam người ta không còn nhắc nhở gì đến hàng trăm nghìn người bị chết oan uổng qua các cuộc đấu tố cải cách ruộng đất vào những năm 50-60 và coi đó như một định mệnh lịch sử thông thường

đã từng diễn đi diễn lại nhiều trong những bước đường thăng trầm của các triều đại phong kiến.

Quá trình đòi hỏi sự ra đời của một chế độ dân chủ thích hợp với trình độ văn minh chung của nhân loại tại Trung Quốc và Việt Nam được biểu lộ trong lịch sử qua tính đối đầu muôn thuở giữa trí thức tiến bộ và giai cấp thống trị lỗi thời, nói khác đi khi giai cấp nông dân của hai nước này chưa được giải phóng khỏi các huyền thoại do ý thức hệ phong kiến trước kia và ý thức hệ cộng sản ngày nay vẽ vờ ra để thống trị họ, thì trách nhiệm lịch sử lớn lao này vẫn nằm trong tay giới sĩ phu thức thời. Do đó chúng ta không hề ngạc nhiên khi thấy các chính quyền cộng sản ngày nay cũng như các vua chúa trước kia đều ý thức sâu sắc những mầm mống bạo loạn cần phải tiêu diệt đều xuất phát từ các đầu óc “*kẻ sĩ đa sự*”!

Cách mua chuộc cũng như trị tội một số trí thức tại Liên Xô mang truyền thống thô bạo, một đặc tính gắn liền với nhân cách của Stalin : khởi đầu bằng tiêu diệt nhân phẩm sau đó là thể xác nếu thấy cần thiết.

Ta hãy đơn cử hai thí dụ :

— Pavlov, nhà sinh vật lớn của thế kỷ 20 cảm thấy không thể hoạt động khoa học tại Liên Xô khi nhận thấy các đồng nghiệp trong viện nghiên cứu sống trong các điều kiện vật chất quá thảm thương, đã viết thư cho Lenin yêu cầu một số cải thiện : nếu không thỏa mãn ông bắt buộc phải rời quê hương để sang làm việc tại Thụy Điển. Người trợ lý của Lenin đã gửi riêng cho ông một thùng gồm các thực phẩm quý hiếm như bơ, pho mát, trứng cavia... mà không thêm nhắc gì đến những yêu cầu cải thiện tập thể. Pavlov rất thất vọng đã viết thư thẳng cho Lenin nói rằng ông cảm thấy nhân phẩm bị xúc phạm nặng nề và quyết định đi Thụy Điển, cũng may là với cách cư xử rất trí thức Lenin đã viết thư xin lỗi Pavlov và giải quyết ổn thỏa vụ này. Nền sinh học lớn của Liên Xô đã được cứu vãn nhưng sau đó Stalin đã sai tên lang băm Lyssenko đập phá tan tành.

— Vụ án áo *blu* trắng đã xảy ra như sau : vào cuối đời Stalin trở thành nghi ngờ các người thân cận một cách bệnh hoạn, có thể gọi là mắc bệnh *bách hại cuồng*. Sức khỏe của ông ta không tốt và một nhóm chuyên gia ngoại khoa nổi tiếng lúc bấy giờ được gọi đến, họ đã khuyên ông ta phải nghỉ làm việc, tĩnh dưỡng lâu dài và đã không ngờ kết quả chẩn bệnh khách quan này đã mang lại cho họ một tai họa khủng khiếp. Số là Stalin đã dùng chính thủ đoạn sử dụng kết quả chẩn bệnh để cô lập hoá Lenin vào lúc cuối đời do đó ông nghi ngờ nhóm trí thức *blu* trắng là tay sai của các đồng chí muốn loại trừ ông. Ngay tức khắc tất cả các nhà bác học ngây thơ nói trên đều bị thủ tiêu !

Trong khi nền chuyên chính vô sản tại Liên Xô và các nước Đông Âu chủ trương thủ tiêu nhân phẩm của người trí thức bằng cách treo lơ lửng trên đầu họ một lô tội tổ tông như “*thành phần tiểu tư sản*”, hay “*chao đảo lập trường*”, “*cần được đảng giáo dục thường xuyên về lập trường giai cấp*”... và dựa trên sự vu cáo vi phạm các *tabu* nói trên để thủ tiêu thể xác của người trí thức nếu cần, thì ở Trung Quốc và Việt Nam đảng và liên minh công nông xử sự với giới trí thức một cách độc ác và tinh vi hơn nhiều. Quan niệm “*kẻ sĩ*” trong xã hội Trung Hoa hay Việt Nam thời phong kiến mang hình ảnh một tên thư lại — trung thành và vâng lời tuyệt đối bộ máy nhà nước phong kiến tượng trưng bởi thiên tử — hơn là hình ảnh người “*quân tử*” với các phẩm chất vẽ vờ bởi

Khổng Tử. Do đó nền chuyên chính vô sản hai nước này mang nặng truyền thống phong kiến trong cách cư xử đối với trí thức, biểu lộ qua cách sử dụng lại các thủ thuật quen thuộc như nhử mồi, nhử bả để phát hiện ra những ổ reo rắc các mầm mống và tư tưởng bạo loạn, rồi sau đó mới khéo léo đưa ra các biện pháp mua chuộc hoặc đàn áp đã man những “*kẻ sĩ hiện đại và phản động*” này.

Chúng ta không quên chính Mao đã khởi xướng phong trào “*trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng*” để dụ giới trí thức Trung Hoa nói lên những ước mơ dân chủ tự do cho một xã hội Trung Hoa hiện đại trong khi đã chuẩn bị sẵn những hình phạt lao động tay chân lâu dài tại nông thôn để lưu đầy họ.

Chúng ta cũng không quên chính Trường Chinh đã vay mượn i sị những trò tra tấn trung cổ của Mao khi đàn áp những trí thức thuộc phong trào Nhân văn Giai phẩm, để một Trần Đức Thảo (6) và một Nguyễn Mạnh Tường ngày đêm lo kiếm cỏ tránh cọp cho đàn bò mà đảng và liên minh công nông đã giao phó, đến nỗi đã mất cả tuổi trung niên sung sức mà không còn để lại được một sáng tạo trí thức đáng giá nào cho nhân loại, để một Bùi Xuân Phái (7) trong mười năm trời đều đều mỗi ngày đóng vai anh phò mộc vụng về, và mỗi khi đêm đến rụng rụng nước mắt vì bàn tay sử dụng dùi đục đã sung sướng không thể cầm nổi cây cọ vẽ !

Viết xong tại Hà Nội. Hè 1993.

NGUYỄN THU

(3) Hình thái xã hội tiền sử trong đó con người với công cụ sản xuất thô sơ chỉ có khả năng lao động để sống còn và không tạo nổi một giá trị thặng dư nào, do đó xã hội không tồn tại khả năng “*bóc lột giá trị thặng dư*”.

(6) Do tình cờ tôi đã có dịp gặp ông tại nhà khách Hàn lâm viện Berlin vào năm 1982 và trước mặt tôi là một ông già hoàn toàn vong thân (theo nghĩa của Marx), nói năng rào trước đón sau và lâu lâu lại sợ sệt như một con chim bị đạn.

(7) Tôi đã có dịp hỏi một cách thân tình sự đóng góp của anh vào phong trào giai phẩm Nhân văn và họa sĩ đã buồn buồn trả lời : “*Tôi đã ngây thơ vẽ giúp một con ngựa già để minh họa truyện ngắn cùng tên của ông Phan Khôi. Sau khi sử dụng tiền nhuận bút để cùng bạn bè uống rượu tôi quên khuấy ngay chuyện này cho đến khi bị mang ra kiểm thảo và bị lưu đầy tại Hà Nam*”.



HỒ SƠ NGUYỄN HỘ

Hãng thông tấn AFP (20.3.94) đưa tin : “ Đầu tháng ba, một trong những người phê phán chính quyền mạnh mẽ nhất, ông Nguyễn Hộ, đã từng là cán bộ quân đội, lãnh đạo trong công đoàn và Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị bắt trở lại ”. Thông tấn xã Pháp cũng cho biết “ theo những nguồn tin thông thạo, còn có hai thành viên khác của hội (ý nói Câu lạc bộ Kháng chiến Thành phố Hồ Chí Minh) cũng bị bắt giam ở Thành phố Hồ Chí Minh ”. Lý do bắt giam ông Nguyễn Hộ (78 tuổi, gia nhập Đảng cộng sản từ năm 1937), theo tổ chức Giám sát Nhân quyền / Á Châu (Human Rights Watch / Asia), là “ ông Hộ đã soạn và phổ biến một bài viết chủ trương dân chủ và quyền làm người ”.

Theo những nguồn tin đã được phối kiểm của **Diễn Đàn**, ông Nguyễn Hộ đã bị bắt giam từ ngày 7.3.1994. Đây là lần thứ ba, ông bị giam tù. Lần thứ nhất, năm 1940 : chính quyền thực dân đã giam ông 5 năm ở Côn Đảo (ông được giải phóng sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, cùng với các ông Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng). Lần thứ nhì, đúng nửa thế kỷ sau : tháng 9.1990, trong lúc ông về ẩn dật ở nông thôn miền Đông Nam Bộ sau khi chính quyền cấm tờ báo **Truyền thống kháng chiến**, giải thể ban chủ nhiệm **Câu lạc bộ Kháng chiến** mà ông làm chủ nhiệm suốt 3 năm (từ khi về hưu năm 1987). Cũng vào thời điểm ấy, nhà cầm quyền đã bắt giam ba đảng viên khác, hoạt động trong Câu lạc bộ : **Tạ Bá Tông, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu**, và những người ngoài đảng lên tiếng đòi dân chủ đa nguyên : luật sư **Đoàn Thanh Liêm**, bác sĩ **Nguyễn Đan Quế**, giáo sư **Đoàn Viết Hoạt**...

Ba nhà trí thức vừa kể tên đã bị kết án tù mỗi người hơn 10 năm, cùng với bạn bè của họ. Linh mục **Chân Tín** và giáo sư **Nguyễn Ngọc Lan** thì bị quản thúc 3 năm. Ông Tông và hai ông Hiếu, cũng như ông Hộ, ngay từ đầu năm 1990, bị các ông Nguyễn Văn Linh, Trần Trọng Tấn, Trần Văn Trà và Trần Bạch Đằng... đả kích là đã biến Câu lạc bộ Kháng chiến thành diễn đàn đòi dân chủ đa nguyên và chống Đảng, thêm cả tội “ nổi giáo cho giặc ” khi họ phổ biến bản Tâm thư với chữ ký của hơn 700 Việt kiều. Họ bị bắt cùng lúc với ông Michael Morrow, một người Mỹ trong thời gian chiến tranh, là nhà báo độc lập, một trong những người Mỹ đầu tiên tố giác vụ thảm sát Sơn Mỹ – Mỹ Lai, và từ sau 1975, hoạt động kinh doanh và chủ trương bình thường hoá quan hệ Mỹ-Việt. Khi đó, ba ông bị tố thêm tội “ thông đồng ” với một “ mạng lưới gián điệp ”. Ít lâu sau, chiến dịch vu cáo và bắt bớ đã đạt một phần mục đích là chặn đứng những tiếng nói đòi dân chủ hoá cất lên từ trong hàng ngũ Đảng cộng sản,

nhà cầm quyền đã lạng lẽ trả tự do cho ba ông Tạ Bá Tông, Hồ Hiếu và Đỗ Trung Hiếu.

Còn ông Nguyễn Hộ, sau một thời gian bị bắt giữ riêng tại một “ nhà khách ” của Bộ nội vụ, cuối cùng, ông đã bị đưa về quản thúc tại gia, dưới sự canh phòng thường trực của một nửa tiểu đội công an, ít nhất cho đến giữa năm 1993.

Tháng 2 vừa qua, ông Nguyễn Hộ đã phổ biến trong bạn bè một bài viết 50 trang đánh máy, nhan đề “ **Quan điểm và Cuộc sống** ” mà ông đã hoàn thành từ ngày 20.5.1993.

Bài viết này gồm 5 phần :

– Lời mở đầu (6 trang), trong đó tác giả tóm tắt tiểu sử và kể lại những sự kiện về Câu lạc bộ Kháng chiến, dẫn tới cuộc bắt bớ tháng 9.1990. Phần này là một chứng từ trực tiếp, với nhiều thông tin, chúng tôi xin đăng dưới đây toàn văn.

– Trong phần 1 (13 trang) và phần 2 (7 trang), tác giả trình bày quan điểm của ông về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản “ con đường không thể đảo ngược được ” với những ý kiến hết sức dứt khoát : “ Xã hội tư bản — xã hội thừa nhận của riêng, lợi nhuận, có giai cấp, cạnh tranh gay gắt — là một xã hội năng động đáp ứng tất cả những gì mà nhân dân mong muốn, yêu cầu. Trong chủ nghĩa tư bản với năng suất cao, hàng hoá dồi dào, đời sống cao, dân chủ tự do cao, nhân dân trở thành người chủ đích thực của xã hội ”. Câu văn tiêu biểu này cho ta thấy tác giả hiểu biết rất tường tận “ chủ nghĩa xã hội hiện thực ”, nên đã mừng tượng ra một chủ nghĩa tư bản lý tưởng, âm bản 100 % của chế độ mà ông quen biết. Người đọc dù không chia sẻ những khẳng định dứt khoát kiểu đó, có thể thông cảm với tâm trạng của một nhà cách mạng lão thành đang nghiệm sinh sự sụp đổ của một chế độ.

– Trong phần 3 (19 trang), ông Nguyễn Hộ bảo vệ quan điểm : dân chủ tự do là thước đo chính xác về lòng trung thành của ĐCSVN đối với dân tộc mình ; chủ nghĩa xã hội không thể công nhận có đấu tranh quần chúng, ai khác ý kiến quan điểm thì bị quy chụp trấn áp ; ý thức hệ cộng sản dẫn đến đàn áp tôn giáo ; và chủ trương trên cơ sở dân chủ bình đẳng, thực hiện hoà giải hoà hợp dân tộc.

– Cuối cùng, trong phần 4, tác giả đề nghị những định hướng chiến lược về chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục xã hội, quan hệ quốc tế và quốc phòng. Cụ thể về chính trị : từ bỏ chủ nghĩa xã hội đã trở nên lỗi thời, “ thật sự cầu thị, học tập chủ nghĩa tư bản và làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa ”, “ thực hiện một nền chính trị đa nguyên — dân chủ đa đảng ; đảm bảo quyền con người của mọi công dân trên cách lãnh vực : kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ; đặc biệt cần phải thi hành nghiêm chỉnh các quyền dân chủ tự do của công dân như : tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do đình công, tự do biểu tình, coi đó là vũ khí sắc bén để nhân dân bảo vệ những lợi ích của mình và thực hiện vai trò người chủ thực sự đối với đất nước, xã hội ”.

Ông Nguyễn Hộ năm nay 78 tuổi. Theo AFP, sức khoẻ của ông rất kém. Quyền tự do thân thể và quyền tự do ngôn luận của ông, cũng như của ông Hoàng Minh Chính, và của những tù nhân chính trị, là thước đo để công luận trắc nghiệm thực tâm xây dựng một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Tôi tên là Nguyễn Hộ, sinh ngày 01 tháng 05 năm 1916 (77 tuổi — *bài này tác giả viết năm 1993, chú thích của toà soạn*), tại xã Hanh Thông (tức phường 10), quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Lúc còn nhỏ, tôi chỉ học hết cấp II (“sơ học yếu lược”) thời Pháp thuộc năm 1933. Vì gia đình nghèo, tôi không thể tiếp tục đến trường mà phải đi học nghề, làm thợ tại xưởng đóng tàu Ba Son (1935) vào lúc 19 tuổi. Tại đây từ năm 1936 (20 tuổi), tôi bắt đầu tham gia Cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (tức Đảng Cộng sản Việt Nam sau này) năm 1937 (lúc 21 tuổi). Sau gần 5 năm hoạt động, tôi bị bắt vào tháng 4 năm 1940 trên đường đi vào nhà máy và bị tù đầy 5 năm ở Côn Đảo. Đến cuối năm 1945, tôi được Cách mạng tháng 8 giải phóng về tiếp tục hoạt động cho đến sau này. Suốt quá trình cách mạng ấy, tôi đã kinh qua các trách nhiệm như sau :

a/ Thời kỳ đấu tranh dân sinh dân chủ (1936–40) :

- Chi uỷ chi bộ Ba Son (Đảng Cộng sản Đông Dương)
- Bị tù đầy ở Côn Đảo (1940–45).

b/ Thời kỳ kháng chiến chống Pháp :

- Phó bí thư kiêm Bí thư Đảng đoàn Liên hiệp công đoàn Nam Bộ, phụ trách Công đoàn Sài Gòn – Chợ Lớn.
- Uỷ viên Uỷ ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách dân quân ; Trưởng ban dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Thành đội trưởng dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Phụ trách Thành đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1948 đến cuối năm 1950), kiêm phó chủ tịch Uỷ ban hành chính Sài Gòn - Chợ Lớn.
- Uỷ viên thường vụ đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, phụ trách Bau cán sự 2 đặc khu, kiêm phó chủ tịch Uỷ ban hành chính Sài Gòn - Chợ Lớn, kiêm chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn (cuối năm 1950 đến cuối năm 1952).
- Đau nặng, nằm bệnh viện (cuối năm 1952 đến cuối năm 1954).

c/ Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (lúc đất nước chia cắt hai miền Nam Bắc) :

- Ra Bắc, đau nặng, nằm bệnh viện (1955-1956).
- Uỷ viên Ban chấp hành, Ban thường vụ Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (1957-1960).
- Uỷ viên Ban thư ký, uỷ viên Đoàn chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam ; Đảng đoàn Tổng công đoàn Việt Nam (1961-1963).

d/ Về miền Nam công tác (1964-1975) :

- Uỷ viên thường vụ Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định (T4), phụ trách dân vận, Công vận, Hoa vận (chú thích của ban biên tập : vận động đồng bào công giáo và hoa kiều).

e/ Thời kỳ sau 30.04.1975 trở đi (1975-1987) :

- Uỷ viên thường vụ Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, phụ trách dân vận.
- Chủ tịch Liên hiệp công đoàn TPHCM kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Việt Nam.
- Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM kiêm Phó chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội hữu nghị Việt-Xô.
- Chủ tịch Uỷ ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân thế giới TPHCM.
- Chủ tịch Uỷ ban thiếu niên nhi đồng TPHCM.
- Trưởng ban vận động đồng bào TPHCM ủng hộ xây dựng công trình thuỷ điện Trị An, xây dựng con đường Nhà Bè - Duyên Hải và xây dựng Kinh Đông Củ Chi.
- Giữa năm 1987, tôi được cơ quan cho nghỉ hưu lúc tôi 71 tuổi.

Liền sau đó, *Câu lạc bộ Kháng chiến thành phố* ra đời. Tôi tham gia hoạt động với tư cách Chủ nhiệm Câu lạc bộ. Kể ra, ngay từ đầu, anh em kháng chiến thiết tha xin lập *Hội những người kháng chiến* thì bị Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân TPHCM từ chối và chỉ cho phép thành lập *Câu lạc bộ những người kháng chiến* thôi, mặc dầu điều 67 của Hiến pháp còn ghi rành rành quyền tự do của công dân : quyền tự do hội họp, tự do lập hội... Tất nhiên, tổ chức hội và tổ chức câu lạc bộ có sự khác nhau về nội dung, quyền hạn và phạm vi hoạt động. Tuy vậy, dựa vào nội dung quyết định của Uỷ ban nhân dân thành phố về nhiệm vụ, quyền hạn của Câu lạc bộ kháng chiến :

- Tập hợp những người kháng chiến trong hai thời kỳ (chống Pháp và chống Mỹ) nhằm phát huy truyền thống yêu nước trong nhân dân ta ;
- Đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ;
- Đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

Những người tham gia Câu lạc bộ Kháng chiến đã tiến hành hoạt động bằng các hình thức : hội thảo, mít tinh, kiến nghị, viết báo, ra báo nhằm các mục tiêu cụ thể chống tiêu cực, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp, trù dập quần chúng, tham nhũng, bè phái, bao che lẫn nhau vì đặc quyền, đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ đảng và Nhà nước, ngoài việc xây dựng tổ chức, phát triển hội viên, thực hiện đoàn kết tương trợ, thăm hỏi chăm sóc gia đình kháng chiến, thương binh liệt sĩ.

Với tinh thần đấu tranh chống trì trệ, tiêu cực nói trên, Câu lạc bộ kháng chiến thành phố đã kiến nghị :

- Bộ chính trị và Ban bí thư Trung ương Đảng cần có sự kiểm điểm định kỳ, phê tự phê về sự lãnh đạo của mình trước Ban chấp hành trung ương để qua đó, điều chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo : ai có đủ đức, tài thì tiếp tục phát huy, còn ai không đủ đức, tài thì cần cho rút lui để đưa người có đức có tài thay thế, chứ không thể cứ “ *sống lâu lên lão làng* ”.
- Không nên “ *độc diễn* ” khi Quốc hội bầu chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1988) mà nên có một số người ra ứng cử chức vụ nói trên với chương trình hành động cụ thể của mình. Quốc hội sẽ chọn một Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trong số các ứng cử viên ấy bằng lá phiếu kín của mình.

Bạn đọc có thể đặt mua toàn văn tập tài liệu “ *Quan điểm và cuộc sống* ” của ông Nguyễn Hộ (40 F + cước phí 10 F) nơi nhà xuất bản TIN. Ngân phiếu đề *Association TIN* và gửi về địa chỉ : 54, avenue Léon Blum, 92160 ANTONY (France). Tài liệu này sẽ phát hành vào hạ tuần tháng 4-1994, cùng một lúc với tập *Thơ Bùi Minh Quốc* (40 F + cước phí 10 F).

– Quốc hội cần cách chức một số bộ, thứ trưởng có liên quan không làm tròn trách nhiệm, dẫn đến hậu quả là trên mười triệu người (ở miền Bắc) bị đói năm 1987, và nhân dân cả nước sống cơ cực kéo dài...

Thế nhưng đối với lãnh đạo (Đảng và Nhà nước), các cuộc đấu tranh bằng các hình thức nói trên của Câu lạc bộ kháng chiến thành phố là một sự đe dọa. Do đó, lãnh đạo đã tìm mọi cách hạn chế, ngăn chặn các hoạt động của Câu lạc bộ như : không cho hội thảo, mít tinh, hoặc có hội thảo, mít tinh nhưng số người dự ít thôi ; tịch thu ấn bản (maket) để Câu lạc bộ không ra báo được [Trước khó khăn đó, với tinh thần bám chặt các quyền tự do dân chủ của công dân đã ghi rõ trong Hiến pháp như tự do ngôn luận, tự do báo chí... anh em Câu lạc bộ phải cấp tốc đem bài vở chạy xuống Mỹ Tho - Tiền Giang để nhờ giúp đỡ. Tại đây, anh em địa phương rất nhiệt tình, hì hục suốt ngày đêm làm xong ấn bản lần thứ nhì thì lại được lệnh của Ban tuyên huấn Tỉnh uỷ là không được in báo cho Câu lạc bộ kháng chiến thành phố. Thế là anh em câu lạc bộ phải chạy tiếp xuống Cần Thơ - Hậu Giang cầu cứu với ấn bản có sẵn. Nhờ sự thông cảm và tận tình của anh em địa phương, chỉ trong vài ngày, 20 000 tờ báo *Truyền thống Kháng chiến* đã được in xong]. Sở Văn hoá - Thông tin ra lệnh tịch thu từ báo số 03 này đang được phát hành và sau cùng cơ quan chính quyền đóng cửa vĩnh viễn báo *Truyền thống Kháng chiến* — tờ báo được nhiều cảm tình của đông đảo bạn đọc luôn chờ đón nó.

Ngay lúc ấy, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và Bí thư thành uỷ Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ khác, kể cả Trần Văn Trà (“ thượng tướng ”), Trần Bạch Đằng (“ nhà văn, nhà báo ”) đã họp bàn kế hoạch tử mĩ nhằm đàn áp Câu lạc bộ kháng chiến thành phố và nhiều nơi khác. Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội Câu lạc bộ kháng chiến thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước. Thế là liền sau đó, Câu lạc bộ kháng chiến thành phố bị cấm hoạt động. Một Câu lạc bộ kháng chiến mới với Ban chủ nhiệm mới — như một thứ “ kiếng ” trang trí — hình thành nhằm vô hiệu hoá, tê liệt hoá phong trào đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái trong hàng ngũ Đảng và Nhà nước vừa mới dâng lên và cũng nhằm củng cố chế độ độc tài, phản dân chủ.

Trước không khí ngột ngạt ấy, tôi quyết định rời bỏ thành phố, về sống ở nông thôn để tiếp tục cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Ngày 31.03.1990, tôi rời khỏi Sài Gòn, cũng là ngày tôi ly khai Đảng Cộng sản Việt Nam — đảng mà sau 54 năm đeo đuổi làm cách mạng (với tư cách đảng viên) của tôi, nay đã trở thành vô nghĩa. Sau cái ngày đáng ghi nhớ ấy khoảng hơn một tháng, một số anh em Câu lạc bộ kháng chiến thành phố gồm : **Tạ Bá Tông** (*Tám Căn*), **Hồ Văn Hiếu** (*Hồ Hiếu*), **Đỗ Trung Hiếu** (*Mười Anh*) bị bắt, cả **Lê Đình Mạnh** — người ủng hộ tích cực Câu lạc bộ kháng chiến thành phố — cũng bị bắt sau đó.

Vào cuối tháng 08.1990, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng **Võ Văn Kiệt** đi gặp tôi ở vùng Phú Giáo — miền đông Nam Bộ, cách Sài Gòn khoảng 60 km, tại cái chòi sản xuất của

nông dân. Ông Kiệt hỏi tôi : « Thế này là sao ? ». Tôi trả lời : « Thành phố ngột ngạt quá, tôi về nông thôn ở cho khoẻ ». Ông Kiệt nói : « Anh cứ về ở giữa thành phố, ai làm gì anh ». Tôi đáp : « Rất tiếc, phải chi anh gặp tôi sớm hơn độ hai tháng thì tốt quá, tôi trở về thành phố ngay. Còn bây giờ thì đã muộn rồi, bởi vì dưới sự lãnh đạo của Trung ương đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các ông Mai Chí Thọ, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng,... cả nước được chỉ đạo, phổ biến rằng tôi (Nguyễn Hộ) là tên phản động, “ gián điệp, móc nối với CIA ”, nổi giáo cho giặc, tiếp tay báo chí nước ngoài tuyên truyền chống Đảng, chống Nhà nước, “ lập tổ chức quần chúng (Câu lạc bộ kháng chiến thành phố) chống Đảng, lật đổ chính quyền ”, “ ăn tiền của Mỹ ”, “ chủ trương đa nguyên, đa đảng nhằm lật đổ Đảng Cộng sản Việt Nam ”. Tất cả sự quy chụp ấy nói lên rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạp tôi xuống tận bùn đen, chôn vùi cả cuộc đời cách mạng của tôi trong nhơ nhuốc để tôi không làm sao ngóc đầu dậy được, tình hình như vậy thì tôi trở về thành phố để làm gì trừ phi đất nước Việt Nam có dân chủ tự do thật sự. Do đó tôi quyết sống ở thôn quê đến ngày cuối cùng của đời tôi. »

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Kiệt diễn ra từ 7 giờ 30 phút sáng đến 11 giờ trưa thì kết thúc và chia tay. Được biết từ sau lần gặp gỡ đó, ông Kiệt tỏ ra phấn khởi và có nhắn muốn gặp tôi lần thứ hai ở một địa điểm nào đó gần Sài Gòn hơn để tiện việc đi lại. Khi được tin này, tôi có viết thư trả lời cho ông Kiệt rằng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không cần thiết.

Sau đó, khoảng nửa tháng thì tôi bị bắt (07.09.1990) trên sông Sài Gòn vào lúc 7 giờ sáng khi tôi bơi xuống vừa cập vào bờ, định bước lên đi vào đám ruộng cạnh đó để hái rau má, rau đắng về ăn. Đúng vào thời điểm ấy, một chiếc ghe lớn đang chạy trên sông lại cặp sát xuống tôi, trong đó có 6-7 thanh niên khoẻ mạnh. Bỗng có tiếng hỏi to : “ *Bác ơi ! bác có thấy một chiếc ghe nhỏ chạy ngang qua đây không ?* ”. “ *Không !* ”, tôi trả lời. Liền có tiếng hét to : “ *Đúng nó rồi !* ”

Lúc bấy giờ, tôi mới biết đó là ghe của công an và nghe tiếng súng lên cò rộp rộp. Túc khắc có hai công an cường tráng, tay cầm súng đã nấp đạn nhảy xuống mũi xuống nơi tôi đang đứng. Tôi bình tĩnh hỏi : “ *Mấy chú muốn gì ?* ” — “ *Muốn gì về sở thì biết* ”, tiếng trả lời xắc xược của một công an. Hai công an đồng loạt nắm hai tay tôi, kéo mạnh ra phía sau rồi còng ngay. Họ điều động tôi đến sát chiếc ghe lớn có tám ván dài bắc từ mũi ghe xuống đáy. Họ xô mạnh tôi chúi mũi và tuột xuống đáy ghe. Ghe nổ máy chạy dọc con sông lên hướng tây-bắc độ 15 phút thì rẽ vào rạch nhỏ, đi sâu đến bến. Tại đây có chiếc xe hơi nhỏ đậu sẵn. Tôi được điều lên xe và đổi còng từ phía sau ra phía trước, với bộ y phục : quần xà lỏn đen và cái áo đen ngắn tay đã xuống màu, hai bên có hai công an ngồi sát và một công an khác ngồi phía trước. Sau nửa giờ xe chạy thì đến nơi. Người ta đưa tôi vào một nhà lá trống trải, không có cửa. Tôi được ngồi nghỉ trên cái giường gỗ nhỏ có trải chiếc chiếu cũ. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra rằng chính lực lượng công an huyện Củ Chi đã sẵn bắt tôi (tất nhiên theo lệnh của Sở công an thành phố và Bộ nội vụ).

Củ Chi — cái tên rất quen thuộc và thân thiết — đã gọi

lên trong đầu óc tôi biết bao cảm nghĩ : Củ Chi địa đạo, bom địa, pháo bầy, Củ Chi tan nát, anh dũng, chịu đựng, gian khổ, hy sinh, nước mắt đau thương xen lẫn với nụ cười chiến thắng mà bản thân tôi trong một số năm được chia sẻ đắng cay, ngọt bùi cùng đồng bào Củ Chi trong cuộc chiến tranh không cân xứng, vô cùng ác liệt giữa Mỹ và Việt Nam ; hoặc nó gợi cho tôi nhớ bao nhiêu kỷ niệm tốt đẹp trong những năm hoà bình (1975-1989) : đi thăm và uỷ lạo anh em thanh niên xung phong đang lao động xây dựng công trình thuỷ lợi Kinh Đông Củ Chi để đưa nước từ hồ Dầu Tiếng về tưới cho hàng ngàn hecta ruộng lâu nay thiếu nước của huyện ; đi thăm và uỷ lạo các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ trong những ngày kỷ niệm lịch sử ; hoặc đi thăm và tặng quà cho các thiếu nhi, học sinh nghèo của huyện ; đi dự các lễ trao tặng nhà tình nghĩa của ban, ngành, đoàn thể, cơ sở kinh doanh, sản xuất cho gia đình đối tượng chính sách trong huyện. Ôi ! ý nghĩ sao mà miên man.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm đó, tôi được đưa lên ô tô để về Sài Gòn. Trước và sau xe tôi còn có mấy chiếc xe khác đầy nhân viên công an. Khi đèn đường thành phố rực sáng thì xe tôi đến cơ quan Bộ nội vụ (tức Tổng nha cảnh sát cũ trước đây). Tôi ngồi ở cơ quan nội vụ hơn một giờ thì được đưa thẳng lên Xuân Lộc (Đồng Nai), có nhiều xe công an hộ tống. Hơn 10 giờ đêm thì tới Xuân Lộc, tôi được đưa đến một nhà trống (nhà tròn) của K4 với một bán đội công an vũ trang đầy đủ. Được một tuần, người ta lại đưa tôi trở về thành phố quản thúc tại Bình Triệu, ở một địa điểm đối diện với cư xá Thanh Đa. Sau hơn bốn tháng sống biệt lập luôn luôn có một tiểu đội công an vũ trang canh giữ, tôi được đưa về quản thúc tại gia vào đúng ngày 30 Tết nguyên đán (đầu năm 1991) từ đó về sau này. Khi đến gặp tôi tại 3 địa điểm nói trên, các ông : **Võ Văn Kiệt** (phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng), **Mai Chí Thọ** (bộ trưởng Bộ nội vụ), **Võ Trần Chí** (bí thư Thành uỷ), **Võ Viết Thanh** (thứ trưởng Bộ nội vụ), **Nguyễn Võ Danh** (phó bí thư Thành uỷ), **Trần Văn Danh** (thành uỷ viên)... đều bảo tôi phải làm kiểm điểm (để qua đó lãnh đạo sẽ xem xét và giải quyết nhanh vấn đề của tôi theo cách giải quyết nội bộ). Nhưng tôi nghĩ : tôi không có tội lỗi gì trong hành động của mình — hoạt động Câu lạc bộ kháng chiến. Không lẽ đấu tranh chống tiêu cực (theo chủ trương, nghị quyết của ĐCSVN) : chống tham nhũng, chống quan liêu, cửa quyền, ức hiếp, trù dập, hãm hại quần chúng ; chống tư tưởng bè phái, bao che cho nhau : những người đã gây biết bao tác hại cho nhân dân, đất nước, không đức, không tài mà cứ ngồi lì ở cương vị lãnh đạo ; đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái như vậy là hành động phản cách mạng, “ *phản động* ”, “ *nổi giáo cho giặc* ” sao ? Do đó, tôi không làm kiểm điểm mà chỉ phát biểu quan điểm của mình về tình hình chung trong nước và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (trên 20 trang).

Kiểm điểm là công việc mang tính chất nội bộ. Còn ở đây sự việc lại hoàn toàn khác hẳn : người ta đã chĩa súng vào tôi, bắt công tôi đem giam và quản thúc. Như vậy, vấn đề đã đi quá xa, còn đâu là nội bộ nữa, vì tôi đã bị coi là kẻ thù của ĐCSVN rồi kia mà ! Cho nên điều chủ yếu của tôi là chờ được đưa ra toà xét xử, xem tôi đã phạm tội gì, nặng cỡ nào với những chứng cứ đích xác của nó. Khi tôi bị bắt, không hề

có lệnh của Toà án hay Viện kiểm sát. Hơn nữa, đã trên hai năm bị quản thúc, vấn đề của tôi chưa được phơi bày trước ánh sáng công lý. Điều đó cho thấy ở Việt Nam hiến pháp, luật pháp đã bị chà đạp đến cỡ nào.

Câu lạc bộ kháng chiến thành phố bị đàn áp, tôi bị bắt cũng như một số anh em khác trước đó. Chúng tôi được nếm mùi công sắt của Đảng Cộng sản Việt Nam — cũng giống công sắt của đế quốc ngày xưa — rồi bị giam, bị quản thúc, trở thành con người hoàn toàn mất tự do, cách ly với thế giới bên ngoài. Đó là điều bất hạnh.

Tuy nhiên, vì tôi đã ly khai Đảng Cộng sản Việt Nam lúc tôi rời thành phố về sống ở nông thôn (21.3.1990), nên hơn lúc nào hết, về tinh thần và tư tưởng, tôi thấy mình lại hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng. Bây giờ trên đầu tôi, không còn bị kẹp chặt bởi cái “ *kềm sắt* ” của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng cộng sản nữa. Do đó, nó cho phép tôi dám nhìn thẳng vào sự thật và dám chỉ ra sự thật, đặc biệt trong tình hình sụp đổ của Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô. Khác với trước đây, khi còn là đảng viên của ĐCSVN — một thứ tù binh của Đảng — tôi chỉ biết nói và suy nghĩ theo những gì mà cấp trên nói và suy nghĩ, còn hiện nay, tôi suy nghĩ rất thoải mái, không bị một sự hạn chế nào khi tư tưởng của tôi đã thực sự được giải phóng — tư tưởng đã bay bổng. Bởi vậy tôi tự phát hiện cho mình nhiều điều lý thú mà bạn đọc sẽ có dịp tìm thấy trong bài viết này của tôi.

Tôi làm cách mạng trên 56 năm, gia đình tôi có hai liệt sĩ : **Nguyễn Văn Bảo** (anh ruột) — Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam — hy sinh ngày 09.01.1966 trong trận ném bom tấn công đầu tiên của quân xâm lược Mỹ vào Việt Nam (vào Củ Chi) ; **Trần Thị Thiệt** (vợ tôi) — cán bộ phụ nữ Sài Gòn — bị bắt và bị đánh chết tại Tổng nha Cảnh sát hồi Mậu Thân (1968), nhưng phải thú nhận rằng chúng tôi đã chọn sai lý tưởng : cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì suốt hơn 60 năm trên con đường cách mạng cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu sự hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn nghèo nàn, lạc hậu, nhân dân không có ấm no, hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều sỉ nhục.

Giữa tôi và bài viết của tôi là một thể thống nhất dựa trên nền tảng của cuộc cách mạng “ *lột xác* ” đã diễn ra trong đầu óc tôi. Vậy xin mời bạn hãy đọc tiếp. Cảm ơn.

Nguyễn Hộ

Đã phát hành số 1 tạp chí

ĐỐI THOẠI

THẢO LUẬN VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ VIỆT NAM

P.O. Box 4692 GARDEN GROVE, CA 92642, Tel : (714)509-7253

Chủ bút : **Nguyễn Hương**

Giá báo 1 năm (6 số)

Bắc Mỹ : USD 36 (hạng tư), USD 48 (hạng nhất)

Các nước khác : USD 48 (đường thủy), USD 60 (đường bay)

**Trước thái độ chính quyền
“lặng thinh, chẳng có gì hết”,
ông Hoàng Minh Chính
công bố
thư ngỏ thứ 2**

Diễn Đàn số 23 (10.1993) đã công bố thư ngỏ đề ngày 27 tháng 8.1993 của ông Hoàng Minh Chính. Từ đó, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của nhà nước cũng như lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam vẫn lặng thinh. Không những thế, cuối tháng 11.1993, công an phường Lê Đại Hành (Hà Nội) còn “theo lệnh cấp trên” công khai đe nẹt ông Chính với những lời lẽ thô bạo, vô giáo dục. Sự việc này cho thấy cuộc sống tinh thần và thân thể của ông có thể bị đe dọa, nhất là khi báo chí của nhà nước tiếp tục kêu gọi “cảnh giác”, chống “diễn biến hoà bình”. Dưới đây, chúng tôi đăng toàn văn thư ngỏ số 2 của ông Hoàng Minh Chính :

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 1993

Kính gửi Quốc hội khoá IX, kì họp thứ tư

Đồng kính gửi : Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong mặt trận, Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan truyền thông, các bạn hữu, họ hàng... (để đề nghị giúp vào việc thúc đẩy thực hiện đúng pháp luật).

Thưa Quý Vị,

Ngày 27.8.1993, tôi công dân Hoàng Minh Chính, nguyên Tổng thư ký Đảng Dân chủ Việt Nam, nguyên Tổng thư ký Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Triết học, sĩ quan thương binh đã gửi đơn khiếu tố về Vụ án Xét lại – Chống Đảng, thường gọi là Vụ Hoàng Minh Chính, tới các cơ quan pháp luật cấp cao nhà nước — Toà án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Quốc hội khoá IX —, đồng gửi Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, các cơ quan truyền thông, các bạn hữu (để đề nghị thúc đẩy giải quyết theo đúng Hiến pháp và pháp luật).

Suốt bấy nay, dư luận rộng rãi trong và ngoài nước đều quan tâm theo dõi kết quả giải quyết vụ nghiêm trọng đó đã kéo dài suốt 30 năm qua chưa dứt. Nhiều nhà trí thức, nhà văn nhà báo (thí dụ thư ngỏ của nhà văn Bùi Minh Quốc), các vị lão thành cách mạng và nhiều người có lương tri trong sáng đã không ngừng thăm hỏi tôi trực tiếp hoặc gián tiếp xem các cơ quan hữu trách nhà nước đã trả lời và giải quyết ra sao.

Đáng tiếc là tôi chỉ có thể trả lời : “Lặng thinh, chẳng có gì hết”. Điều đó làm mọi người sửng sốt.

Vụ án Xét lại – Chống Đảng thuộc phạm trù pháp luật. Tôi xin phép gọi đơn điều luật pháp làm cơ sở cho suy ngẫm và giải quyết :

Hiến pháp năm 1960, điều 29 viết : “ Công dân có quyền khiếu nại và tố cáo... Những việc khiếu nại và tố cáo phải được xét và giải quyết nhanh chóng ”.

Hiến pháp năm 1992, điều 74, viết : “ Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo. Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết ”.

Vụ án Xét lại – Chống Đảng tạo dựng bởi ông Lê Đức Thọ và các Ban của ông hoàn toàn vô căn cứ, hoàn toàn phi pháp, vô đạo lý nhân văn, vu khống nhiều chục, nếu không nói là cả trăm người vô tội, gồm các nhà khoa học, nhà văn nhà báo, nam nữ, các sĩ quan, các tướng lĩnh, các bộ thứ trưởng, các uỷ viên Trung ương Đảng, các lão thành cách mạng...

Suốt 30 năm qua tới tận ngày nay, hàng nghìn đơn khiếu tố của những người trong vụ này gửi tới hết thấy các cơ quan hữu trách trung ương. Có người gửi vài chục đơn khiếu tố (thí dụ Thiếu tướng Đặng Kim Giang), có người gửi cả trăm đơn (như bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, giảng viên Anh ngữ đại học). Tuy nhiên các đơn từ đó đều gặp phải bức tường im lặng suốt 30 năm dài.

Trước tình hình ấy, bất kì công dân nào cũng có quyền hỏi : Vậy Hiến pháp và các luật pháp được ban bố để làm gì ? Các cơ quan hữu trách pháp luật nhà nước có chức năng, nghĩa vụ gì ? Ở nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, người dân Việt Nam có được Độc lập, Tự do, Hạnh phúc như tiêu ngữ ghi trên Quốc hiệu không ? Số phận người dân bình thường sẽ ra sao ?

Nhiều bạn hữu và nhiều người trung trực thường hỏi tôi : Liệu đơn khiếu tố ngày 27.8.1993 gửi các cơ quan hữu trách trung ương có bị rơi vào cảnh ngổ như vậy không, có bị các cơ quan pháp luật làm ngơ không ?

— Pháp lệnh về khiếu tố năm 1991, điều 34, viết : “ Viện Kiểm sát Nhân dân, Toà án Nhân dân có trách nhiệm giải quyết tố cáo ”. Điều 36 viết : “ 1) Cơ quan tiếp nhận tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình phải thụ lý trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận... 2) Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo ”. Điều 21 viết : “ Cơ quan nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mình, thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được phải báo cho người khiếu nại biết ”. Điều 22 viết : “ Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại ”.

— Luật tố tụng hình sự năm 1988, điều 24, viết : “ Cơ quan có thẩm quyền phải xem xét và giải quyết nhanh chóng các khiếu nại và tố cáo, thông báo bằng văn bản kết quả cho người khiếu nại và tố cáo biết ”.

Từ ngày tôi gửi đơn khiếu tố 27.8.1993 tới các cơ quan pháp luật hữu trách cao nhất của nhà nước CHXHCNVN tới nay đã trên ba tháng trôi, vượt xa mọi thời hạn quy định của Hiến pháp và luật pháp kể trên đối với các cơ quan pháp luật phải tuân thủ.

Tuy nhiên, tôi không hề nhận được một “ giấy báo đã tiếp đơn ” (accusé de réception) theo thủ tục tố tụng thông thường. Tôi cũng không nhận được một thông báo bằng văn bản nào (hoặc bằng miệng) của bất kì cơ quan nào là đã xét đơn hoặc kết quả ra sao.

Như vậy, các cơ quan hữu trách cấp cao nhà nước đáp lại đơn khiếu tố hợp hiến pháp của công dân bằng sự im lặng tuyệt đối — vi phạm công nhiên Hiến pháp và luật pháp hiện hành.

Điều đó đã gây ra hai giả thuyết như các vị trí thức và lão thành cách mạng bàn luận :

1.- Vụ án này lớn quá, sai quá và nghiêm trọng quá, nên chẳng ông to nào dại gì đưa nó ra mà xem xét, để rồi mang vạ vào thân.

2.- Nguyên nhân sâu xa, cội nguồn của *Vụ án Xét lại – Chống Đảng* cũng giống như các vụ án tày trời khác, nếu đưa ra xét xử, chả hoá ra tự mình xoá sổ mình à. Thà cứ lờ đi là thượng sách.

Còn ý kiến riêng tôi, trong sáu lần các đại diện Viện Khoa học xã hội Việt Nam và sau cùng là đại diện Ban Tổ chức Trung ương Đảng tôi gặp tôi trong hai năm 1991 và 1992, tôi đã phát biểu rõ ràng :

– Căn cứ trên các sự kiện lịch sử 30 năm qua và trên các văn bản của cả 4 bản Hiến pháp và các sắc lệnh cùng các luật pháp đương thời và hiện hành, *Vụ án Xét lại – Chống Đảng* là hoàn toàn vô căn cứ, phi pháp và phi đạo lý. Cách giải quyết đúng nhất, hợp hiến hợp pháp, hợp lòng dân là công khai tuyên bố huỷ bỏ bản án đó đi. Như vậy vẫn hồi được phần nào lòng tin của dân. Chỉ có như vậy mới chứng minh được rằng nhà nước và đảng mong muốn thật sự xây dựng một nhà nước pháp quyền, tự do dân chủ, công bằng xã hội.

Bằng không, nếu cứ giữ Quyết định cũ về *Vụ án Xét lại – Chống Đảng*, thì nên công bố công khai tội lỗi của những người bị quy kết cho quốc dân đồng bào được biết. Có nhiều người và cả chi bộ đảng đã yêu cầu như vậy. Làm như vậy dằn lòng hơn, hợp pháp hơn. Tuy nhiên, muốn làm bất kỳ cách nào cũng đều phải phục tùng pháp luật — như Hiến pháp năm 1992, điều 4, câu cuối có viết : “ Mọi tổ chức của Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật ”.

Không phải ngẫu nhiên, một tờ báo của Việt kiều ở Paris đã đưa ra một nhận xét có giá trị, hoàn toàn phù hợp với ý của tôi (tôi muốn đồng thời làm một thử nghiệm — test), báo đó viết : “ Thái độ của chính quyền đối với thư ngỏ năm 1993 này (của công dân Hoàng Minh Chính) sẽ là thước đo thực tâm xây dựng một nhà nước pháp quyền ” [chú thích của toà soạn : tác giả trích báo *Diễn Đàn* số 23, tháng 10.93, trang 27].

Nhất trí với ý kiến sâu sắc đó của tờ báo, tôi kiên tâm chờ đợi kết quả cuộc thử nghiệm. Đồng thời tôi vẫn giữ đầy đủ quyền hợp pháp của bên nguyên đơn. Tuy nhiên, tôi không phải là người cố chấp, tôi sẵn sàng thương thảo, nhưng không chấp nhận bất kỳ sự áp đặt bạo lực nào.

– Vừa mới rồi xảy ra một vụ Công an kiểm chuyện, đe nẹt tôi. Xin vắn gọn như sau :

Mọi người đều biết rằng, trong nghiên cứu khoa học, việc làm photocopy tư liệu và trao đổi với nhau là điều cần thiết sống còn của tất cả những người làm công tác khoa học. Lâu nay tôi vẫn photo ở cửa hàng 157A Bà Triệu, giá rẻ. CA mật thường xuyên theo dõi tôi đều biết rõ. Bỗng nhiên, chiều 26.11.1993, có tới năm người CA phường Lê Đại Hành tới nhà hàng 157A Bà Triệu đòi kiểm tra văn hoá các tư liệu tôi vừa photo xong. Tôi đồng ý cho họ kiểm tra trước mặt cả chục người dân phố. Tôi ôn tồn giải thích cho họ rằng đó là các bản nghiên cứu khoa học, các bài báo và văn nghệ hợp pháp, như của giáo sư Phan Đình Diệu, bác sĩ Nguyễn Khắc

Viện là những nhà khoa học nổi tiếng quốc tế, hoặc của nhà văn Bùi Minh Quốc, phó tiến sĩ sinh học Hà Sĩ Phu [bút hiệu của ông Nguyễn Xuân Tụ, chủ tịch của toà soạn]... Nghe tới tên ông Hà Sĩ Phu, một CA viên nổi nóng : “ *Thằng Hà Sĩ Phu, khoa học cái gì ? Cả Lũ Phương nữa !* ” Tôi bình tâm giải thích họ rằng các tài liệu đều thuộc bình diện khoa học. Một CA viên nói : đưa về đồn xét, đồn cũng nghiên cứu khoa học. Tôi nói : “ *Nghiên cứu khoa học là thuộc các viện khoa học, còn đồn công an là làm trật tự an ninh chứ* ”. Người CA kia chỉ tay vào mặt tôi : “ *Mày câm mẹ cái mồm mày đi !* ”. Tôi liền phân bua : “ *Bà con dân phố làm chúng giúp tôi, người CA này chỉ bằng tuổi con tôi lại chửi tôi “ Mày câm mẹ cái mồm mày đi ! ”* ». Hắn liền chối phắt : “ *Tôi có nói như thế đâu !* ”. Tôi phân bua tiếp : “ *Bà con thấy đấy, anh ta vừa mới buông mồm lăng nhục tôi, rồi lại chối phắt liền, chẳng còn nhân phẩm gì cả* ”. Họ buộc tôi về đồn.

Tại đồn CA, tôi bảo với họ rằng : Các anh hành động rất sai trái, kiểm chuyện tôi, thoá mạ tôi, bà con khu phố sẽ chê cười các anh. Biên bản viết thật rõ ràng vào để tôi còn photo làm nhiều bản đưa cho các bạn hữu, các nhà cách mạng lão thành xem biết. Các anh tưởng ngày nay bắt người dễ dàng à ?

Người viết biên bản nói : “ *Cháu có thoá mạ cụ đâu. Đó là người khác đấy chứ. Cụ xem đấy, cháu rất lễ độ với cụ. Chúng cháu phải chấp hành lệnh của cấp trên* ”. Viết xong, anh ta đưa cho thủ trưởng ký. Lúc đó tôi mới rõ rằng người lăng nhục tôi và thoá mạ ông Hà Sĩ Phu lại chính là Đồn trưởng Đồn CA phường Lê Đại Hành tên là Nguyễn Văn Giản. Cho tới nay các tư liệu của tôi họ vẫn giữ chưa trả lại cho tôi.

Việc làm như trên của đồn CA này không phải là ngẫu nhiên. Như họ nói, họ thực hiện “ theo lệnh cấp trên ”.

Hiến pháp năm 1992, điều 60, viết : “ Công dân có quyền nghiên cứu khoa học ”, điều 69 viết : “ Công dân có quyền tự do ngôn luận... có quyền được thông tin ”, điều 71 viết : “ Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể... Nghiêm cấm mọi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân ”.

Những hành vi như trên của đồn CA có coi luật pháp nhà nước ra gì không ?

Trước tình hình đó, tôi lo ngại rằng việc nghiên cứu khoa học của tôi sẽ bị ngăn trở, đời sống tinh thần tôi sẽ bị gây nhiều loạn và an ninh thân thể tôi cũng bị đe dọa.

Đáng buồn thay ! Suốt đời vì nước vì dân, vì tự do dân chủ đích thực, vì công bằng tiến bộ xã hội — mà lại được các cơ quan nhà nước đối xử nghiệt ngã làm sao !!

Thưa Quý Vị đại biểu Quốc hội,

Tôi hi vọng rằng, các Quý Vị sẽ vui lòng “ *thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân thủ theo Hiến pháp, luật pháp* ” (như điều 84, Hiến pháp năm 1992 viết) — thật công minh chính đại, công khai *Vụ án Xét lại – Chống Đảng* như đơn khiếu tố ngày 27.8.1993 và đơn này của tôi. Xin cảm ơn.

Kính,

Công dân Hoàng Minh Chính
(nơi ở : 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội)

Lê Thị Ngọc Thuý

Không để

Ông cầu nghìn kinh Phật
“ sắc ” vẫn nặng hơn “ không ”

Bà lặn nghìn chuỗi hạt
nước mắt vẫn lưng trông

Cha thuộc nghìn pho sách
than : đâu còn rộng không
Mẹ gieo nghìn đấu thóc
tháng ba này : ăn đông

Câu thơ buồn con viết
mơ chi nhẹ nổi lòng

4.1993
Văn Nghệ 23.10.1993

Diễm Châu

Nỗi nhớ

Nỗi nhớ như hạt thóc
Rơi từ bông lúa
rơi xuống sân phơi
còn ấm nắng những mùa ngâm sữa
lúa con gái
lúa nghiêng ngả đồng đồng
đất và nước toả hơi sương buổi sáng
vải thô thơm mùi mồ hôi
cánh tay âu yếm cũng là lưỡi hái
hạt thóc như nỗi nhớ
rơi từ con tim
rơi xuống đêm sâu
cuốn theo chuỗi tiếng cười rục rĩ
hạt thóc như nỗi nhớ
chưa biết khóc

(trong tập Thơ Diễm Châu, Trình bày 1993)

Hoàng Hưng

Mưa đêm

Lâu quá mới có một đêm mưa không đầu rơi vào
đầu vào cổ
Nhớ những đêm lang thang chợ Bắc Qua ga Hàng Cỏ
Một trăm bạc rượu tới Thiên đường
Lần đầu lén lút bán tem gạo mua cái sấu giữa phố
Tuổi ba mươi như con trẻ
Mất tâm vì cô diêm ế.
Kiếp tha hương nửa đời vật lộn
Sống chỉ còn như một thói quen
Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc

Trần Mạnh Hảo

Ru con

Ngủ đi cái kẹo tơ non
Vì con trái đất lon ton giữa trời
Từ hư vô cất lên lời
Đừng làm vua chúa, làm người nghe con
Ngủ ngoan biển cạn non mòn
Xin mơ trời cũng tí hơn như mình
Con làm đời bố sơ sinh
À ơi cái ác đang rình thiện cắn
Ngủ đi cái búp muôn măn
Đừng nghe lời dạy thù hằn con ơi
Sầu đo, đo suốt một đời
Để gì đo hết chiều dài cái tắm
Muốn đi con phải học nằm
Ở trong nhân loại ruột tằm đau tơ
Con đừng đánh mất tuổi thơ
Để nghe mây trắng ru bờ cỏ lau

Ngày 17.10.1991
Văn Nghệ số 5-6.1994

Huy Cận

Áo thời gian

Đêm cuối năm rồi gà gáy giục
Ơi mặt trời đưa xuân mọc lên
Thời gian nghe nổ nhanh từng phút
Nhu phố hoàng hôn bật ánh đèn.
Mãi sống quanh năm với tháng năm
Nhu quen áo mặc, chiếu giường nằm
Ngỡ năm tháng cũng là da thịt
Rượu tắm thời gian mãi sủi tăm.
Mai đây trần trụi đi về đất
Năm tháng như là chiếc áo phơi
Quên ở ngoài vườn ao lặn lẽ
Có hoa đâm bứt cúi mình soi.

Văn Nghệ số 5 - 6.1994

Gửi Thanh Thảo

Cho ta thêm một ly đen
Rủ rê ta những giọt mưa đêm
Nhưng xe máy lang thang thì thua xe đạp
Ta năm mươi rồi đầu thế cùng em...
Dạo ấy ba mươi ta là thi sĩ
Bây giờ thèm khát một câu thơ
Khi đời sống làm mình hoá đá
Bỗng rùng mình vì một hạt mưa.

SG, đêm 6.6.1993
Văn Nghệ số 5-6.1994



Sống tự do và tự do sáng tác

trần đạo



Xưa Lý Bạch ngất ngưỡng vào hậu cung uống rượu, ngâm thơ với Thiên tử và Quý phi. Cách đây không lâu, bộ trưởng bộ nội vụ Pháp đòi bắt J.P. Sartre, tổng thống De Gaulle chỉ nhếch mép : “ Ai lại bắt Voltaire ” (*On n'arrête pas Voltaire*). Giáo chủ Khomeiny kết án tử hình Salman Rushdie, nhiều nước liền bảo vệ Rushdie. Đủ thấy nghệ sĩ, nhà văn được kính nể tới mức nào. Có lẽ chỉ có nhà khoa học mới được quý trọng như thế.

Thiên hạ kính trọng nghệ sĩ lớn, nhà khoa học lỗi lạc, dĩ nhiên vì họ có tài. Nhưng, cơ bản hơn, có lẽ vì họ là người tự do, phóng khoáng, dám phụng sự sự thật. Phải tự do trong tư tưởng, nhà khoa học mới có khả năng vượt những kiến thức vững chắc sẵn có, những thành kiến của thời đại mình, mở rộng chân trời hiểu biết của nhân loại. Phải tự do trong tư tưởng, nghệ sĩ mới có khả năng vươn mình ra khỏi khuôn sáo, sáng tác nghệ thuật. Cả hai sẵn sàng trả giá cho quyền tự do sáng tạo. Người thường, dù không hiểu, không thưởng thức được tác phẩm của họ, vẫn kính trọng họ vì vậy. Và sẵn sàng thông cảm một vài tật cố hữu của họ.

Xưa, nhà bác học nổi tiếng dăng trí, quên đầu quên đuôi, hầu như không đếm xỉa tới người sống quanh mình. Ít ai trách, ít ai khó chịu. Sự dăng trí ấy không có tính khinh người. Xưa nay, nhà khoa học lỗi lạc thường có một đức tính: khiêm tốn.

Xưa và nay, nghệ sĩ lớn (hoặc đầy hứa hẹn) thường nổi tiếng ngạo mạn, phớt đời, thậm chí khinh người. Sống tự do, bất cần đời, là một nếp sống quen thuộc của một số nghệ sĩ.

Cùng một tinh thần tự do, phóng khoáng, cùng một năng lực sáng tạo, cùng một sự dũng cảm sống không nhân nhượng cho niềm tin của mình, sao có thể dẫn tới những phong cách trái ngược như vậy ? Dĩ nhiên, có thể vì cá tính. Nhưng tính phổ cập của những đặc điểm kia có lý do. Lý do ấy ở ngay trong nội dung sáng tác.

Nhà khoa học sáng tạo **kiến thức** về tự nhiên. Kiến thức ấy đúng hay sai không tùy thuộc chủ quan của con người, có thể khẳng định được qua thực nghiệm. Vì thế, xưa nay người ta vẫn nghĩ làm khoa học là đi **tìm** sự thật. Sự thật của nhà khoa học có thể tìm được vì nó có thực, ngoài trí tưởng tượng của họ, của ta, của mọi người. Nhà khoa học không cần sự ưng thuận của người khác để khẳng định giá trị của những phát minh của mình. Bạn tri kỷ không phải là một giá trị cần thiết đối với khoa học. Đối với người làm khoa học, chứng minh được một giả thuyết nào đó sai, quan trọng và có giá trị không thua tìm ra một quy luật đúng. Người làm khoa

học khiêm tốn không vì nghi ngờ kiến thức mình tạo ra. Chỉ vì khả năng hiểu biết càng vô tận, cuộc đời càng ngắn ngủi. Nhưng nhà khoa học đã tìm ra được một sự thật thì sự thật ấy mãi mãi sống với nhân loại. Ngày nay trẻ con khắp thế giới vẫn học định lý của Pythagore...

Khác hẳn nhà khoa học, người nghệ sĩ không bao giờ sáng tác được một sự thật có thể chứng minh. Do đó, nghệ sĩ thường bất mãn với tác phẩm của mình, không thấy cái nào nói được hết sự thật của mình. Để hiểu, sự thật đó không có cơ sở tự nhiên, càng không tùy thuộc “ thiên tài ” của nghệ sĩ. Nghệ sĩ sáng tác những giá trị nghệ thuật, những giá trị thuần nhân tính. Những giá trị ấy **chỉ trở thành giá trị xuyên qua người khác**. Tác phẩm trở thành tác phẩm khi có người (ngoài tác giả) thấy nó đáng gọi là tác phẩm. Tốt nhất, được cả nhân loại cảm kích. Không thì một dân tộc, hay một nhóm người, cũng được. Tối thiểu, phải có người thứ hai. Nghệ sĩ thường ước mơ người tri kỷ vì vậy. Tính chất văn hoá, tính chất chính trị của nghệ thuật, cơ bản ở đó. Nghệ sĩ “ **lệ thuộc** ” người khác tận xương, tận tủy, ngay trong cốt lõi của nghệ thuật. Nhưng chính sự “ **lệ thuộc** ” ấy là sức mạnh phi thường của nghệ thuật. Cho tới gần đây, uy tín, ảnh hưởng trực tiếp vào nhân loại của một nhà bác học không thấm thía gì so với một đại văn hào. Hoàn cảnh vinh quang khủng khiếp này có thể là cơ sở của sự ngạo mạn, tính phớt đời, bất cần người, của một số nghệ sĩ lớn, hoặc sẽ lớn. Đó là một phản ứng tự vệ dễ hiểu. Nghệ sĩ, đặc biệt người có tài, có năng khiếu sáng tạo, cần tuyệt đối tin mình, cần phớt đời, mới sáng tác được những giá trị mới trong nghệ thuật, ít khả năng được cảm nhận ngay như giá trị. Nhưng chỉ có đời, chỉ có người mới biến được niềm tin nghệ thuật kia thành giá trị thực thụ. Không có gì quyết liệt hơn niềm tin nghệ thuật, vì chẳng có gì mong manh hơn. “ **Bất tri tam bách dư niên hậu** ”...

Sự ngạo mạn, tính phớt đời, thậm chí khinh người của nhà văn, là một hiện tượng tương đối mới. Trong văn học nước ta, trước thế kỷ 20, không mấy nhà văn có đức tính ấy. Nổi bật, có Hồ Xuân Hương. Sau phải tính tới Cao Bá Quát. Một người vợ lẽ, một nhà thơ theo nông dân làm loạn, hai kẻ thuộc thành phần “ **bất lực** ” của xã hội phong kiến. Trong thế kỷ 20, hiện tượng này bắt đầu phát triển. Ngày nay, ngoài giới bồi bút, nó đã phổ biến ? Hiện tượng này không ngẫu nhiên, trong tính lịch sử của nó. Con người là một tổng thể, một cá nhân trước một thời đại. Cách ứng xử của nhà văn không hoàn toàn độc lập với quan điểm nghệ thuật của nó. Thái độ ấy thể hiện gì, trong hoàn cảnh nào ?

Nước ta không có truyền thống lý luận văn học, không sản sinh trường phái văn chương có lý luận một cách hệ thống. Tìm hiểu vấn đề này trong văn học Pháp có lẽ dễ hơn. Điều nổi bật, hiện tượng này ở Pháp ... cũng mới.

Vì tự do sáng tác là quyền bất khả xâm phạm của con người, vì sáng tạo là nội dung cơ bản của nghệ thuật, có nhà lý luận văn học bảo vệ tinh thần và quyền vô trách nhiệm của nghệ sĩ. Chúng ta còn nhớ, Serge Gainsbourg cuốn một tờ giấy 500 F để châm thuốc lá, ngay trên đài truyền hình, chẳng coi pháp luật của nhà nước ra gì cả. Một thái độ như thế, ngày nay, đã thường tình. Trong lịch sử văn học Pháp, thái độ văn học này hình thành trong thế kỷ 19, trong một nhánh của trào lưu văn chương và nghệ thuật lãng mạn. Nó mạnh mẽ trong tác phẩm trữ tình của Chateaubriand, Lamartine, Bernadin de Saint-Pierre, Alfred de Musset... Nó

kết tinh qua những phái văn học chủ trương “ nghệ thuật vì nghệ thuật ” như nhóm thơ Parnassien. Nó sản sinh ra vài nhà thơ lớn như Beaudelaire, Rimbaud. Nó trùng hợp với một giai đoạn phát triển của nền văn minh tư bản, lúc sự bành trướng của khoa học, kỹ thuật, kinh tế, áp đảo tiếng nói của văn học, nghệ thuật, tiếng nói văn hoá của con người. Nó là tiếng nói của những nhà văn rút lui ra ngoài vòng đấu tranh trong xã hội, tự nhốt mình trong tháp ngà của nghệ thuật để sáng tác, tìm lối thoát cá nhân, riêng lẻ. Điều ấy không có nghĩa là sáng tác của họ không có giá trị nhân bản. Bất cứ tác phẩm nghệ thuật đích thực nào cũng khơi một khía cạnh của con người và, do đó, có ảnh hưởng vào xã hội, có tác dụng chính trị, dù gián tiếp. Tiếng nói của các nhà văn kia, tối thiểu cũng thể hiện thái độ phản kháng của con người đối với một khía cạnh phi nhân của một thời đại. Trong thế kỷ 20, khuynh hướng tư tưởng này khai sinh ra trường phái siêu thực. Trường phái này mau chóng ngắc ngoải, tan rã, do một mâu thuẫn nan giải : nó vừa chủ trương tự do tuyệt đối trong sáng tác để mở đường cho con người cảm nhận những sự thật siêu thực, vừa chủ trương trách nhiệm thiết thực với đời, với phong trào cách mạng của quần chúng thời ấy.

Nhìn cả thế kỷ 19 và đặc biệt thế kỷ 20 ở Pháp, đây không phải khuynh hướng tư tưởng trọng tâm của thời đại. So với hai lò sát sinh vĩ đại (hai thế chiến), và cuộc vùng dậy của thuộc địa, những tháp ngà tư tưởng và nghệ thuật không mấy hấp dẫn. Đặc điểm lớn nhất, về mặt này, ở Pháp, của thế kỷ 20 là : hầu hết trí thức, văn nghệ sĩ có bản lĩnh đều đã dám lấy trách nhiệm với đời, dám dấn thân trong những cuộc đấu tranh của nhân loại, dám cầm cui, lăn mò, dám thực hiện điều mà Sartre gọi là “ nghề làm người ” (*faire son métier d'homme*). Chỉ khoảng 20 năm nay, sự thối nát từ ruột ra mặt của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực mới làm tan nát cái trào lưu văn học ấy, khiến trí thức, văn nghệ sĩ lùi về tháp ngà cô đơn và bất lực xưa, khiến diễn đàn văn học ngày càng tẻ nhạt, hoặc rỗng tuếch khi mang tính đại chúng, hoặc bí hiểm khi đóng cũi trong những xóm làng văn chương, đến mức trí thức Mỹ, có người than rằng ngày nay, trong văn học Pháp không còn nhà tư tưởng, nhà văn có tâm cỡ. Tuy ngày nay, ở Pháp, không thiếu cũi nghệ thuật. Nhưng, ngày nay, ở những xứ như Pháp, khuynh hướng ấy không thể hiện sự phản kháng của nhà văn và nghệ sĩ đòi hỏi tự do sáng tác như xưa. Điều đó, họ có thừa. Nó thể hiện sự vô mộng, thất vọng, cô đơn, bất lực. Một cách tìm lối thoát thân một mình. Vô vọng. Nhưng còn hơn xa các ngài cúp đuôi chạy theo chiều gió thổi. Ngay trong khuynh hướng ấy, một tài năng đích thực cũng mở cho ta một cánh cửa sổ vào một khía cạnh của nhân cách.

Như ta thấy, sự ngạo mạn, ý thức vô trách nhiệm của nhà văn có ý nghĩa khác nhau, tùy hoàn cảnh lịch sử. Ở ta đặc điểm lớn nhất của hoàn cảnh ấy là chưa bao giờ nhà văn Việt Nam được tự do sáng tác. Trong hoàn cảnh ấy, thái độ ngạo mạn, tinh thần vô trách nhiệm, vừa thể hiện sự tự trọng của con người (đối với cá nhân mình, không nhất thiết đối với người khác, giới hạn ở đó), vừa thể hiện sự bế tắc tư tưởng. Nó thể hiện con người xé lẻ, cô đơn, bất lực. Khi con người chấp nhận sự cô lập và sự bất lực, tính ngạo mạn và vô trách nhiệm trở thành một hình thái bảo vệ cá tính, nhân cách của mình. Nó có giá trị ở đó, nó giới hạn ở đó. Nó lẫn lộn hai giá trị nhân bản khác nhau : tự do sáng tác, một quyền cơ bản của con người, và sống tự do trong lòng một cộng đồng người tự do, một quyền cơ bản khác, khó thực hiện hơn, vì nó đòi

hỏi biết tôn trọng, bảo vệ tự do và nhân cách của người khác, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm. Giá trị thứ nhất thuộc lãnh vực nghệ thuật. Giá trị thứ hai thuộc lãnh vực văn hoá, và do đó, luôn luôn trực tiếp có ý nghĩa chính trị. Không phải tình cờ mà những nhà văn bảo vệ giá trị ấy hay thăm tù. Hai giá trị ấy thống nhất và mâu thuẫn ở chỗ nào, vì sao, đáng là đề tài cho các nhà lý luận văn học suy ngẫm. Bối cảnh hơn những vụ đâm dĩa, xô xiên vật trong làng văn. Ít nhất, hai bộ mặt ấy của tự do thống nhất ở điểm này : muốn làm nhà văn, phải chấp nhận sống với đồng loại trong lãnh vực sâu sắc, thầm kín, cơ bản nhất, vừa cá nhân vừa cộng đồng, của con người, lãnh vực ngôn ngữ. Nó có giá trị nhân bản, có ý nghĩa chính trị, ở đó. Vì nó thầm kín, có thể nguy trang được. Vì nó nhân bản, không thể nguy trang được một cách tuyệt đối. Ngu mấy đi nữa, các quan văn ở ta cũng biết nhận diện đối thủ của họ. Nhưng hai bộ mặt ấy của tự do cũng mâu thuẫn. Tự do sáng tác là nửa ảo của tự do, là tự do trừu tượng, rất dễ biến thành huyền thoại. Có biết bao thiên tài đã âm thầm mai một ! Biểu hiện khách quan của tự do là hành động, là quyền, cùng với người khác, quyết định tương lai, kể cả tương lai nghệ thuật, của chính mình, của đồng loại. Quyền và bổn phận thực thụ chia sẻ với đồng loại quả đất này, đất nước này, cuộc đời này, ngôn ngữ này, thân phận hôm nay. Cái quyền ấy, dĩ nhiên cũng phải trả giá. Không ai bắt nhà văn trả giá cho cả hai, nhất là chính quyền. Nhà văn có thể có khả năng viết một thuyết trình dài dằng dặc về tự do, nhưng không có nhu cầu trả giá cho tự do đích thực trong cuộc sống. Muốn sống tự do một cách toàn diện, phải trả giá toàn diện, không những trong trừu tượng của tư duy, của nghệ thuật, mà còn phải trả giá quan hệ hàng ngày với người đời. Vì tự do là tự do đối với, và cùng với, người khác. Trên hoang đảo của Robinson, chỉ có một con vật lang thang giữa cỏ cây và thú vật, không có con người tự do, không có nghệ thuật. Trong tháp ngà của nhà văn, có một giấc mộng không có gì, vì chưa có ai, đảm bảo sẽ có ngày hiện thực. Mong manh biết mấy, sự nghiệp văn chương ! Mong manh biết mấy, niềm tin nghệ thuật !

Một đặc điểm của chế độ quản lý văn học ở nước ta, chính là xé lẻ, chia rẽ, cô lập con người, biến nó thành một loại thú cô đơn, bất lực, khinh nhau, nghi nhau, rình mò nhau, hại nhau trong bóng tối. Chỉ thế mới mong diệt được văn hoá, nghệ thuật, chính trị. Chế độ ấy, khi nó không còn sức ngăn cấm tự do sáng tác, không mong muốn gì hơn là nhà văn tự biến thành tháp ngà, hoặc tự lại thành bộ lạc nhỏ nhỏ. Trong hoàn cảnh ấy, sự dũng cảm tự do sáng tác, dĩ nhiên đáng quý, đáng trọng, đáng được bảo vệ. Nhưng có lẽ cấp bách, quan trọng hơn, là sự dũng cảm sống tự do vì một cộng đồng người tự do, sống đầy đủ tư cách của con người trong lòng xã hội, của công dân, ngay trong lãnh vực nghệ thuật. Chính điều ấy sẽ mở đường cho những giá trị mới lạ của nghệ thuật, khi có, đi vào cuộc sống, biến thành văn hoá, thành giá trị phổ biến, thành người đời. Không phải tình cờ mà trong văn học của nhân loại, đại bộ phận những nhà văn được yêu mến, quý trọng và, quan trọng hơn cả, được đọc rộng khắp và lâu đời, chính là những nhà văn vừa biết sống tự do, vừa biết sáng tạo. Ở họ, sống với người đời và sáng tác nghệ thuật là một. Nghệ thuật của họ tô điểm hành động, cuộc sống của họ đến mức, có khi, cuộc sống ấy biến thành nghệ thuật, nghệ thuật làm người, trong lòng nhân loại, với đầy đủ cá tính và nhân tính của con người.

Trần Đạo

Cố Điện*

Hoàng Xuân Hân

Trong lúc ấy, nhiều nhóm nhân dân ta tự động, sắm khí giới, mộ binh lính để chống lại binh lực Pháp : nhóm Tấn Thuật ở Bãi Sậy, nhóm Đình Công-Tráng ở Ba-dình và nhóm Cao Thắng ở Hương-sơn. Pháp đem đại quân dẹp vị trí Ba-dình, vì ở đây có tổ chức mạnh mẽ và đã đánh bại nhiều lần càn quét. Theo liêmphỏng nhà binh Pháp, thì hình như nhân vật can trọng thứ hai chống Pháp, đề đốc Trần Xuân-Soạn, đã dựa vào tổ chức Ba-dình, và sau khi thất bại, chạy lên theo Tôn-thất Thuyết. Cũng theo nguồn ấy, Thuyết có về Ba-dình vào tháng giêng 1887 (xem B.A.V.H. số 41 trang 289). Sự chắc chắn là Thuyết và Soạn lưu lạc ở Trung-quốc, và, vào tháng 11 năm 1889, tới Quảng-châu xin tị nạn ở vùng này. Về phần mặt lộ của Tôn-thất Thuyết, tôi sẽ có dịp kể dài hơn. Từ tháng 3 năm 1887, Phan Đình-Phùng đã lánh ra Bắc, làm thầy đồ Nghệ dạy học tại nhà chánh tổng Nhung ở Mai-lĩnh thuộc phủ Hoài-an (theo Đình Xuân-Lâm, sách *Danh nhân Nghệ Tĩnh*, trang 102), lại càng thất vọng với ảo vọng ngoại viện. Nhưng trên núi Hương-sơn, một thụcinh trẻ, thân thuộc của họ Phan, tên Cao Thắng đã lấy được súng tây, bắt những thợ rèn hai xã Minh-lương và Vân-chàng theo mẫu mà rèn súng naphậu. Đến khi đã gây dựng được một binh đội mới khá đông, Cao Thắng sai người ra Bắc mời Phan Đình-Phùng về Hà-tĩnh chủ trương chống địch. Chánh tổng Nhung cũng theo đi, và về sau tử trận (chúng vào tháng 8 năm 1889). Bấy giờ vua Hàm-nghi đã bị bắt và đầy rồi, hiệu triệu cần vương mà không còn vua. Các nhóm kháng địch chung quanh, ở Quảng-bình, Nghệ-an, Thanh-hoá đều đã tan rã. Thế mà Phan Đình-Phùng không chán nản, hoặc đành chịu lánh ẩn ở Bắc, hoặc tìm trốn sang Thanh ; ông không từ chối lời mời của Cao Thắng. Vào tháng 9 năm ấy (1889) ông trở về huyện Hương-sơn (theo tài liệu trên, trang 103). Nghe tin ông về chống Pháp, nhiều trí thức hưởng ứng. Các thủ lĩnh nghĩa đảng được chia quân và đóng đồn tại các địa điểm Pháp chưa quản trị trong bốn tỉnh, từ Quảng-bình trở ra, nhất là tại xứ Nghệ-Tĩnh. Nghĩa quân không những kiểm soát đường quân “bảo hộ” di chuyển, mà còn đánh bại những đợt tấn công vào các đồn ; nhất là vào đại đồn trung ương ở Ngàn Trươi, trong thung lũng Ngàn Sâu. Nhưng Pháp đổi chiến lược, khủng bố dân chúng để nghĩa quân phải tuyệt lương. Phan Đình-Phùng quyết định đánh một trận lớn giải vây ; sai Cao Thắng đem hơn nghìn quân qua huyện Thanh-chương để xuống đánh đồn Pháp ở thành Vinh. Nhưng trong đêm một hôm tháng 9 năm 1893, Cao Thắng bị trọng thương trong khi xung kích đồn Nu, rồi chết. Từ đó, phong trào nghĩa quân suy vi. Chủ tướng lại mang bệnh. Hạng quan “triều bảo hộ” lại hèn hạ, đem những luật hình dã man ra thi thố để ép kẻ trung trinh ra hàng : nào bắt gian nhân (em ruột là Phan Đình-

Thông bị giam chết, mộ thân phụ là Phan Đình-Tuyển bị đào lên). Không hiệu quả, chúng lại đưa đại quân Pháp vào đánh đồn Vũ-quang, tức Ngàn Trươi. Theo tư vấn quan tỉnh Hà-tĩnh, thì Phan Đình-Phùng bị thương, rồi mất ngày 13 tháng chạp năm Ất-Vi, tức DL 28.12.1985 (theo tài liệu trên trang 111). Giaphả cũng chép ngày mất ấy, nhưng chỉ viết rằng “không may bị bệnh trong núi, thuốc thang không khỏi, bèn mất ngày...” . Nhưng ta phải biết rằng giaphả này chép liền sau phong trào thất bại. Lời rất dè dặt đối với Pháp và người do thám cho Pháp ; cho nên không hề nói đến sự nghiệp kháng địch rõ ràng của cụ Đình. Lời chép ấy như sau :

“ Năm Ất-Dậu (1885), vua Hàm-nghi chạy ra trú tại Sơn-phòng Hà-tĩnh, xuống chỉ triệu ông tới Hành-tại báiyết và uỷ cho chức đồng uỷ nghĩa quân Nghệ-Tĩnh. Ông vâng mệnh, không dám chối ; hăng lên dấy nghĩa, lấy người Pháp làm kẻ thù. Ông vào núi tránh, để lo tính việc nước. Không may...(xem trên)

“ Trước khi mất, ông biết sự không thành được, dặn vợ con, và các kẻ tuỳ hành hãy ra núi trình diện để bảo toàn tính mệnh. Vợ là bà Ngôéch Rừng, con thứ là Đình-Cam, các cháu diệt là Đình-Phượng (con Đình-Tuân) và Đình-Nghinh (con Đình-Thuật) đều bỏ núi về. Thầntiết thuỷ chung của ông, tại Nam-kì và Bắc-kì đều nổi tiếng. Người Pháp cũng khen ông là người đứng đầu hàng “luân nhân” (rebelle). Vợ sinh một trai là Bá-Ngọc (hay Đình-Hiệu), thiếp người Huế, bà Ngôéch Rừng, sinh một trai là Đình-Cam và hai gái.”

Cô gái út kết hôn với tú tài Hoàng Xuân-Trích là đườnghuynh (anh con bác) kígĩa ; năm 1921 làm thulại tỉnh thành Thanh-hoá. Anh cô là Bá-Ngọc (lại có tên Đình-Cử theo *Tự điển Nhân-vật lịch-sử Việt Nam* tác giả Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá-Thế, trang 778) vốn theo phong trào Đôngdu, rồi bị Pháp quyếndụ về nước cộng sự với sở chính trị toàn quyền, cùng Nguyễn Bá-Trác. Năm 1921, y được phái sang Trung-quốc do thám tình hình Đôngdu. Lúc qua Thanh-hoá, y lại thăm chị. Tôi trọ nhà chị ấy, được mục kích trò chuyện giữa y và vài người bạn đồng hành và có lẽ cũng đồng điệu. Chính vào năm 1921, y bị đồng chí ở Hàng-châu nghi kị và sai Lê Văn-Phan (theo *Tự điển trên*) bắn chết ở Hán-khẩu, trong một hoaviên, nhân đêm giao thừa pháo nổ ran. Hai mươi năm sau, tôi thường nói chuyện này với Dương Bá-Trạc, anh giáo sư Dương Quảng-Hàm, mà cũng là chính trị phạm đã từng bị biệt xứ hồi phong trào Đôngkinh Nghĩa thực. Ông có giải thích sự giết “lâm” này. Bá-Ngọc, theo lời ông, đã từng thông mưu với một số bạn Đôngdu, cho phép chụp một bức hình chung, rồi giao cho sở chính trị Pháp để lấy một món tiền to cho phong trào. Nhưng sau khi đã chụp ảnh, nhóm Hàng-châu nghi và sợ, cho nên đã sai giết Bá-Ngọc cho mất tang. Tôi không rõ thực hay hư, và sự ấy ra sao ? Dương Bá-Trạc tự-đoán hay bắt tin từ ai ?

Giữa năm 1895, người Pháp sai kẻ hợp tác trung thành và công hiệu nhất ở Trung-kì, là Nguyễn Thân, tới tiểu phủ phong trào Nghệ-Tĩnh. Chính y đã thi hành chính sách tuyệt lương, đàn áp gia đình, đào mộ tổ tiên, rồi cuối cùng, khi được tin chủ tướng đã mất, y lại sai đào mộ Phan Đình-Phùng mới lấp, và đòi làng, họ nhận xác. Y sai đốt xác, lấy tro trộn thuốc súng mà bắn xuống sông cho mất tích. Lại sai dựng bia kể công mình ; và làm tội ác cuối cùng : dẫn những yếu nhân ra thú về Kinh để xét, mà khi đến Quảng-trị, lại theo nhà binh

* Tiếp theo *Diễn Đàn* số 27 (1.2.1994) và 28 (1.3.1994)

Pháp chỉ bảo, làm quyền khâm mạng “tiền trăm hậu tấu”, sai chém trước đi, kéo sợ bộ thần có kẻ bên nghĩa đảng. Trong những kẻ chịu hình, có nhiều người thân thuộc các họ Phan. Sĩ phu Nghệ-Tĩnh đều thương xót. Khi được tin dữ, có tay hay chữ trong xứ làm câu đối điệu cụ Phan, lời rất dài (160

古高之松流起吹梅
今峯風彫砥故堪氣
天同鴻為柱園嘆節
地是之何星情天一
無大雪哉移及心死
窮丈冲潰物此不精
而夫寒決換時助神
流宇無頽何雁獨串
水宙奈波人散此斗
而藍栢中不風松牛

咸宜之水
帝庭元澤
碑年先生
河靜文紳
同院

越暗作水常之大成
江共深難重英義敗
山嗟山支可墨誓英
百年事况冷者靈與雄
文無當烟垂讀君莫
獻常日消顛書子此
翻可龍誰大每始孤
弓憐飛人厦念終忠
馬羅雲不一網硃此

Câu đối văn thân Hà-Tĩnh điệu Phan Đình-Phùng

Châu, Đặng Nguyên-Cẩn (cha Đặng Thai-Mai).

chữ), ý rất hay, văn rất kêu và thảm thiết. Ai biết chữ Hán cũng tìm phương chép lại hay học thuộc lòng. Vào khoảng năm 1918, tôi còn thấy cha tôi và nhiều bạn còn nhớ. Tôi đã so lại với các thoại thấy ngày nay, thì chỉ sai một vài chữ mà thôi. Tôi viết sau đây câu đối ấy bằng Hán văn (xem phụ trương) theo kiức. Còn các thoại dịch nôm, thì phần lớn kẻ dịch không hiểu hết ý, nhất là bởi ở xa làng quê cụ Đình, họ không biết những cảnh tiêu biểu đất vùng ấy. Ví như Châu Mặc không những có nghĩa là son và mực, tiêu biểu sự học hành, mà Châu-son và Mặc-son là hai quả núi của vùng này, khiến cụ Phan đã lấy hiệu là Châu-phong (nhỏ núi Son), và ngày nay, dân làng Đông-thái đã đổi tên cũ ra Châu-phong. Cũng lối ấy, Tùng Mai không những trở cây thông mọc nơi sỏi đá mà chịu rét, hoa mai trong trắng nở đầu xuân, mà núi Tùng-linh và vũng Mai-hồ là cảnh có danh của vùng này. Còn như La, Việt thì trở La-son hoặc La-giang, và Việt-yên hay Yên-Việt. Lại thêm lối văn xưa, tìm cách đối chữ cho “cân”, như “Đẩu Ngưu” là hai chòm sao Nam-đẩu và Khiên-ngưu (nghĩa đen là cái bát và con trâu), thì đối với Cung Mã, nghĩa đen là cái cung và con ngựa, mà thành-ngũ trở chiến tranh. Tôi sẽ dịch lại câu đối quan trọng ấy, nó đã làm rung động tâm hồn cả một thế hệ cụ Phan Điện:

“Anh hùng thành bại kể chi. Này cô trung, này đại nghĩa, thề cùng các quân tử thủy chung. Núi Son sáng, rú Mực thiêng; đọc sách, những nghĩ cương-thường nặng. Khá giận bấy! Rừng to sập đổ, một cột khôn nâng. Cung lạnh hương tàn. Ai chẳng với ngàn Sâu tức oán. Huống ngày ấy, rồng bay mây tối. Cùng than sự thế chẳng bền. Khá thương non Việt sông La, trăm năm vẫn hiến thành cung-mã.

“Xưa nay trời đất không bờ. Nọ thác chảy, nọ non cao, đành để đại trượng phu vùng vẫy. Gió sông Lam, sương rú Hồng; rét không chịu xuê, bách tùng khô. Bởi sao đây? Bờ lở sóng tràn, giữa dòng đá chống. Sao đời vật đổi. Ai không trông cảnh cũ ngâm ngùi. Gặp lúc này, nhận tận gió tung, chỉ tiếc lòng trời không giúp. Riêng để Mai trong Tùng cứng, quyết thác tinh thần chói Đẩu Ngưu.”

Tôi đã cố dùng một số tiếng cổ còn thường dùng ở Nghệ Tĩnh, để tỏ tính cách địa phương lúc ấy của phong trào Cần vương. Sĩ phu tại đây thương xót Phan Đình-Phùng bao nhiêu thì lại ghét một người đồng làng, đồng lứa, đang theo

đuổi công danh, giúp Pháp dẹp Cần vương ở Bắc. Ấy là Hoàng Cao-Khải.

Văn sĩ Nghệ-Tĩnh tin rằng tác giả câu đối ấy là cử nhân Nguyễn Thúc-Tự tức Cổ Sơn (Sơn-phòng-sứ), một đảng nhân, sau dạy học riêng: học trò nhiều khoagiáp, như Phan Bội-

Họ Hoàng cùng ở làng Đông-thái, và có quan hệ hôn nhân với họ Phan-Đình. Họ Hoàng không có người đậu đại khoa. Và sang đời vua Nguyễn, mới bắt đầu có người đậu cử nhân, tức là Hoàng Văn-Khải (khoa Mậu-Thìn, Tự-đức thứ 21, 1868), sau đổi ra Cao-Khải, bấy giờ mới 18 tuổi. Cha là Hoàng Chính, có quanche nhỏ lang trung, có lẽ vốn đậu tú tài. Khoa ấy, trường thi Nghệ-an lấy 22 cử nhân, mà huyện La-son chiếm 8, và riêng các làng Việt-yên, Yên-đồng, Đông-thái có 7. Ông đậu đồng khoa với Phan Đình-Thuật, anh ruột thứ hai cụ Phan; và là rể Phan Duy-Phong, bác thứ ba của cụ. Cô Diêu là vợ cả của Hoàng Cao-Khải, sinh hai trai, sau làm quan với chính phủ Bảo hộ đến chức tổng đốc. Ấy là Hoàng Mạnh-Trí và Hoàng Trọng-Phu. Các con đều cưới vợ thuộc các họ vùng quê này. Vợ cả Hoàng Trọng-Phu, tên Phú, con gái Phan Đình-Vận, đậu phó bảng, em út cụ Đình. Ý chừng, sau khi vợ có mang, Trọng-Phu mới ra Bắc theo cha, rồi vì chiến tranh, xuhướng chính trị, không trở về quê nữa; rồi cưới con gái viên đại lại Pháp, đốc phủ Đỗ Hữu-Phương. Bà vợ cả ở Hà-tĩnh không táigiá. Theo mẹ tôi, ở làng Đông-thái, người ta vẫn gọi bà ấy là “bà Thượng”, và người con gái của bà, sinh trong khi Trọng-Phu đi Pháp học, được đặt tên là “con em Tây”.

Sau khi đậu cử nhân rất trẻ, Hoàng Cao-Khải chắc muốn đậu đại khoa như nhiều ông cử trong tổng, trong làng. Nhưng vì lẽ giatu eo hẹp, thua bạc, ông ra làm quan sớm, nhận giáochức nhỏ: huấn đạo huyện Thọ-xương, giữa nơi văn vật là Hà-nội. Cũng nhờ vậy, mà các quan to biết tiếng, cho nên ông chóng được thăng giáothụ phủ Hoài-đức, cạnh Hà-nội; rồi được bổ sang chánh chức: tri huyện Thọ-xương. Ở đây, gângui những quan giữ trách nhiệm lớn, không những quản lý việc dân, mà còn đối phó với binh lính và gian thương Pháp. Trong phe chủ hòa với binh Pháp, có Nguyễn Hữu-Độ, được phái theo Trần Đình-Túc ra Hà-nội điều đình với quân nhân Pháp. Cuối năm 1882, Hữu-Độ thay Hoàng Diêu (tự tử khi Rivière lấy thành ngày 25.4.1882), làm tổng đốc Hà-Ninh, trực tiếp liên lạc với Pháp. Sau ngày 19.5.1883 Rivière tử trận, quân Pháp đánh đuổi các quan ta. Nguyễn Hữu-Độ tổng đốc, cũng như Hoàng Cao-Khải tri huyện Thọ-xương đều chạy lên đất huyện Từ-liêm. Chính phủ Pháp phái thêm quân tới Bắc-kì, và

đặt chức cao uỷ để uyhiếp hoàntoàn triềuđình Nguyễn và tổ chức quyền Bảo hộ. Caouy Harmand đưa hạm đội phá các đồn ở của Thuận-an, rồi nhân quân tại vua Tự-đức chưa chôn, mà ép triều đình phải bãi binh ở Bắc và bảo tất cả viên chức phải trở về lỵ sở mà làm việc cai trị theo chính quyền bảo hộ. Tuy phải kí điều ước trên, nhưng hai phục chính Tường và Thuyết vẫn không ban lệnh thi hành thực sự. Viên thống sứ đầu tiên tại Hà-nội, Raymond Bonnal, trong sách hồi kí **Au Tonkin** viết :

“ Những lệnh gửi từ Huế cho các quan Bắc-kì, bảo phải theo hoà ước 25.8 (Hoà ước Harmand), bãi binh và trở về lỵ sở, đều không hiệu quả. Hoặc bởi nghĩ ngờ người Pháp, hoặc bởi sợ quan trên trong bộ đã cấm ngăn, không một vị quan nào tìm cách ngoắc nối với chính quyền Pháp, để tỏ mình định theo chính thể mới ” .

Phủ Caouy biết Nguyễn Hữu-Độ rút về ở gần sông Đáy, và thuộc phái cầu hoà, có thể chiêu dụ được ; mới sai người (có lẽ thủ hạ giám mục Puginier) đưa thư của phủ Caouy gọi. Sau đây là lời ghi bởi Bonnal (tài liệu trên, trang 128) :

“ Viên Hà-Ninh tổng đốc làm gương hàng phục, không phải không có giấy mời trước, viết theo mệnh lệnh Caouy... Ngày 11.9.1883, y sai đưa bức thư này cho văn phòng Thống sứ :

“ Nguyễn Hữu-Độ, Hà-Ninh tổng đốc, trân trọng xin đáp nhận bức thư mà Ngài đã gửi đến, cho hay rằng quan Caouy Pháp mời tôi tới gặp để trang trải mọi việc với Caouy.

“ Nước Nam và nước Pháp đã trở lại thành thân thiện, tôi không ngần ngại nữa, tôi sẽ lập tức ứng đáp lời gọi, liền sau khi tôi soạn sửa xong.

“ Tôi xin tới trình diện với Caouy ngày rằm tháng này (15.8 ta tức là 15.9.1883) tại chỗ nào xin Ngài cho biết, và xin dẫn theo viên tri huyện Thọ-xương.

“ Tôi nhờ quan Giám đốc Văn phòng chuyển thư đáp này lên quan Caouy.

Tự-đức thứ 36, ngày 11 tháng 8 (11.9.1883) Ấn Hà-Ninh tổng đốc.

“ Nguyễn Hữu-Độ đến Hà-nội đúng ngày hẹn, trình diện với Caouy. Caouy sai người dẫn đến tôi, và bảo lập lại cho y chức nhiệm cũ. Nguyễn Hữu-Độ, coi chừng 50 tuổi, ra vẻ tiều tụy vì sống lang thang trong nhiều tháng. Diện mạo chính trực, chỉ xạm tội bởi bộ râu đen rậm, hiếm có cho người An-nam ; cách nhìn thẳng thắn, làm lợi trước để ta tin... ”

“ Có một thanh niên theo ông ta, mặt mũi thanh nhã, thông minh, mà ông giới thiệu với tôi là tri huyện Thọ-xương, ở trong lòng Hà-nội. Tên y là Hoàng Cao-Khải. Tôi tiếp hai viên này một cách khoan hồng, và gắng hứa tương lai vững chắc cho họ. Thấy tôi đối đãi nhã nhặn, cả hai đều cảm kích. Sau khi tôi hẹn sẽ lập lại cho cả hai quan chức và nghiệp cũ, thì họ cảm tạ với những lời lịch sự và thanh cao. Cho đến ngày Nguyễn Hữu-Độ mất, sáu năm sau (1888), nước Pháp không khi nào có kẻ phụng tá tincậy và tận lực như ông. Luôn luôn ông đã làm dễ dàng các công việc cho ta, vừa giữ lòng trung thành với vua (Đồng-khánh) và nước của ông.

“ Người thanh niên đi theo ông, Hoàng Cao-Khải, thì tính cương quyết, có nhiều tham vọng. Y cũng vậy, sẽ đem tận lực bình định Bắc-kì. Hoạn lộ rất cao là phần thưởng xứng đáng cho

các công huân của y đối với chính quyền của y và nhà nước bảo hộ Pháp. ”

Với quan điểm thực dân, sự thăm sát của viên Thống sứ đầu tiên đối với hai nhân vật hợp tác này là tinh tế. Nhưng sự thực là các viên này cố ý làm ngược với triều đình mình mặt bảo, tức là phản bội. Lúc đầu, Cao-Khải chỉ là một kẻ phụng tòng. Còn Nguyễn Hữu-Độ thì thích hành động, thích công danh. Nhân thấy về binh bị thì Pháp mạnh hơn ta nhiều, cho nên chủ hoà, và ghét hai phục chính Tường và Thuyết. Biết rằng người Pháp không thể dung Tường và Thuyết, Hữu-Độ theo Pháp, chắc mình sẽ thành một phò vương ở Bắc, quyền hơn những vị phục chính kia. Trong hơn 20 tháng, tại Hà-nội, Hữu-Độ được bổn quan chức, nhưng phải làm thoả ý các tổ chức văn võ Pháp, và phải ngậm bồ hòn khi Pháp phạm đến chánh thể và nhân cách người nước ta. Ví như chuyện Pháp bắt tuần phủ Hưng-yên, Nguyễn Văn-Thận, giải về Hà-nội, xử tội tử hình. Trước lúc bị bắn, ông bạn già quen biết nhún lại cảm ơn y đã cấp cho... một cỗ quan tài ! Hữu-Độ tìm mọi kế ép dân Hà-nội bán đất chùa Báo-thiên cho giám mục Puginier để xây nhà thờ lớn Hà-nội. Rồi được Pháp gán Bắc đầu bội tinh. Sang tháng 4.1884, Patenôtre lại đem chiến thuyền vào cửa Thuận, ép triều đình huỷ quốc cấm, kí lại hiệp ước bảo hộ. Trong lúc ấy, Hữu-Độ vẫn nghiễm nhiên tự coi mình là “ khâm sai ở Bắc ”. Sau vụ Patenôtre, viện Cơm mật gọi y về Kinh, và ra lệnh nếu không về thì phải tự tử như Hoàng Diệu ; nhưng y không vâng mệnh, và Pháp cũng không cho về. Một năm sau, De Courcy đem quân trở vào Huế, định bắt Thuyết và Tường, chắc sự ấy đã làm cho Hữu-Độ đắc chí. Sau khi Thuyết đem vua Hàm-nghi chạy khỏi đô thành, Pháp liền đưa Hữu-Độ về Huế ; rồi cùng mẹ và các vợ vua Tự-đức, các tôn nhân thân Pháp chọn Đồng-khánh thay Hàm-nghi. Hữu-Độ liền gả con gái cho vua, đặt người phe mình vào các bộ, viện, rồi cầm đầu Cơm mật, trước khi trở ra Hà-nội với chức thực thụ khâm sai. Y giúp Pháp bình định xứ Bắc-kì, và huỷ quyền Triều đình Huế tại đó, cho đến năm y mất (18.12.1888). Y và chính quyền Pháp đã đồng tình chọn người thay thế sau này : ấy là người tay chân mặt thiết : Hoàng Cao-Khải.

Ngạn ngữ có câu : Ai đưa con sáo sang sông ? Nguyễn Hữu-Độ chính là kẻ đưa con sáo Vàng ấy. Trong hơn 5 năm, Hữu-Độ đẩy Hoàng Cao-Khải từ chức tri huyện đến chức tổng đốc. Trong khoảng đầu năm 1884, Pháp đánh Lạng-sơn, thì Cao-Khải được lĩnh chức án sát Lạng-sơn, để bắt phu phen sung võ bị. Rồi lĩnh chức quyền tuần phủ Hưng-yên, sau khi quan tuần phủ Thận bị xử tử. Y quản lý mọi việc như tri án, trị thuỷ rất vừa ý nhà binh Pháp. Bị triệu về Kinh cùng Nguyễn Hữu-Độ, y không tuân lệnh, nên sợ bị quan triều đình sai người đầu độc. Bonnal kể chuyện (sách trên, trang 223) rằng :

“ Hoàng Cao-Khải, còn trẻ, hăng hái, có nhiều tham vọng, thì đã nhất quyết chọn phe ta. Tintưởng rằng sự tiến hành của chúng ta sẽ thành công, y ít để ý đến ý nghĩ của Triều đình, và chỉ cần thận tránh khỏi bị đầu độc, bằng cách sai bà vợ cả (chỉ con bác Phan Đình-Phùng) nấu ăn và trữ ngậm nước uống ”.



(còn tiếp)

Hoàng Xuân Hân

đọc sách đọc sách sách đọc sách đọc sách đọc sách đọc



Những viên sạn

LTS. Lòng say mê của Nguyễn Hữu Thành đối với bản dịch Tây Sương Ký của Nhượng Tống đã được phản ánh trên **ĐĐ** (Số 1.3.93, tr. 13) Gặp bản mới in lại trong nước, anh vội mua cho mình và tặng một người bạn. Nhân tìm thấy sạn trong bản mới này của **Tây Sương Ký**, Nguyễn Hữu Thành lại nhớ đến một số viên sạn khác.

1 - Tây Sương Ký của Vương Thực Phủ - Nhượng Tống dịch, bản của Nxb Văn Học in lại 1992 có đôi chữ khác với bản in của Tân Việt 1944 ! Xin nêu một ví dụ ở trường XVIII, hàng thứ năm, trên xuống :

A. Bản của Tân Việt in : “ Thanh nhã chàng **Phan - Ngọc** chẳng như ”. Tôi đoán in sai chứ không phải lỗi người dịch. Vì không có ai tên Ngọc ở đây cả và câu thơ phải nghỉ hơi sau chữ Phan. Có lẽ Nhượng Tống dịch : “ Thanh nhã chàng Phan ngọc chẳng như ”. Nguyên văn chữ Hán chép trong **Toàn Đường Thi** là : Thanh nhuận Phan lang ngọc bất như.

B. Bản của Nxb Văn học 1992 sửa (bằng tay) chữ Ngọc ra chữ **Nhạc** !

Vẫn biết có Phan Nhạc (247 - 300), nhưng nhân vật này ghép vào đây không có nghĩa. Và lại nguyên tác của Dương Cự Nguyên cũng như bản dịch in hồi Nhượng Tống còn sống không có Phan Nhạc, hơn nữa câu thơ phải nghỉ hơi sau chữ Phan. Trái lại câu dưới có chữ **huệ** in lầm ra **huê** thì có lẽ các ông không biết nguyên tác nên không sửa !

Tôi nghĩ nên tuyệt đối tôn trọng văn bản. Chỗ nào mình không biết, khả nghi hay thấy sai thì chú thích chứ không được sửa.

Tôi đọc không nhiều nhưng nếu gom góp chữ sai lại thì cũng có thể in thành tập. Xin kể thêm vài chữ nữa ở các quyển khác cho vui :

2 - Câu đầu trong bài **Nhấn Khách** của Phan Châu Trinh :

“ Gheo khách Nam quan lúc ghé thuyền ”

Trong quyển **Thơ văn Phan Châu Trinh** (Nxb Văn Học 1983, tr 107) các ông Huỳnh Lý và Hoàng Ngọc Phách giải nghĩa (ở cuối tr 125) : Nam quan là ả Nam. Khách Nam quan là khách người nước Nam.

Tôi đoán khi làm bài thơ này chí sĩ họ Phan có liên tưởng đến bài **Tại ngục vịnh thiên** của Lạc Tân Vương đời Đường (vì hai câu đầu). Nam quan nghĩa đen là mũ người phương Nam (mũ của Chung Nghi người nước Sở). Nam quan nghĩa bóng là người tù.

3 - Trong bài Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê có câu : “ Trần Phồn tháp bất hạ ”, chắc bản dịch cũ đã dịch đúng là : “ Giường kia treo cũng hững hờ ” theo điển : Trần Phồn đời Hậu Hán quý trọng một người ẩn sĩ là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường, lúc bạn về thì treo giường lên.

Những người không hiểu họ sửa chữ **giường** ra chữ **gương** (và có người thông thái hơn sửa luôn chữ **treo** ra chữ **sol**). Cả đến

kể có chữ nghĩa như Văn Tân cũng chép **gương** (Nguyễn Khuyến - Nxb Văn Sử Địa 1959, tr 186) ! May mà có Mã Giang Lân (Nxb Giáo dục 1993, tr 57) trong quyển **Thơ văn Nguyễn Khuyến** chép đúng chữ **giường**.

4 - Trong Bình Ngô đại cáo, áng văn kiệt tác của Nguyễn Trãi có câu : “ Toại sử **Tuyên Đức** chi giáo đồng, độc binh vô yếm ; viên mệnh **Thanh Thăng** chi nọa tướng, dĩ du cứu phần. ” (dĩ du cứu phần là đưa **đầu** chữa cháy). (Chú thích của người đánh máy : cả hai vế dịch là “ Làm cho **Tuyên Đức** trẻ ranh, cùng binh không chán ; liền sai **Thanh, Thăng** tướng nhất, chữa cháy thêm **đầu** ”)

Báo nguyệt san **Europe** tháng 5.1980, số đặc biệt về Nguyễn Trãi, gần cuối trang 57, G.S. Vũ Khiêu chuyển ngữ :

“ Nguyên Trai se gaussa de l'Empereur chinois en le traitant de “ **Gamin Thuyền** (chữ Hán viết **Tuyên** – tôi chú thích) **Dục** ” et des généraux **Liêu Thang** et **Mộc Thanh** en les traitant de “ pauvres militaires apportant leur tête pour éteindre un incendie. ”

Có lẽ G.S. đọc bản dịch rồi lầm **đầu** ra **đầu** nên dịch là **tête** chẳng ?

5 - Từ Điển Tiếng Việt, Nxb KHXH 1977 (In lần thứ hai có chỉnh lý và bổ sung) Tr.859, giải nghĩa từ **Vô Định** :

Vô Định . - Không biết là ai : **Nắm xương vô định** đã cao bằng **đầu** (K).

Một từ rất thông thường mà các học giả đã giải nghĩa không rõ lại phạm thêm ba cái sai hơi lớn :

a) **Đống xương** chứ **nắm xương** thì làm sao mà cao bằng **đầu** được ?

b) **Vô Định** phải viết hoa : vì **Vô Định** là tên con sông ở tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, nước sông lên xuống bất thường nên gọi như vậy.

c) Các vị giảng nghĩa đen. Còn câu

“ **Đống xương Vô Định** đã cao bằng **đầu** ” trong **Kiều** là phỏng theo thơ Đường của Trần Đào trong bài **Lũng Tây Hành** :

Khả liên Vô Định hà biên cốt

Do thị xuân khuê mộng lý nhân !

Nghĩa là :

Thương thay xương chất bờ Vô Định

Mà khách buồn xuân vẫn đợi chờ !

Nói chuyện này thì không bao giờ hết nhưng phải dừng bút : vì e không đủ giấy đăng và sợ nhiều người trách.

Nguyễn Hữu Thành

Tái bút :

Tam tự kinh + Tam thiên tự = Tam nguyên

Quyển **Nguyễn Khuyến** của Giang Hà Vỵ - Viêt Linh (Nxb Văn Hoá 1987, trang 11) có đoạn viết :

“ ... Quyển **Tam tự kinh**, thầy đồ Huy giao **Thắng*** học. Ba ngày sau không thấy **Thắng** đọc tiếp, ông gọi con đến hỏi. Ông ngạc nhiên thấy **Thắng** cất giọng : **Thiên** - trời, **địa** - đất, **cử** - cất, **tồn** - còn, ..., đến hết không sai sót một chữ nào. ”

Chuyện quý vị kể thật thú vị nhưng khó tin lắm. Bởi vì **Thiên** - trời, **địa** - đất,...là đầu quyển **Tam thiên tự** chứ không phải **Tam tự kinh**. Đầu quyển **Tam Tự kinh** là **Nhân chi sơ, tính bản thiện**. ... Những câu vỡ lòng này thời phong kiến đến người không biết chữ cũng phân biệt được, lẽ nào cha con cụ Tam nguyên lại lầm đến như vậy ? Có lẽ hai học giả nghe lầm rồi chép sai chẳng ?

Nguyễn Hữu Thành (Paris, tháng 2.1994)

* **Thắng** là tên Nguyễn Khuyến do ông ngoại đặt lúc mới sinh.

Đỗ Kh. *kẻ giải hoặc*

ĐẶNG TIẾN

Vào đề, xin phép được đưa ngay lời cảnh giác : những bậc nghiêm trang chớ nên đọc Đỗ Kh., nhất là tập truyện ngắn hần mới xuất bản : *Không khí thời chưa chiến*¹. Bậc nghiêm trang gồm nhiều thành phần độc giả, những người có khả năng — hay nguy cơ — được xếp hàng yêu nước. Đại khái : trí thức, viết kiêu, tín hữu, v.v... Thuộc nhiều giai tầng khác nhau, thường thường họ ngồi gần nhau ở nhiều địa điểm : niềm tin ở đất nước, dân tộc, lịch sử, truyền thống, thuần phong mỹ tục, sứ mệnh văn học, v.v... Bọn choai choai đại miệng có lúc xếp họ lên hàng bảo thủ.

Đọc văn thơ Đỗ Kh. họ sẽ rước bực mình, *những bực mình tức không thể nói*, vì lối viết lách nhố nhăng của *Cây gậy làm mưa* này. Phần tôi ngược lại rất khoái văn chương Đỗ Kh. trong *Không khí thời chưa chiến*. Đỗ Kh. suy nghĩ sắc bén, nhận xét tinh vi về cuộc sống và anh diễn tả tận tụy, linh hoạt bằng bút pháp độc sáng. Truyện Đỗ Kh. làm mới văn học Việt Nam, từ hình thức đến nội dung. Anh ném vào văn học cái nhìn mới của lớp trẻ, về những giá trị của cuộc đời, không phá phách mà không khoan nhượng. Đỗ Kh. tàn nhẫn và nhân ái, phân tích lúc lạnh lùng khi nồng ấm, để đến những tổng hợp thực tế và độ lượng. Tổng hợp chuyện đời có khi trực tiếp, nhưng thường ẩn dụ.



Ai ghét Đỗ Kh., trước hết vì lối viết, cách dựng chuyện, dùng chữ đặt câu ; sau nữa mới ghét nội dung khiêu khích : điều sau này không phải ai ai cũng thấy. Vì giận lối viết, người đọc không thêm nhìn anh viết gì, để làm gì và đi đến đâu. Tay Đỗ Kh. vừa láo vừa thâm. Bực hần cái láo, mình không thấy ở hần cái thâm. Hần cười.

Mượn ngôn ngữ văn học, Đỗ Kh. đã phơi bày dưới ánh sáng của thời đại những bản khoán, những câu hỏi lòng tự hỏi lòng, khi giữa lòng mình đang băng hoại những giá trị tinh thần xưa nay vẫn đắp nền xây móng cho đời sống tình cảm, đạo đức. *Không khí thời chưa chiến* là một giai đoạn ngắn trong thời đại, là tấm bia, cái mốc bên triền thời gian miên viễn ; nó là tư duy của một cá nhân cụ thể, vào thời điểm nhất định, vào cuối thế kỷ XX, giữa một nhân gian đang nhạt mờ biên giới. Đỗ Kh. vẫn là người Việt Nam, vì tâm hồn còn thâm tím bầm đen những dấu vết cấu xé nhưng thuộc loại mà Đặng Thai Mai xưa kia định cư vào làng Bông Lông xã Ba La, một lũ khách không dừng bước giữa trần gian.



Truyện Đỗ Kh. đánh vào toàn bộ các huyền thoại làm nên tâm cảnh chúng ta. Phổ biến là tình yêu : trong đời sống, tình

yêu là thực tại, trong văn thơ, thường trở thành huyền thoại — trái tim Trương Chi làm ví dụ cùng cực.

Truyện Đỗ Kh. thường chỉ có hai nhân vật, một nam, người kể chuyện, và một nữ, đối tượng của chuyện kể. Cũng có tương quan, giữa vợ chồng như trong truyện *Không khí thời chưa chiến*, giữa đôi bạn cũ như truyện *Người đàn bà bỏ chồng*, giữa nhân tình nhân ngãi trong *Một cảnh hoa một chặng đường xa*... Nhưng tình cảm ấy mà gọi là tình yêu thì quá lời, vì chỉ dừng lại ở tiếp xúc tầm thường ; dù làm tình, động tác ấy cũng không truyền đạt một tâm cảm nào đặc biệt. Khi yêu, dù con tim không “ mù loà ” như có người hát, ta cũng khó bề quan sát kỹ như Đỗ Kh.

« Quang lấy chân đá đá vào mặt nước ồ ồ sôi động. Lần này hần nhìn Liên cởi bỏ quần áo. Cái leggings vướng vít bám víu vào đùi. Liên cởi quần rồi mới cởi áo. Quang nhìn Liên kỹ càng. Vú Liên động đậy, nằng tháo cái kẹp tóc ra, khuôn mặt tròn lúc lắc. Sa mạc. Quần lót thể thao stretch co giãn, nằng lông đen. (Ừ thì nằng lông đen, chẳng lẽ Liên lông vàng). Liên không lông vàng, Quang nhìn nằng ».

(Cách xa A Phú, truyện cuối, trang chót)

Câu chuyện cắt ngang, chấm dứt ở đây, trong cái nhìn soi mói, không rung cảm. Dòm phụ nữ đi qua đường, nhân vật Đỗ Kh. chỉ có một ám ảnh : “ chơi ” được không ? “ Theo thói quen, hần đếm nhẩm xem bao nhiêu người bề được, cô này bề được không, coi lại xem, ở bề cũng được (...) bỏ cô tàu (...) giữ cô đen... bề được chứ, bề thử chơi. Nhìn mặt, nhìn lưng, nhìn ngực, nhìn đùi, nhìn ngang nhìn ngửa, nhưng hần vẫn còn để ý tìm Bội Trân. Bội Trân, theo hần nhớ, thì đẹp lắm, và dĩ nhiên là phải bề được, thế nào cũng khoái lạc khỏi cần cân nhắc ”.

(Người đàn bà bỏ chồng, tr.76)

Bội Trân là bạn cũ, thân thiết ít nhất cũng hơn mười năm, đã xuất hiện trong *Mười năm đàn bà đầu vú thâm* trong *Cây gậy làm mưa*. Hơn mười năm lưu lạc, gặp lại cố nhân mà chỉ thắc mắc bề được không. Không biết ngày xưa, Kim Trọng có vậy không ?

Truyện *Một cảnh hoa một chặng đường xa* có những đoạn tả tình táo bạo. Nhưng chỉ là tình dục, hay nói đúng hơn, là tính dục. Đỗ Kh. đã dùng ngôn ngữ “ thô bỉ ”, “ nói tục ” (chữ của anh) để tả rất tỉ mỉ cảnh làm tình (anh dùng một chữ khác, chính xác hơn), để đi tới kết quả không lấy gì làm phấn khởi : “ Nhấn nằm vật ra, quần lót ướt khó chịu ” (tr.93), còn người đàn bà : « Kỳ này, cũng như những kỳ trước, chẳng kỳ nào Quyên tới được đích cả (...) Quyên chỉ bảo : “ Ờ, em vậy (...) Chỉ có cái em chẳng bao giờ tới, vậy thôi ”. Vậy hả ». (tr.94). Đỗ Kh., một mặt đi xa hơn cô gái trong truyện *Nhã Ca “ Chết cha, mình đang cảm động ”* (truyện *Ngày đôi ta mới lớn*), hay trong *Nhà có cửa khoá trái* của Trần Thị Nghi. : “ Rồi sao nữa trời đất ! ” Mặt khác, Đỗ Kh. muốn ghi nhận lớp tro bụi của huyền thoại tình yêu đã bị đổ vỡ, ngay trong cao điểm của nó là phút giây ân ái. Ở *Nhã Ca*, Trần Thị Nghi., người đàn bà còn kêu “ chết cha ”, “ trời đất ” ; ở Đỗ Kh., nằng chỉ “ Ờ em vậy, vậy thôi ”. Kinh khủng.

Đỗ Kh. giải hoặc bản năng sinh lý, không còn là tình dục, nó không có tình, thậm chí không cả dục ; vậy nói “ tính dục ” cũng không đúng. Ví dụ hai người hành khách làm tình trên máy bay, trong phòng vệ sinh, sau khi thoả thuận qua mảnh giấy :

« — Còn bao lâu nữa tàu mới đến ?

(...) Hấn gơ bút lên rồi viết tiếp :

“ Tôi với chị có thể làm tình trong nửa tiếng đồng hồ. ”

Hấn quay sang để đưa (...) Người con gái cầm nghiêng tờ giấy. Lăm rút ra từ trong số cái bao cao su giữa bệnh phong tình bọc trong giấy bạc. Hấn đưa nàng vẩy vẩy (...) Hấn cười nhẹ, nàng cầm lấy ” (tr.43). Xong. Đã quá xa rồi, cái thời “ tình trong như đã ”... Và cũng xa rồi, đôi mắt cô Loan lấp lánh sau giàn đậu ván...

Cái khó với nhà văn là khâu kỹ thuật. Làm sao cho sự thô bạo suông sã bắt buộc phải có không rơi vào truyện khiêu dâm ? Đỗ Kh. khá thành công nhờ sử dụng từ vựng. Tiểu thuyết khiêu dâm có kỹ thuật riêng, nói là nghệ thuật cũng được, từ *Nhân tình bà Chatterley*. Nó có quy ước. Truyện Đỗ Kh., từ cách nói đến cách dùng chữ (thô tục) không đi vào quy ước đó. Mặt khác nó nằm trong một quỹ đạo riêng, vận chuyển theo quan niệm tác giả về những chủ đề lớn nhỏ khác, như chính trị, văn hoá, đạo đức. Đề tài dục tính, phái tính trong *Không khí thời chưa chiến* là một thành tố hữu cơ trong một hệ thống tư duy và thao tác. Nó phản ánh một thời đại — video.

“ Instant, cùng một lúc, hai đứa mình, ngay lập tức, liền, thời đại này tân tiến ” (tr.155). Vẫn còn hai đứa mình... “ Thì cũng văn hoá chứ, con người mà, màu mè. Con chó nó tượng trưng động tác ái tình nhất định là kém diêm dúa hơn ” (tr.21).

Trương Chi chết thật rồi. Có cả Sơn Tinh, Thủy Tinh đưa đám.



Truyện *Không khí thời chưa chiến* phản ánh cuộc chiến Libăng, kể lại “ Tiếng súng đêm nay chỉ là gạch phẫn xác định các vùng ảnh hưởng, chỉ là nước tiểu chó bài tiết ở cột đèn, để đánh dấu chủ quyền ” (tr.31).

Trận này, Đỗ Kh. đánh sang một huyền thoại lớn lao khác : lịch sử, với đám quần tinh cổ hủ của nó : quốc gia, dân tộc, chủ quyền. Và xương máu. Và thù hận. Người vợ Libăng bảo chồng — nhân vật “ hấn ” có nhiều điểm giống tác giả Đỗ Kh. : “ Chính trị, ái tình gì cũng vậy, thôi mày quay mặt lại được rồi ” (tr.21). Vì không thích cảnh múa rối, hấn đã quay mặt đi. Nhưng tác giả đã vin lấy cớ, viết một câu thật ác. Những chữ cũng vậy, quay mặt lại phá vỡ huyền thoại. Chính trị và ái tình bị hạ thấp xuống cấp bình thường, tốt xấu lẫn lộn, xấu nhiều hơn tốt.

Truyện *Cô gái sơn cước* mô tả một cộng đồng Đông Dương gốc Thượng du di tản sang Hoa Kỳ, vẫn tiếp tục nghề làm nương phá rẫy ở Merced County và hội nhập khó khăn. Truyện nhắc chúng ta lẽ tương đối của biên giới những quê hương, dân tộc và cả ý nghĩa cuộc sống.

Truyện Đỗ Kh. bắn lên trời những tràng đạn chỉ thiên nghe ròn rã, vui như pháo Tết. “ Sau mười bốn năm đổ máu những người lưu lạc tận quận Cam cách nửa vòng trái đất, đến đây tìm lại không khí của thời chưa chiến ” (tr.32). Đỗ độc giả đoán ra “ người lưu lạc ” là ai ? Không phải. Là người... Ả rập ! Sao lại mười bốn năm đổ máu ? 1960-1973 ? 1962-1975 ? Sai rồi ! Đây là chuyện... Libăng “ nội chiến bắt đầu tháng tư 75 ” (tr.25). Lại tháng tư 1975, đùa dai lắm vậy ! Từ đó, thời điểm lịch sử cũng tương đối : có điểm ghi trong sách vở, cách này hay cách khác tùy nơi (tháng 4.1975 gọi là gì ?) có điểm in vào trong tâm khảm con người : “ với vợ hấn thời tiền chiến là thời nàng chưa vẽ màu

xanh trên những bóng đèn ” (tr.25) để đêm phòng phi cơ, năm 1967 (tr.24). Những ngày chưa chiến với hấn là những ngày trước cái chết của Zouheir Mohsen (tr.26) một lãnh tụ Palestin bị ám sát (1974 ?). Giữa hai vợ chồng, độ chênh của lịch sử còn quan trọng như vậy, nói chỉ đến những người đối nghịch gối đầu lên cằm hận để... nằm mơ.

(Bản thân tôi, viết nghiên cứu văn học đã lâu năm mà không bao giờ dùng đến những từ ngữ *nhạc tiền chiến*, *thơ văn tiền chiến* — vì nó vô nghĩa, và xúc phạm vong linh những con người đã gục ngã dọc con đường lịch sử từ 1945 đến 1975).

Những biến chuyển thô bạo của lịch sử thêm vào những bước tiến hoá trọng đại của văn minh nhân loại. Những chân trời mới, những cảm xúc mới khiến con người hoài nghi khi đánh giá, việc nhỏ việc to :

“ Phở ở bên đó hay bên này ngon.

(...) Phở ở đâu ngon hấn không biết, có quan trọng hay không hay là ở đâu ngon thì cũng thế thôi ” (tr.82).

Ở đây, tác giả không quan tâm đến một món ăn đã trở thành giá trị truyền thống, thước đo văn hoá và tính dân tộc. Bao nhiêu dân tộc khác “ không có phở để mà giữ gốc, tái chín nước trong hành trần nước béo ” (tr.15) nhưng rồi họ vẫn ăn vẫn sống, và sống ra người — con người vô-phở.

Quê hương với con người hiện đại không còn là đất thánh, không thể chấp nhận được câu “ Quê hương ơi địa ngục cũng là thiên đàng ” (tr.33) dù chỉ là một hình ảnh ví von... Lần này thì Đỗ Kh. khẳng định — như ít khi khẳng định.

“ Nơi quê hương hay là nơi quê người, mùi chua của ọạ mửa, dù có đệm nhạc cũng chẳng thành được mùi thơm ” (tr.34).

Đây là một thái độ lạnh mạnh, tích cực và dứt khoát, mà chúng ta cần đào sâu và khai triển.



Giải hoặc những huyền thoại thường dễ phạm nghịch lý, rơi vào huyền thoại của giải hoặc — *le mythe de la démystification*. Nguyễn Huy Thiệp, khi kể chuyện Quang Trung, đã rơi vào cạm bẫy này.

Đỗ Kh. lách được ngòi bút khỏi Huê Dung đạo nhờ hai điểm. Một là bản tánh tếu, trẻ trung, ưa đùa cợt tự nhiên, anh đã biết sử dụng một ngôn ngữ ngoài quy ước văn học. Truyện anh viết chế giễu những chủ đề lệ trọng mà vẫn có người nghe, vì vui tai. Nghe xong rồi thôi : chuyện vui mà. Thứ đến bản chất hoài nghi, vô hình trung anh đem cái hoài nghi của mình làm lung lạc niềm tin kẻ khác, trở lại ví dụ : *Phở đâu ngon hấn không biết* (a) có quan trọng không (b) hay là đâu ngon thì cũng thế thôi (c) (tr.82). Câu văn tiệm tiến a → b → c. Từ “ không biết ” (a) đến chỗ không biết cái “ quan trọng ” (b), rồi đến dung hoà “ cũng thế thôi ” nghĩa là không cần biết (c). Thường thường, khi đánh vào xác tín kẻ khác, thì bản thân mình cũng vũ trang bằng xác tín. Ta dùng cái mê hoặc này đánh vào mê hoặc kia. Ta đã từng biết câu thơ ghê gớm của Chế Lan Viên : “ Ta là ta mà vẫn cứ mê ta ”, dù được đặt lại trong dụng ý giới hạn vào một hoàn cảnh cụ thể, thì câu thơ ấy, tự thân nó, vẫn là cái gì vô cùng lạc hậu, vô cùng bệnh hoạn. Rồi căn bệnh ấy đã huyền hoặc bao nhiêu thế hệ Việt Nam. Biết mình bệnh chưa đã khó, không biết bệnh, chừng nào mới sống được như người ta ? Do đó tập truyện *Không khí thời chưa chiến* là một thang thuốc

đáng. Nó không hiệu nghiệm ngay, nhưng tạo cơ hội và cơ sở cho chúng ta suy nghĩ, trao đổi ý kiến giúp chúng ta thoát khỏi những vòng kim cô lớn nhỏ đang siết chặt cả tim lẫn óc, lẫn tầm nhìn, lối suy nghĩ của mỗi chúng ta.

Đạt mục đích kia, Đỗ Kh. đã sử dụng thập bát ban võ nghệ : kiến thức sách vở của cựu sinh viên *Sciences Po* dự bị *Normale Sup*, kiến thức thực dụng của kẻ chu du bốn bể năm châu, óc nhận xét, suy luận nhanh và nhạy, đặc biệt trí thông minh khi sử dụng Việt ngữ. Trong những người viết văn hiện nay, Đỗ Kh. là một trong những người sử dụng tiếng Việt linh động và sáng tạo nhất. Ví dụ ngay cái tựa đề chối tai nhiều người. Nhưng tại sao các vị nói được thời *tiền chiến*, hậu *chiến*, đương *chiến* mà không cho Đỗ Kh. nói “ *chưa chiến* ” như ta nói “ *chưa thắng, chưa thành* ” (từ việt – từ Hán việt) ? Dĩ nhiên là Đỗ Kh. có lúc viết bạo “ *Em nhớ anh em tìm, mình có năm ba tiếng nằm ái tình, cũng như kỳ trước thôi* ” (tr.99). Chữ “ *nằm ái tình* ” lạ về mặt văn pháp nhưng hợp với hoàn cảnh hai người : vẫn ý ấy, ta không thể nói cách khác. Dường như có lần Nguyễn Tuân viết : sự hoa.

Đỗ Kh. đưa văn nói vào văn viết. Điều này không mới, nhưng chàng Đỗ ngang phè phè. Các tác giả khác, từ Nguyễn Đình Toàn đến Marguerite Duras, khi kết hợp hai thể văn, vẫn tôn trọng nhịp câu văn, dè chừng hơi thở qua cách chấm câu. Đỗ Kh. thì bất cần :

– Phải đi đón tôi thì giờ đâu có ai ở nhà giờ này (tr.38).

Đơn giản hơn, người ta sẽ nói : Phải đi đón tôi thì giờ này đâu có ai ở nhà.

– Thấy anh hay không, anh kiếm ra liền, anh tới được ngay (tr.84).

Chữ “ *thấy* ” đầu câu rối rắm. Bỏ nó đi, câu văn sáng ra. Hoặc thêm vào *Em thấy anh có hay không...* Tuy nhiên, lối đùa với ngữ điệu khi lẫn lộn văn viết với văn nói tạo ra được không khí hồn nhiên — phá vỡ được cái huyền thoại văn chương — như nhiều tác gia phương tây đã làm. Và những câu tả chiến tranh : “ *Và những người vô cố, ghét mặt mày tao bắn chết chơi* ” (tr.28) làm câu chuyện đang bi thảm thành tếu.

Văn Đỗ Kh. chủ yếu là tếu, trác trở, rối rắm, nhưng rất thơ. Tôi thử “ *diễn ca* ” một đoạn (tr.31) văn xuôi Đỗ Kh. :

Hắn để nàng kéo đi
Hắn để yên cho nàng
Nắm tay không nói gì
Moshen vừa bị giết
Chiến tranh vừa bắt đầu
Nàng cầm tay tôi kéo
Cũng đủ mà du dương
Những viên đạn dọc ngang
Kẻ xanh đỏ ngoài đường
... Giờ mới chỉ đẳng hăng
Súng cá nhân — lát nữa
Trọng pháo đòi lên giọng
Biết đâu nàng chẳng ôm

Thơ hay đấy chứ ?

Những câu thơ thất ngôn :

Sa mạc nào coi cũng giống nhau

Chạy giặc giữa thành phố Beirut khói lửa ngất trời, tác giả còn văn xuôi rất thơ, rất :

Lẻ tẻ chiều buồn Beirut Blues

Rồi đến nhịp thơ 8 chữ rất hiện thực xã hội :

*Lúc vội vã giữa đường trên mặt nhựa
Lúc nhắc từng bước đặt sát bờ tường*
(tr.29)

Và khi bước theo nhịp đạn : “ *ngả nghiêng theo nhịp điệu cần kè của những vũ khí giết người. Hai bước hấp tấp một bước chùng* ”. Câu sau này là nhịp rumba : *tắc tắc xinh, tắc tắc xinh...* Rồi câu tiếp theo : “ *Theo cô này cũng vui, buồn buồn đám sau này tôi lấy về làm vợ* ” (tr.29).

Buồn buồn lấy vợ chơi !

Phong cách Đỗ Kh. là vậy : ý và lời gắn bó với âm thanh, nhịp điệu. Từ pháp và cú pháp luôn luôn thay đổi mục độ, từ tục đến thanh, từ thân mật đến phức tạp, cầu kỳ, có khi uyên bác. Nhưng lúc nào Đỗ Kh. cũng tỏ ra làm chủ ngôn từ : viết vậy vì cần viết vậy, không đặt nên vấn đề sai đúng.

Cấu trúc truyện tân kỳ, vì anh hoán vị thời gian sau trước, trước sau, như chuyện trên máy bay, hay trộn lẫn không gian trong *Cô gái sơn cước*. Chưa kể thời gian, không gian tâm cảm luôn luôn xen kẽ với sự kiện : người đọc lơ đãng dễ lạc hướng.



Bài điểm sách về một tác giả mới, đến đây đã là dài. Độc giả có thể thắc mắc : Đỗ Kh. là ai. Chúng tôi xin mượn lời bạn Vũ Huy Quang trong bài bạt tập truyện *Cây gậy làm mưa* để giải đáp (chỉ ghi thêm : Đỗ Kh. sinh tại Hải Phòng năm 1955, ngay sau đó gia đình vào Nam) :

« *Ba mươi tuổi, Đỗ Kh. cho ra đời tập truyện ngắn đầu tay của ông. (Nhưng không phải là tác phẩm đầu tay : La praxis du Dr Yov, truyện dài bằng Pháp ngữ chưa xuất bản).*

Đầu tiên, hấp thụ văn hoá Pháp, du học rất sớm, cựu sinh viên Institut d'Etudes Politiques, rồi bỏ trường, rồi thất bại trong việc nhập học ENS rue d'Ulm, Đỗ lên đường, đi bộ với náo nức của tò mò, của đường xa : đi tìm Kathmandu thánh địa hành hương của những người đi đường trong thập niên 70 mà không đến được. Đỗ sống ít lâu ở Bắc Âu. Tới năm 19 tuổi về Việt Nam, đột ngột đăng lính. Cấp bậc binh nhì, đơn bị tác chiến của một sư đoàn bộ binh vùng III. Chưa đầy năm, bỏ lính, kính đen vất vẻo ngồi Cercle Sportif nhìn Nam Việt Nam sụp đổ. Đỗ Kh. lưu lạc sang Âu Châu, rồi Mỹ Châu. Thực hiện hai phim tài liệu *Bến tạm tại Hương cảng* (1986), về tị nạn thuyền nhân, *Lebanon, a Summer Chronicle* (1982), về biến động ở Beirut.

Khi *Cây gậy làm mưa* xuất hiện, Đỗ Kh. cộng tác bán thời gian cho nhật báo Người Việt, Nam California. Cũng không phải lần đầu tiên làm báo : đã có thời, Đỗ viết freelance cho các báo Pháp.»

Hiện nay, Đỗ Kh. làm kinh tế, kinh doanh đi đi về về giữa California và Paris, thỉnh thoảng tạt qua Sài Gòn. Bề ngoài sang và sướng. Bề ngoài.

Có người nói truyện Đỗ Kh. không đầu không đuôi. Tôi không có cảm giác ấy : với tôi, tập truyện *Không khí thời chưa chiến* là một kiến trúc hữu cơ ; mỗi truyện đều được cấu trúc chặt chẽ, và toàn thể tám truyện dựng nên tám hướng không gian đồng quy về truyện trung tâm là *Niềm vui sở hữu*, chuyện người chơi bút máy, từ cây bút bi xanh đỏ đến những cây bút mực nhiều kiểu trên thế giới. Đoạn kết có thể

tóm lược tư tưởng Đỗ Kh. :

« Bắt đầu là cây viết.

Nhưng ẽ chưa hết, còn những thứ lĩnh kính khác, những thứ rắc rối hơn (...) Những thứ nhiều hãnh diện, biết nói biết cười, ấy vợ, ấy con. Những thứ danh động cột, quê hương, lời thề chủ nghĩa, chân lý, sự thật, con người, vũ trụ và cuộc đời. Bằng ấy thứ, hẳn tự giới hạn lại, giờ thì chỉ có ở cây viết.

Hắn chẳng biết, cái bé thì vui bé, cái lớn vui lớn, thật ra những cây viết trong đời, cây nào mà chẳng vui tuy rằng sẽ có lúc không vừa ý.

Của tôi, anh thấy chưa. Hạnh phúc, chỉ vậy thôi.

Vui ở chữ tôi, bắt đầu là cây viết » (tr.68).

Đoạn văn tổng hợp hé cho ta thấy tâm hồn Đỗ Kh., tài hoa, thâm thúy và hiền triết. Niềm vui, nói là cây viết — không phải là cây bút — thật ra là sự viết. Viết cái mình sống, sống cái mình viết, “ vui ở chữ tôi ” chưa bằng tôi ở chữ vui.

Trong *Không khí thời chưa chiến*, Đỗ Kh. có hoài nghi, thậm chí có khước từ một số giá trị cơ bản của truyền thống. Nhưng thái độ từ khước không tiêu cực. Ngược lại còn tích cực vì nhân danh một niềm vui mới, một hạnh phúc mới, đơn giản và đầm ấm. Hiện nay, không mấy nhà văn nhà thơ tin vào niềm vui và hạnh phúc như Đỗ Kh. đã ngay thẳng tuyên bố. Tác phẩm anh lành mạnh, xây dựng ở chỗ đó : nó xác minh được tự do và hạnh phúc con người trong một thời đại mới, trên một thế giới mới. Thế giới ấy, xưa kia bao la, bây giờ vào truyện Đỗ Kh. thân thuộc như cảnh làng quê có ao sen, có trúc mọc đầu đình, với câu chuyện ngọt bùi ấm lạnh, mưa hè nắng chái. Đỗ Kh. đưa những địa danh xa lạ vào khung cảnh thân mật. Mai kia những Beirut, Paris, Santa Ana của Đỗ Kh. sẽ trở thành những Tiêu Tương, những Tầm Dương, hay là những Chùa Hương, kinh Vĩnh Tế ngày nay.

Đóng góp của Đỗ Kh. vào tư tưởng, tình cảm Việt Nam là quan trọng. Đóng góp của anh vào ngôn ngữ và văn học không nhỏ. Tôi mừng anh. Kỳ thực là mừng nhau. Mừng nhau khi vườn nghèo, khi vườn nhau còn tần tiện nở được cho nhau một cành hoa. Thứ hoa lạ của loài hoa đẹp. Một cánh hoa hẹn ước rừng hoa.

Đóa hoa tươi cho những cặp môi gần. Rặng hoa gần cho một chặng đường xa.

Đặng Tiến

28.02.1994

(1) Đỗ Kh. là tác giả :

– *Cây gây làm mưa* (tập truyện), Tân Thu 1989.

– *Thơ Đỗ Kh.*, Tân Thu 1989.

– *Có những bức mình tức không thể nói* (thơ), Tân Thu 1990.

– *Không khí thời chưa chiến* (tập truyện), Hồng Lĩnh 1993.

– *Ký sự đi Tây* (bút ký), Xuân Thu xuất bản tại Mỹ 1990, nhà xuất bản Văn hoá Thông tin tái bản tại Hà Nội cuối năm 1993, với lời tựa của Thanh Thảo.

Thơ Đỗ Kh. và *Không khí thời chưa chiến* có bán tại Trung tâm Văn hoá Pháp-Việt (24, rue des Ecoles, Paris 5). *Ký sự đi Tây* có bán tại tiệm sách trên lầu Vietnam Diffusion, 146 Bd Vincent Auriol, Paris 13.



Vì tôi có căn nhà riêng, cơ quan không phải phân nhà cửa nữa nên được ưu tiên cho đào gạch làm trú ẩn trong chiến tranh với Mỹ.

Hiệp định Paris ký kết, hoà bình lập lại, cả Hà Nội thổ phào, sung sướng trở về. Các hầm hào được lệnh phá, giải phóng mặt bằng. Người ta đua nhau phá hầm. Cũng là một món hời to phải giành lấy vì chỉ có một thời gian “ ngàn năm có một ” này thôi.

Việc đào gạch để ra vấn đề “ phương tiện ”. Phải kiếm cái xà beng, mà xà beng là đoạn sắt chắc, nhọn đầu là được.

Tôi cần một khúc sắt làm cái xà beng quá. Trước cơ hội này, cố đào lấy ít gạch nằm sâu dưới đất để xây hai cái đầu hời. Nhà tôi thừa nhân lực. Tôi về hưu non nhưng còn khoẻ lại có thằng cháu lớn, lao động nặng nó bảo còn nhàn hơn cạo râu. Chỉ cần phương tiện thôi, có phương tiện là có gạch. Tôi đi lòng mãi vẫn không ra đoạn sắt đang thèm.

Gặp được ông bạn cho biết nhà ông Thanh Chương có cái cọc sắt to lắm vẫn cắm ở giữa sân, chẳng dùng gì đến cả. Tôi sướng rơn : Xong rồi ! Thế nào Chương cũng cho mình cái cọc sắt ấy thôi, để làm gì vô lý vậy.

Ông Thanh Chương với tôi là chỗ thân quen, chả là có thời tôi buôn giấy bán lẻ hay bán rẻ cho ông giấy nháp mà ông lại là nghệ sĩ đa dạng : làm thơ, viết văn, viết phê bình tiểu luận, là nhà nghiên cứu thì cái cọc sắt đối với ông có nghĩa gì.

Tôi vừa bước tới sân thì ông Thanh đã đơn dả chạy ra. Đôi bên chào hỏi rồi rít. Ông không tiếp khách trong nhà mà đưa tôi ra ngồi trên bộ bàn ghế gỗ tiết kiệm đặt dưới gốc cây sấu già sum suê đầy bóng mát.

Nhà ông là hai gian nhà phụ của một biệt thự lớn. Nhưng cái sân thì tuyệt vời, đầy cây cối, sấu, hoàng lan, trúc tỏi gà cùng nhiều cây cảnh khác. Khoảng còn lại là sân chơi khá rộng.

Tôi đến đây với mục đích xin xỏ, còn ông, như một luật của lễ giáo lại cho rằng : “ Khách đến nhà là một niềm vui ”. Ông pha trà mời tôi, thăm hỏi tôi ân cần vẻ trân trọng lắm.

Tuy tôi nói chuyện với ông, nhưng mắt vẫn ngấm nhìn và suy nghĩ về chiếc cọc sắt đen nhánh vô dụng mà lại chôn ở đúng giữa cái sân chơi lý tưởng. Cái cọc ấy là một đoạn thép gai to bằng cán cuốc ước tính khoảng hơn ba mét, vì chôn dưới đất rồi, phần còn lại phải một đầu một vôi, chặt nó ra làm ba cái xà beng thì bố con tôi sẽ đào hết căn hầm. Tôi tưởng tượng ba cái xà beng này mà vào gia đình tôi, lao động với tốc độ gấp thì chỉ cần ba bốn ngày thôi là đủ gạch xây bốn xung quanh tường nhà tôi, không phải mua đâu cả, nó tự dưới đất chui lên xếp đồng đở loè, sướng mắt thật. Trong người tôi tràn đầy hy vọng. Tôi thầm nghĩ chắc cũng dễ thôi. Ông ấy là nghệ sĩ vô tư mà cái cọc sắt đứng trơ trọi giữa sân trông lại chướng, sao không nhổ đi cho xong chuyện.

Đã vài tuần nước, việc thăm hỏi đã qua lâu, tôi quyết định hỏi để thăm dò :

– Ông Chương ạ, cái cọc sắt kia ông có dùng làm gì không, sao không nhổ nó đi cho thửa vườn thơ mộng nhỉ ?

Ông Thanh Chương chứng người, căng đôi mắt, đưa tay

CHIẾC CỌC SẮT

ra hiệu cho tôi :

– Dừng, chớ nói đến nó nữa !

Tôi ngỡ ngàng, tự cảm thấy lòng tham của mình là lỗi bịch. Hình như biết tôi hổ thẹn, ông Thanh Chương nói :

– Không sao, chẳng phải riêng ông. Ai đến nhà tôi cũng nhắc đến cái đáng đúng vô lý của nó. Nhưng mấy hôm nay không biết làm sao mà nhiều người ướm hỏi. Cả mấy ông hàng xóm đây cũng sang đặt vấn đề đổi chác, tôi thật đến khổ.

Mặt ông Thanh Chương co lại, ánh mắt vẫn sáng quắc của ông đổi màu. Ông cầm lấy cái chén không rồi lại để vào khay trà, vẻ lúng túng.

Ông Thanh Chương ho và nói tiếp :

– Nó cứ đứng đấy không ai đụng đến thì thôi. Nếu có người nhắc đến, bà nó nhà tôi lại như lên cơn. Hôm nay may nhà tôi đang ngủ ở trong nhà, chứ không thì khổ...

Chẳng hiểu rõ căn nguyên nhưng tôi thấy ân hận về ý muốn của mình nên xin lỗi bạn :

– Ông bỏ qua cho sự khiếm nhã nhé.

Ông Thanh Chương giơ hai tay nói :

– Không sao, ông yên tâm mà...

Ông lặng đi mấy giây. Mặt ông như dâng lên một nỗi buồn. Với giọng trầm trầm ông kể về cái cọc sắt :

– Nó là của thằng cháu Thuỷ, nhưng cháu hy sinh đã mấy năm rồi.

Cặp mắt đa sầu của ông tối lại, với cái giọng khe khẽ chậm rãi, ông tiếp :

– Thời kháng chiến chống Pháp, ở khu Ba, nhà tôi mang thai cháu, gần đến ngày sinh, không ở đâu yên lấy được một tuần. Tôi bị sốt rét. Bố mẹ già, vợ sắp đẻ. Tây càn quét liên tục. May quá tôi mượn được cái thuyền để hết gia đình lên đó chưa biết làm thế nào. Thế là tôi lội, đẩy thuyền qua một cánh đồng chiêm khá rộng đến một cái thôn, một cái xóm thì đúng hơn. Ở đó chỉ có mấy gia đình, như một hòn đảo trên trời dưới nước mênh mông. Ở được đúng một ngày, nhà tôi trở dạ, sinh cháu Thuỷ. Vào được đây tưởng là ổn, nhưng địch nó không lội nước vào càn được thì nó bắn đại bác. Ông ơi, thật là hú vía. Hầm đầu mà trú trên mặt nước mênh mông. Thế là gia đình tôi lại bồng bế nhau đi lang thang đây đó mấy năm liền. Thế rồi hoà bình lập lại, năm 1955 chúng tôi bồng bế nhau về Hà Nội. Lúc đầu cũng phải chui rúc mãi mới đến mấy năm mới về ở căn nhà này. Gia đình tạm yên ấm được ít lâu thì tôi gặp cái tai nạn văn

chương ông biết đấy. Nhưng thôi “ văn chương hữu mệnh ”
(1) như cụ Siêu đã viết...

Nói đến đây, tôi thấy mắt ông Thanh Chương như chững lại. Ông im lặng cúi đầu xuống như cố chìm đi sự ân hận nào đó. Tôi thấy trên đầu ông, những sợi tóc ở đỉnh đã bỏ ông đi, còn lại một đôi cái lơ thơ, đây đó đã có những sợi bạc trắng. Tự nhiên rồi cũng thấy buồn và thông cảm cùng ông.

Ông Thanh Chương lại tiếp tục câu chuyện :

– Năm 1966, ông biết đấy : Chiến tranh phá hoại miền Bắc ở thời kỳ ác liệt. Cháu Thuỷ đã đến tuổi thành niên. Mới bước vào tuổi mười bảy cháu đã cao bằng tôi. Một hôm cháu nói với tôi rằng cháu muốn may một cái áo popeline trắng. Ông tính ăn chẳng đủ còn lấy tiền đâu mà mua sắm loại áo đắt tiền ấy. Cháu muốn xin tôi cái phiếu vải của cán bộ. Tôi cứ tưởng cháu chỉ xin một ô thôi. Tôi nói :

– Được rồi, con lấy một ô mà mua. Phải coi cẩn thận khi họ cắt phiếu đấy. Nếu mình không chú ý là mất toi ô bên cạnh. Đã nhiều người bị như thế con ạ.

Cái thời ấy ô phiếu bị cắt rời ra, ai người ta bán cho nữa, ông biết không. Cháu Thuỷ không xin một ô, mà cháu định xin cả tấm phiếu, có phải chỉ có năm mét vải đâu. Nó còn nhiều ô A, B, C, D... Những ô ấy dùng làm gì họ không tuyên bố. Dùng một cái họ cho một thứ gì đó phân phối theo ô A, ô B, chẳng hạn mà mình mất những ô ấy có phải thiệt không, nhất là dịp tết. Mà bán phiếu thì người mua cả tấm có tính tiền những ô kia đâu. Cháu ngoan quá, thấy bố ngăn ngại, nó cũng thôi. Sau đó mấy hôm, cháu dẫn mấy bạn về nói với tôi :

– Bố ơi, con nhận đơn lưới cho công ty chống lụt, con xin phép bố cho mạng về đây làm.

Tôi đồng ý ngay và mừng quá vì bên cạnh nhà có cái hầm tốt lắm.

Ông Thanh Chương dướn người đưa mắt nhìn ra chiếc cọc sắt. Tôi thấy đôi mắt ông như đờ dại. Ông lặng đi một lúc, nói :

– Đấy ! Chiếc cọc sắt của cháu để cuốn thép đan lưới hộ đề còn lại đấy. Hồi đó cháu trần lức ra lao động suốt một vụ hè.

Hôm giao hàng lĩnh tiền về cháu đưa tiền cho mẹ. Mẹ cháu hỏi :

– Con có cần tiêu gì không ?

Cháu nói :

– Con muốn may cái áo popeline trắng.

Ông ơi, thật khốn nạn cho tôi, lúc đó tôi lại gần con :

– Thuỷ ơi, may làm gì áo trắng hả con. Khi có báo động thì phiên lắm. Mua bộ quần áo bộ đội mà mặc. Ở ga bộ đội họ bán khối ra, rẻ thối mà.

Ông Thanh Chương như bay vào những kỷ niệm xa xăm, mắt ông ngấn lệ. Ông nói tiếp :

– Lại một việc nữa. Hôm tổng kết công việc cháu mời bạn đến định ăn tươi. Nguyên vọng chúng nó là muốn ăn một bữa bún chả, nhưng việc này cũng không thành vì hôm ấy không hiểu sao, chúng đi xếp hàng mua đậu lại mua được tất cả sáu phiếu, sáu cân đậu.

Ôi ! Một rổ đậu. Cả nhà mừng vì tiêu chuẩn mỗi tháng một cân mà có bao giờ mậu dịch bán cho một lần đâu.

Trước một rổ đậu ngon lành, nhà tôi liền nảy ra một ý : Không ăn bún chả nữa mà ăn đậu rán với bún mắm tôm. Thôi cũng được, đậu rán mắm tôm đối với hoàn cảnh năm đó cũng là tiệc rồi còn gì nữa. Vì nếu ăn bún chả thì mất những hai cân phiếu thịt. Để hai cân phiếu mua mỡ lại được ba cân. Rán lên chia đôi, cháu mang đi một nửa lên trường nơi sơ tán ăn cũng được hàng tháng.

Thế là ý định của thằng bé ăn bún chả cũng không thành.

Ông Thanh Chương vội đặt lên môi miếng thuốc cuốn, hút liên tục, đôi mắt nhìn khoảng không xa vời, rồi đột nhiên ông đập thuốc, nói :

– Sau hôm đó cháu lên trường học nơi sơ tán. Đen cho tôi quá, gặp lúc cơ quan nhiều việc, phải lẫn ra mà làm. Anh em khác được ngày nghỉ họ cứ nghỉ, mình thì không dám, vì đây là những dịp để tỏ ra mình thực tâm cải tạo để cuối năm xét coi trời được phần nào. Vì thế, mất hơn hai tháng tôi không đến tiếp tế cho cháu.

Ở nơi sơ tán, bà con tốt lắm. Người ta cho vay gạo rồi gia đình mang mì lên trả. Còn thức ăn thì cháu hái nắm rau, bắt con cua, con cá ở đồng. Thường là như vậy.

Thật tội nghiệp. Lúc đó tôi cũng bí quá. Khi có tiền thì chưa đến kỳ được mua mì, gạo. Lúc được ngày mua thì lại không có tiền. Cứ chờ tiền, chờ ngày, rồi lại phải đi xếp hàng nữa kể hàng buổi. Thế là lâu lắm tôi mới mang được mì, thực phẩm lên cho thằng Thuỷ. Hôm đi tôi đạp xe đạp như kiểu mã hồi. Khi đến chỗ cháu ở thì ôi thôi nhà cửa vắng tanh, gian bếp cháu ở nhờ thì tanh bành ra trông thương quá.

Tôi không hiểu sao còn đang hoang mang thì một bà hàng xóm chạy sang nói oang oang :

– Bác ơi, anh Thuỷ nhà bác đi bộ đội rồi. Gồm bác chẳng lên mà xem. Vui lắm. Cả trường, cả làng hoan nghênh con bác.

Bà hàng xóm cứ ba hoa nói trong khi người tôi như rã rời. Mất tôi tối tăm lại, tôi gọi khẽ con mình :

– Thuỷ ơi, sao không đợi bố, nói với bố vài lời rồi hãy đi con ?

Ông Thanh Chương ngừng một lát, hạ giọng, nói :

– Ông ơi, tôi tội lỗi quá. Từ ngày biết cháu hy sinh, tôi ân

hận. Sự ân hận giày vò cả những lúc tưởng là an nhàn sung sướng.

Có một lần ăn phở, vừa bung bát lên hình ảnh Thuỷ hiện ra, tôi nghẹn cứng cổ, vội đặt bát xuống, trả tiền và trốn chạy.

Một hôm đi xem phim cũng thế. Phim đến đoạn đôi lứa yêu đương, hình ảnh cháu choán cả màn ảnh. Tôi phải đứng lên ra ngoài rap.

Bất cứ làm cái gì, đọc một bài thơ hay, một đoạn văn hay, đi dự một cuộc vui, tự nhiên hình ảnh cháu lại hiện về.

Lại còn một việc đáng sợ đối với tôi. Mầu áo sơ mi trắng, mùi thơm của bún chả mỗi lần thấy một trong hai thứ đó tôi lại rùng mình.

Ông ơi, thế là cháu khuất bóng đã được năm năm rồi. Là một con người mà nó ra đi chẳng còn gì để lại.

Ông Thanh Chương im lặng một lúc, nhìn xuống đất lẩm bẩm như nói một mình “ chẳng còn gì cả ” :

– Bức ảnh thờ cháu cũng chẳng phải là nó nữa. Đó là ảnh của tôi khi còn bé, đem phóng để thờ mà nhớ, thế thôi.

Ông Thanh Chương đứng lên, mắt rung lệ, chỉ tay vào chiếc cọc sắt :

– Đây chỉ còn có cái cọc cháu từng cuốn lưới chống lụt. Mẹ cháu nhất định không cho phá. Đó là kỷ niệm riêng tư của bà ấy nhà tôi.

Vâng rất riêng tư...

– !!!

Phan Thanh Hoài

(1973)

(trích từ Tập truyện ngắn **CHUYỆN BÊN HỒ QUỲNH**, Nhà xuất bản Hà Nội, 1993)

(1) Trong bài thơ khóc Cao Bá Quát, Nguyễn Siêu viết :

“ Văn chương hữu mệnh tương chung thuỷ
Thanh khí đồng bi tự cổ cầm ” có nghĩa là :
“ Nếu có mệnh văn chương là thuỷ chung rồi
xưa nay tiếng tăm tính khí vẫn là khó ải ”

Phan Thanh Hoài

Tên thật là Nguyễn Quang Triết, sinh ngày 20.2.1926, Bình An, Thư Trì, Thái Bình.

- Tham gia cách mạng trước 1945
- Giải phóng quân Hà Nội 1946
- Sinh viên khoa học cơ bản 1951, y khoa 1952 tại Việt Bắc
- Sinh viên nội trú 1957 - 1958
- Giảng viên trường bổ túc cán bộ y tế Trung ương 1959 - 1968
- Bác sỹ sản khoa - phẫu thuật viên
- Đã nghỉ hưu